



NGUYỄN THỊ HỒNG NAM (Chủ biên)
TRẦN LÊ DUY – NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC
NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

NGŨ VẦN

6

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

baitap365.com

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM (Chủ biên)
TRẦN LÊ DUY – NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC
NGUYỄN THÀNH THI – NGUYỄN THỊ NGỌC THUY

NGŨ' VẢN

6

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ nhất)

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Việc viết hoa trong sách **Ngữ văn 6** được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa
để dành tặng các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến!

Trên tay các em là cuốn sách giáo khoa **Ngữ văn 6**, bộ Chân trời sáng tạo của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. **Ngữ văn 6** chú trọng khơi gợi ở các em niềm say mê khám phá thế giới và theo đuổi những ý tưởng mới mẻ. Trên tinh thần chung đó, sách giúp các em phát triển kỹ năng đọc, viết, nói, nghe, kỹ năng giải quyết những vấn đề mà lứa tuổi của các em thường gặp. Qua việc thực hiện các hoạt động học tập trong từng bài học, các em sẽ được bồi dưỡng về các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung như tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Sách **Ngữ văn 6** gồm mười bài học chính tương ứng với mười chủ điểm gắn với những vấn đề gần gũi trong cuộc sống của các em. Ở tập một, các em sẽ được học về lịch sử của đất nước qua cách kể chuyện của các tác giả dân gian (bài *Lắng nghe lịch sử nước mình*); khám phá một thế giới khác lạ trong các truyện cổ tích, từ đó, rút ra những bài học sâu sắc về đạo lý làm người (bài *Miễn cổ tích*); yêu quý, tự hào về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Việt Nam (bài *Vẻ đẹp quê hương*); trải nghiệm thế giới xung quanh để nhận ra những mặt tốt đẹp cũng như những điều chưa hoàn thiện của bản thân (bài *Những trải nghiệm trong đời*); quan sát, cảm nhận những bí ẩn, kì diệu của thiên nhiên (bài *Trò chuyện cùng thiên nhiên*).

Ở tập hai, các em sẽ được tìm hiểu giá trị của những điểm tựa trong cuộc sống mỗi khi đối mặt với thử thách (bài *Điểm tựa tinh thần*); cảm nhận sâu sắc ý nghĩa của gia đình và học cách yêu thương gia đình (bài *Gia đình thương yêu*); học cách nhìn cuộc sống từ những góc độ khác nhau, tôn trọng sự khác biệt và biết cách trao đổi, thuyết phục người khác (bài *Những góc nhìn cuộc sống*); thấu hiểu ý nghĩa của việc nuôi dưỡng một đời sống tâm hồn phong phú (bài *Nuôi dưỡng tâm hồn*); học cách chung sống, trân quý và bảo vệ vạn vật xung quanh (bài *Mẹ Thiên Nhiên*).

Ngoài ra, trong bài mở đầu cuốn sách, các em được làm quen với các bạn và môi trường học tập mới (bài *Hoà nhập vào môi trường mới*). Ở bài cuối sách, các em được đặt vào một số tình huống thực tế, tìm những cách khác nhau để giải quyết những vấn đề của chính các em (bài *Bạn sẽ giải quyết việc này như thế nào?*).

Mỗi bài học là một cột mốc trong hành trình đầy ắp những điều mới lạ và hấp dẫn, giúp các em hiểu thêm về xã hội, thiên nhiên và về chính bản thân.

Để học tốt **Ngữ văn 6**, các em hãy đọc kĩ hướng dẫn và hoàn thành các nhiệm vụ học tập được thiết kế trong từng bài học.

Chúc các em có những trải nghiệm thú vị cùng **Ngữ văn 6**.

NHÓM TÁC GIẢ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích; các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận biết được chủ đề của văn bản.
- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của trạng ngữ; biết cách sử dụng trạng ngữ để liên kết câu.
- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích và kể lại được truyện cổ tích.
- Yêu nước và nhân ái.

Trước khi học em hãy đọc kĩ mục này để:

- Định hướng cách học.
- Tự kiểm soát mức độ đạt được các yêu cầu cần đạt sau khi học xong.

Mục này giúp em biết được chủ điểm của bài học và thể loại chính của văn bản đọc.

Từ thuở ấu thơ, ai trong chúng ta cũng từng được nghe những câu chuyện cổ tích bắt đầu bằng "Ngày xưa ngày xưa...". Một thế giới khác lạ được mở ra cùng những tình tiết li kì, những nhân vật sinh động. Qua truyện cổ tích, biết bao bài học sâu sắc về đạo lí làm người đã được cha ông ta gửi gắm cho đời sau.

Đến với bài học này, các em sẽ có cơ hội tìm hiểu về truyện cổ tích để càng thêm yêu mến, trân trọng những sáng tác dân gian vô giá.

? *Truyện cổ tích có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?*

Em hãy đọc kĩ câu hỏi này và tìm câu trả lời sau khi học xong bài học.



ĐỌC

TRI THỨC NGŨ VĂN
Tri thức đọc hiểu
Tri thức tiếng Việt

SỢ DỪA



Chuẩn bị đọc

1. Đã bao giờ em đánh giá người khác chỉ qua hình thức bên ngoài? Cách đánh giá như vậy có chính xác không?
2. Nhan đề văn bản gợi cho em liên tưởng gì?



Trải nghiệm cùng văn bản

– Mẹ ơi, con là người đầy. Mẹ đừng vút con đi mà tội nghiệp.

Nghĩ lại, thấy thương con, bà đành để con lại nuôi và đặt tên cho nó là Sợ Dừa. ❶

Suy luận

❶

Những chi tiết trong phần mở đầu giúp em biết được gì về nhân vật Sợ Dừa?

Những kiến thức trong hai mục này là công cụ giúp em phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

Trước khi đọc, hãy trả lời câu hỏi trong mục này để có thể hiểu văn bản tốt hơn.

Trong khi đọc, gặp những câu hỏi như thế này, hãy tạm dừng để suy ngẫm. Điều này giúp em tự kiểm soát quá trình đọc hiểu của mình, đồng thời hiểu rõ các chi tiết quan trọng của văn bản.

Suy ngẫm và phản hồi

1. Truyện cổ tích thường kể về nhân vật bất hạnh (mồ côi, mang lốt vật,...), nhân vật dũng sĩ, nhân vật thông minh,... Theo em, Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật nào?

Việc trả lời các câu hỏi trong mục này giúp em đạt được yêu cầu cần đạt của bài học.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

Mục này giúp em nhận thấy một chủ điểm có thể được thể hiện bằng những cách thức khác nhau.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Thực hành các bài tập trong mục này giúp em phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

Viết ngắn

Hoạt động này cho em cơ hội vận dụng tri thức ngữ văn và những hiểu biết về đời sống để rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

Các yêu cầu trong mục này giúp em vận dụng tri thức về thể loại vào việc đọc hiểu văn bản cùng thể loại.



VIẾT

Kể lại một truyện cổ tích thuộc kiểu bài kể chuyện, trong đó, người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của mình.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Người kể sử dụng ngôi thứ ba.
- Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.
- Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo, hoang đường.
- Bài văn gồm có ba phần:

Mở bài: giới thiệu truyện cổ tích sẽ kể lại (tên truyện, lí do chọn kể,...).

Thân bài: giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày những sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.

Kết bài: nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.

Những thông tin trong mục này cung cấp cho em tri thức cơ bản về kiểu bài mà em sẽ học và thực hành.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Kể lại truyện cổ tích “Cây khế”

Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

Mở
bài

Thật vậy, truyện cổ tích luôn mở ra thế giới nhiệm màu, kì ảo với những bài học sâu xa mà người xưa gửi gắm. Những bài học ấy, qua lời kể của bà, của mẹ, luôn in sâu trong tâm trí mỗi người từ thuở ấu thơ. Một trong những câu chuyện hay, được nhớ mãi là *Cây khế*.⁽¹⁾

1. Giới thiệu
tên truyện
và lí do
muốn kể lại
truyện.

Đọc kĩ những thông tin trong các ô bên trái và bên phải văn bản sẽ giúp em hiểu được đặc điểm văn bản, học cách tạo lập văn bản tương tự.

Đề bài:

Viết một bài văn khoảng 400 chữ kể lại một truyện cổ tích.

Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Em cần đọc kĩ đề bài để xác định:

- Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì?
- Kiểu bài mà đề yêu cầu là gì?

Trước khi viết, em cần trả lời các câu hỏi:

Viết văn bản này nhằm **mục đích** gì?
Người đọc có thể là ai?

Việc trả lời các câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng nội dung bài viết, cách viết, tăng hiệu quả giao tiếp.

Thực hiện đầy đủ những yêu cầu trong Hướng dẫn quy trình viết sẽ giúp em từng bước học cách viết, đồng thời hình thành khả năng lập kế hoạch cho quá trình viết, tự định hướng và tự kiểm soát bài viết.



NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH

Em đã viết xong một bài văn kể lại truyện cổ tích mà em yêu thích. Bây giờ, em hãy dùng ngôn ngữ nói để kể lại câu chuyện của mình cho các bạn nghe.

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Trước khi nói, em cần trả lời các câu hỏi:

Bài nói nhằm **mục đích** gì?

Người nghe có thể là ai?

Việc trả lời hai câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng được nội dung bài nói, cách nói, tăng hiệu quả giao tiếp.

Thực hiện các hướng dẫn trong mục này sẽ giúp em phát triển kĩ năng nói, nghe, nói nghe tương tác; khả năng tự kiểm soát, tự định hướng; khả năng phản biện và tự điều chỉnh.

ÔN TẬP

1. Hãy tóm tắt cốt truyện và nêu chủ đề của các truyện đã đọc vào bảng (làm vào vở) theo mẫu sau:

Tên truyện	Tóm tắt cốt truyện (ngắn gọn)	Chủ đề của truyện
Sọ Dừa		
Em bé thông minh		
Non-bu và Heng-bu		

Các bài tập trong mục này giúp em củng cố kiến thức, rèn luyện kĩ năng về đọc, viết, nói và nghe, phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
Hướng dẫn sử dụng sách	4
Bài mở đầu: HOÀ NHẬP VÀO MÔI TRƯỜNG MỚI.....	9
NÓI VÀ NGHE	9
Chia sẻ cảm nghĩ về môi trường Trung học cơ sở.....	9
ĐỌC	10
Khám phá một chặng hành trình.....	10
VIẾT	12
Lập kế hoạch câu lạc bộ đọc sách	12
Bài 1: LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH	17
ĐỌC	17
Thánh Gióng (Truyện dân gian Việt Nam)	19
Sự tích Hồ Gươm (Truyện dân gian Việt Nam)	22
Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân (Minh Nhượng)	25
Thực hành tiếng Việt	27
Bánh chưng, bánh giầy (Truyện dân gian Việt Nam)	29
VIẾT	31
Tóm tắt nội dung chính của một văn bản bằng sơ đồ	31
NÓI VÀ NGHE	34
Thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.....	34
Ôn tập	36
Bài 2: MIỀN CỔ TÍCH	37
ĐỌC	37
Sọ Dừa (Truyện dân gian Việt Nam).....	39
Em bé thông minh (Truyện dân gian Việt Nam)	42
Chuyện cổ nước mình (Lâm Thị Mỹ Dạ)	46
Thực hành tiếng Việt	48
Non-bu và Heng-bu (Truyện dân gian Hàn Quốc).....	49
VIẾT	52
Kể lại một truyện cổ tích	52
NÓI VÀ NGHE	57
Kể lại một truyện cổ tích	57
Ôn tập	58

Bài 3: VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG	59
ĐỌC	60
Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương	61
Việt Nam quê hương ta (Nguyễn Đình Thi)	64
Về bài ca dao "Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng..." (Bùi Mạnh Nhị).....	66
Thực hành tiếng Việt	67
Hoa bìm (Nguyễn Đức Mậu).....	69
VIẾT	70
Làm một bài thơ lục bát	70
Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.....	74
NÓI VÀ NGHE	78
Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.....	78
Ôn tập	79
Bài 4: NHỮNG TRẢI NGHIỆM TRONG ĐỜI	81
ĐỌC	81
Bài học đường đời đầu tiên (Tô Hoài)	83
Giọt sương đêm (Trần Đức Tiến)	90
Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ (Nguyễn Ngọc Thuần).....	94
Thực hành tiếng Việt	96
Cô Gió mất tên (Xuân Quỳnh).....	98
VIẾT	102
Kể lại một trải nghiệm của bản thân	102
NÓI VÀ NGHE	107
Kể lại một trải nghiệm của bản thân	107
Ôn tập	109
Bài 5: TRÒ CHUYỆN CÙNG THIÊN NHIÊN	110
ĐỌC	111
Lao xao ngày hè (Duy Khán)	112
Thương nhớ bấy ong (Huy Cận)	116
Đánh thức trâu (Trần Đăng Khoa)	119
Thực hành tiếng Việt	121
Một năm ở Tiểu học (Nguyễn Hiến Lê).....	122
VIẾT	124
Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.....	124
NÓI VÀ NGHE	129
Trình bày về một cảnh sinh hoạt.....	129
Ôn tập	130
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I	131
BẢNG HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG ĐỌC.....	136
BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ	138
BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI.....	139

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được nội dung cơ bản của sách giáo khoa Ngữ văn 6.
- Biết được một số phương pháp học tập môn Ngữ văn.
- Biết lập kế hoạch câu lạc bộ đọc sách.
- Có trách nhiệm với việc học tập của bản thân.

Các em thân mến!

Vậy là các em đã bước sang một giai đoạn học tập mới. Bài học *Hoà nhập vào môi trường mới* sẽ giúp các em có được những chuẩn bị cần thiết cho hành trình phía trước. Các em sẽ có cơ hội chia sẻ về môi trường học tập mới và bước đầu khám phá môn Ngữ văn, một môn học hấp dẫn, thú vị.

Hành trình vạn dặm nào cũng bắt đầu từ những bước đi đầu tiên. Hãy chuẩn bị tất cả một cách thật vững chắc, tự tin, đầy hứng khởi, các em nhé!



NÓI VÀ NGHE

CHIA SẺ CẢM NGHĨ VỀ MÔI TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

Để chuẩn bị tâm thế cho năm học mới, em và các bạn hãy dành một khoảng thời gian chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân khi bước vào môi trường Trung học cơ sở.

Em và các bạn cùng thực hiện các bước sau:

Bước 1: Viết cảm nghĩ của em về môi trường học tập mới

Câu hỏi gợi ý	Ý kiến của em
Em có cảm xúc gì khi bước vào trường Trung học cơ sở?	
Điều gì là thuận lợi với em trong môi trường mới?	
Điều gì là thử thách với em trong môi trường mới?	

Bước 2: Chia sẻ ý kiến với các bạn

Em chia sẻ ý tưởng theo nhóm đôi, sau đó với nhóm lớn hoặc trước tập thể lớp.



ĐỌC

KHÁM PHÁ MỘT CHẶNG HÀNH TRÌNH...

Các em thân mến!

Những hình dung cụ thể về một môi trường mới giúp các em phần nào bớt lạ lẫm, lo lắng, phải không?

Bây giờ, các em hãy khám phá hành trình tiếp theo trong năm học này. Trong chặng đường sắp tới, sách giáo khoa *Ngữ văn 6* sẽ đồng hành cùng các em.

Mở trang sách ra, các em bắt gặp những gì?

Các em sẽ gặp trong sách *Ngữ văn 6* mười chủ điểm bài học: *Lắng nghe lịch sử nước mình, Miền cổ tích, Vẻ đẹp quê hương, Những trải nghiệm trong đời, Trò chuyện cùng thiên nhiên, Điểm tựa tinh thần, Gia đình thương yêu, Những góc nhìn cuộc sống, Nuôi dưỡng tâm hồn, Mẹ Thiên Nhiên*. Các em cũng được thực hành giải quyết vấn đề qua một số tình huống thực tế mà các em thường gặp phải. Đó là một cuộc hành trình giúp các em hiểu thêm về thế giới tự nhiên, xã hội và hiểu về chính bản thân.

Thế giới văn chương sẽ mở rộng chào đón các em qua việc đọc các thể loại văn học như: thơ, truyện ngắn, kí,... Qua mỗi bài học, các em không chỉ nhận ra cái hay, cái đẹp của từng tác phẩm, mà quan trọng hơn, các em còn được phát triển kĩ năng đọc văn bản theo đặc điểm thể loại. Điều này sẽ giúp các em có thể đọc hiểu nhiều văn bản khác ngoài sách giáo khoa. Bên cạnh đó, các em còn được phát triển kĩ năng đọc văn bản thông tin

để hiểu những vấn đề thực tế đang xảy ra trong cuộc sống. Các em cũng sẽ được học cách đọc văn bản nghị luận để hiểu những ý kiến khác nhau trước một hiện tượng đời sống mà mình quan tâm.

Đặc biệt, sách còn hướng đến việc giúp các em phát triển kỹ năng viết, nói và nghe, những kỹ năng giúp các em biết cách bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân, biết cách lắng nghe, thấu hiểu mọi người xung quanh.

Ngoài việc thực hiện theo các hoạt động được thiết kế trong sách, các em có thể làm gì để việc học môn Ngữ văn ở lớp 6 nói riêng, ở cấp Trung học cơ sở nói chung luôn hiệu quả và thú vị? Sau đây là một số gợi ý hữu ích về phương pháp học tập môn Ngữ văn:

– *Sử dụng Sổ tay Ngữ văn*: Sổ tay Ngữ văn sẽ là người bạn thân thiết của các em trong quá trình học. Các em có thể ghi lại những cảm nhận, suy nghĩ, liên hệ mà bài học gợi ra, chép lại những trích dẫn hay, lập hồ sơ nhân vật, làm bảng từ vựng,... Các em cũng có thể chuyển tay nhau cùng viết sổ tay dưới dạng nhật kí đọc để trao đổi, chia sẻ, tương tác về các vấn đề gợi ra từ bài học.

– *Sưu tầm video clip, tranh ảnh, bài hát về bài học*: Những hình ảnh, video clip hay những bài hát liên quan đến bài học sẽ mang đến những khám phá mới mẻ, giúp các em hiểu rằng có nhiều cách nhìn, cách thể hiện khác nhau về cùng một vấn đề.

– *Tạo nhóm thảo luận môn học*: Các em có thể cùng các bạn tạo một nhóm thảo luận về bài học, chia sẻ bài viết, trao đổi tài liệu sưu tầm,...

– *Làm thẻ thông tin*: Thẻ thông tin là một phương pháp hiệu quả giúp các em ghi nhớ và ôn tập các từ ngữ, khái niệm quan trọng. Mỗi thẻ thông tin sẽ có hai mặt, mặt trước ghi từ ngữ và mặt sau là nghĩa của từ ngữ đó. Những thẻ thông tin có cùng chủ đề sẽ được xâu chuỗi lại thành một bộ. Một số chủ đề các em có thể thực hiện: các kiểu văn bản, các chiến lược đọc, một số yếu tố Hán Việt đáng chú ý,...



Thẻ thông tin

Truyện cổ tích

(mặt trước)

Thể loại truyện kể dân gian, kết quả của trí tưởng tượng dân gian, xoay quanh cuộc đời, số phận của một số kiểu nhân vật. Truyện cổ tích thể hiện cách nhìn, cách nghĩ của người xưa đối với cuộc sống, nói lên ước mơ về một xã hội công bằng, tốt đẹp.

(mặt sau)

– *Thực hiện các sản phẩm sáng tạo*: Các bài học sẽ gợi cho các em nhiều ý tưởng, cảm hứng để tạo ra các sản phẩm sáng tạo như một bức tranh, một bài thơ, một truyện ngắn, một đoạn truyện tranh, một mô hình, pô-tơ-xơ (poster) hay tờ rơi,... Quá trình sáng tạo sẽ giúp các em hiểu sâu sắc hơn về bài học.

– *Câu lạc bộ đọc sách*: Các em cũng có thể thành lập câu lạc bộ đọc sách để cùng nhau chia sẻ về những cuốn sách hay mà mình đã, đang và sẽ đọc. Ngoài ra, câu lạc bộ cũng có thể tổ chức các hoạt động như: hội thi giới thiệu sách, cuộc thi thiết kế bìa sách, vẽ tranh minh họa sách,...

Đến đây, chắc các em đã bước đầu có những ý tưởng để lên kế hoạch học tập môn Ngữ văn cho năm học này rồi, đúng không?

Chúc các em một năm học thật hứng khởi và bổ ích.

(Nhóm biên soạn)

Câu hỏi

1. Cuốn sách *Ngữ văn 6* gồm mười chủ điểm chia làm ba mạch kết nối chính: kết nối em với thiên nhiên, kết nối em với cộng đồng, kết nối em với chính mình. Dựa vào tên gọi từng chủ điểm, em hãy thử xác định chủ điểm nào thuộc mạch kết nối nào.
2. Trong các phương pháp học tập môn Ngữ văn được trình bày ở trên, em hứng thú với phương pháp nào? Vì sao?



VIẾT

Chân trời sáng tạo

LẬP KẾ HOẠCH CÂU LẠC BỘ ĐỌC SÁCH

Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới.

Mắc-xim Go-rơ-ki (Maxim Gorki)

Có thể nói, hình thành thói quen cũng như nắm vững các kĩ năng đọc sách là yếu tố quan trọng để mỗi chúng ta tự học suốt đời. Trong nhiều hoạt động nhằm khuyến khích đọc sách, tổ chức câu lạc bộ đọc sách là một hoạt động không chỉ hữu ích, cần thiết mà còn mang đến cho các em những trải nghiệm thú vị, hứng khởi nhờ tính tương tác cao.

Trong chương trình Ngữ văn, có hai hướng tổ chức câu lạc bộ đọc sách: một là các em học sinh yêu thích sách tự thành lập nhóm; hai là các thầy, cô tổ chức câu lạc bộ đọc sách, tích hợp vào hoạt động Đọc mở rộng theo thể loại.

Phần này sẽ hướng dẫn các em lập kế hoạch cho hoạt động của câu lạc bộ đọc sách.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CÂU LẠC BỘ ĐỌC SÁCH

(Sinh hoạt lần: ...)

Tên sách:

Tác giả:

(Những chương/phần sẽ đọc và thảo luận:))

1. Thành lập nhóm

Các thành viên tham gia đọc:

STT	Họ và tên	Vai trò
1		Nhóm trưởng
2		Thành viên
3		Thành viên
4		Thành viên

Với cuốn sách mỏng, có thể đọc hết một lần, ta thảo luận trong một buổi sinh hoạt câu lạc bộ.

Với những cuốn sách dày, chúng ta có thể thảo luận trong nhiều buổi sinh hoạt. Trong kế hoạch, ta cần ghi rõ số chương sẽ đọc vào thời gian thảo luận của mỗi buổi sinh hoạt.

Nhóm trưởng là người phân công công việc, theo dõi quá trình hoạt động của các thành viên và điều phối các buổi sinh hoạt câu lạc bộ.

Một nhóm nên có tối đa bốn thành viên.

2. Mỗi thành viên tự đọc sách theo phân công

Thời gian từ đến

Các thành viên tự đọc sách và thực hiện phiếu đọc sách:

STT	Nhiệm vụ	Thành viên thực hiện
1	Người tìm từ hay	
2	Người liên hệ	
3	Người lập hồ sơ nhân vật	
4	Người vẽ hình ảnh	

Trong quá trình đọc, mỗi thành viên được phân công thực hiện một nhiệm vụ. Các nhiệm vụ này sẽ được thay đổi lần lượt qua các buổi sinh hoạt của câu lạc bộ.

3. Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Hình thức sinh hoạt, thời gian, địa điểm

Sinh hoạt trực tuyến

Thời gian: từ ... đến ...

Phương tiện:

Sinh hoạt trực tiếp

Thời gian: từ ... đến ...

Địa điểm:

Khi thảo luận nhóm cần chú ý:

- Tôn trọng quyền riêng tư của các thành viên.
- Không chia sẻ bài viết của nhóm ra ngoài khi chưa được đồng ý.

Trao đổi về cuốn sách đã đọc

STT	Hoạt động	Người thực hiện	Thời gian
1	Các thành viên chia sẻ về quá trình đọc và kết quả đọc của mình.	– Nhóm trưởng dẫn dắt hoạt động. – Các thành viên chia sẻ.	Từ ... đến ...
2	Mời giáo viên hoặc chuyên gia chia sẻ thêm về cuốn sách.	– Giáo viên hoặc chuyên gia chia sẻ. – Các thành viên lắng nghe, đặt câu hỏi.	Từ ... đến ...
3	
4	Kết thúc buổi sinh hoạt.		Vào lúc:

Ngoài hoạt động bắt buộc là các thành viên chia sẻ về quá trình đọc và kết quả thực hiện phiếu đọc sách, ta có thể đề xuất một số hoạt động khác để buổi sinh hoạt thêm phong phú.

Thông báo kế hoạch hoạt động của buổi sinh hoạt tiếp theo

- Cuốn sách sẽ đọc:
- Các hoạt động thực hiện ở nhà: đọc và hoàn thành các mẫu phiếu đọc sách.
- Trao đổi thảo luận: thời gian, hình thức tổ chức.

Dự kiến một số nội dung cho buổi sinh hoạt tiếp theo của câu lạc bộ.

MỘT SỐ MẪU PHIẾU ĐỌC SÁCH (Tham khảo)

Mẫu 1

Họ và tên:

Lớp:

Nhóm:

Sách:

NGƯỜI TÌM TỪ HAY

Nhiệm vụ của bạn là ghi lại những từ hay trong cuốn sách. Đó có thể là những từ độc đáo, thú vị, hài hước, mới lạ,... Hãy lập bảng từ hay theo mẫu sau và chia sẻ với các bạn cùng nhóm.

Trang	Từ	Nghĩa	Lí do tôi cho rằng từ này đặc sắc

Mẫu 2

Họ và tên:

Lớp:

Nhóm:

Sách:

NGƯỜI LIÊN HỆ

Nhiệm vụ của bạn là liên hệ cuốn sách đang đọc với những cuốn sách khác, với đời sống và với trải nghiệm của bản thân. Bạn có thể thực hiện theo gợi ý như sau:

Gợi ý	Liên hệ của tôi
Liên hệ với cuốn sách, tác phẩm khác	
Liên hệ với con người, sự việc trong đời sống	
Liên hệ với trải nghiệm của bản thân	

Mẫu 3

Họ và tên:

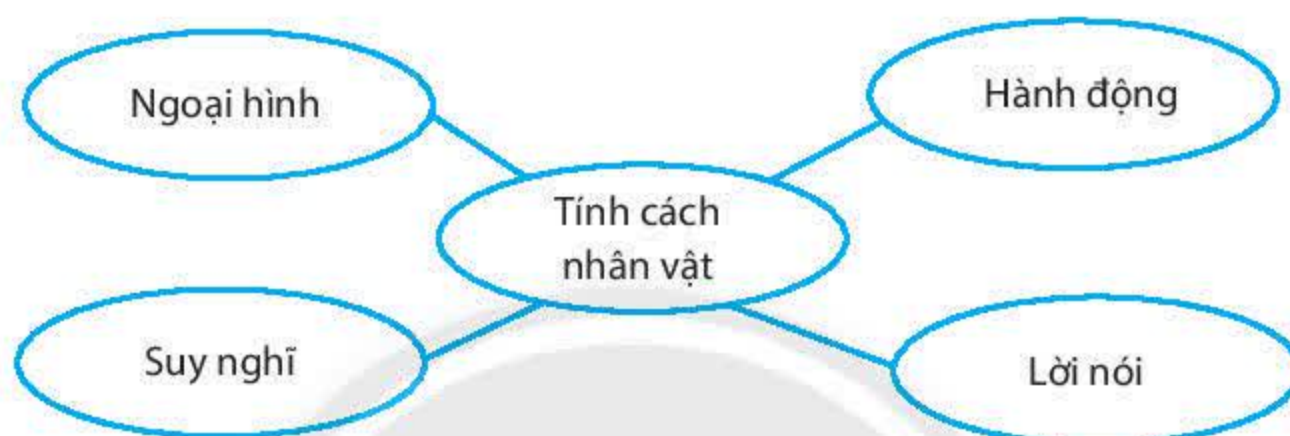
Lớp:

Nhóm:

Sách:

NGƯỜI LẬP HỒ SƠ NHÂN VẬT

Nhiệm vụ của bạn là lập hồ sơ nhân vật mà bạn yêu thích. Khi lập hồ sơ nhân vật, hãy chú ý đến các yếu tố tạo nên chân dung nhân vật. Bạn có thể tham khảo sơ đồ sau:



Mẫu 4

Họ và tên:

Lớp:

Nhóm:

Sách:

NGƯỜI VẼ HÌNH ẢNH

Nhiệm vụ của bạn là vẽ lại những hình ảnh mà cuốn sách gợi ra. Hình ảnh ấy có thể là một cảnh vật, một sự việc, một chân dung,... Bạn có thể thực hiện theo mẫu:

Hình ảnh cuốn sách gợi ra cho tôi

Lí giải của tôi:

Tôi vẽ ... bởi vì ...

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết.
- Nhận biết được nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.
- Phân biệt được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); nhận biết nghĩa của một số thành ngữ thông dụng trong văn bản.
- Tóm tắt được nội dung chính của một số văn bản đơn giản bằng sơ đồ.
- Biết thảo luận nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
- Biết giữ gìn, phát huy truyền thống dựng nước, giữ nước; trân trọng các giá trị văn hoá của dân tộc.

Văn học dân gian Việt Nam có cả một kho tàng truyện kể. Nơi đây lưu giữ những tri thức về đời sống, thể hiện nhận thức, đánh giá về lịch sử đất nước của nhân dân. Đó là những trang sử được tái hiện bằng trí tưởng tượng và nghệ thuật kể chuyện qua góc nhìn của tác giả dân gian. Nhờ đó, lịch sử nước mình đã được tái hiện, phản ánh một cách độc đáo.

Trong bài học này, em sẽ tìm hiểu về truyền thuyết, một thể loại văn học dân gian kể về các nhân vật, sự kiện liên quan đến lịch sử đất nước.

? Chúng ta có thể
lắng nghe lịch sử
từ đâu?

**ĐỌC****TRI THỨC NGŨ VĂN****Tri thức đọc hiểu**

Truyền thuyết là thể loại truyện kể dân gian, thường kể về sự kiện, nhân vật lịch sử hoặc liên quan đến lịch sử. Qua đó, truyền thuyết thể hiện nhận thức, tình cảm của tác giả dân gian đối với các nhân vật, sự kiện lịch sử. Đặc điểm của truyền thuyết được thể hiện qua cách xây dựng nhân vật, cốt truyện, sử dụng yếu tố kì ảo, lời kể,...

Nhân vật trong văn bản văn học thường là con người hay loài vật, đồ vật đã được nhân hoá. Nhân vật trong văn bản truyện thường có những đặc điểm riêng như hiền từ, hung dữ, thật thà, giả dối, ranh mãnh, khù khờ,... Khi đọc truyện, người đọc có thể nhận biết các đặc điểm này qua lời của người kể chuyện, qua hành động, lời nói, ý nghĩ của nhân vật.

Nhân vật truyền thuyết có các đặc điểm:

- Thường có những điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh,...
- Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng.
- Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.

Cốt truyện là chuỗi các sự việc chính được sắp xếp theo một trình tự nhất định và có liên quan chặt chẽ với nhau. Trong các truyện dân gian như truyền thuyết, cổ tích, các sự việc được sắp xếp theo trật tự thời gian và thường gắn với cuộc đời các nhân vật trong tác phẩm.



Sơ đồ sự việc trong cốt truyện được sắp xếp theo trật tự thời gian

Cốt truyện truyền thuyết có các đặc điểm:

- Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.
- Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật.
- Cuối truyện thường gợi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại.

Yếu tố kì ảo trong truyền thuyết là những hình ảnh, chi tiết kì lạ, hoang đường, là sản phẩm của trí tưởng tượng và nghệ thuật hư cấu dân gian. Yếu tố kì ảo trong truyền thuyết thường được sử dụng khi cần thể hiện sức mạnh của nhân vật truyền thuyết, phép thuật của thần linh,... Qua đó, thể hiện nhận thức, tình cảm của nhân dân đối với các nhân vật, sự kiện lịch sử.

Tri thức tiếng Việt

Từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy)

Từ đơn là từ gồm có một tiếng. *Từ phức* là từ gồm hai tiếng trở lên.

Những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa được gọi là từ ghép. Còn những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng được gọi là từ láy.

Ví dụ: Trong câu văn “Chàng hăng hái, gan dạ, không nề nguy hiểm” có:

Từ đơn: “chàng”, “không”, “nề”.

Từ phức gồm:

– Từ ghép: “gan dạ”, “nguy hiểm”.

– Từ láy: “hăng hái”.

Nghĩa của từ ghép có thể rộng hơn hoặc hẹp hơn nghĩa của tiếng gốc tạo ra nó. Ví dụ: nghĩa của “áo quần” rộng hơn nghĩa của “áo”, “quần”; nghĩa của “áo dài” hẹp hơn nghĩa của “áo”. Nghĩa của từ láy có thể tăng hay giảm về mức độ, tính chất hoặc thay đổi sắc thái nghĩa so với tiếng gốc tạo ra nó. Ví dụ: “nhàn nhạt” giảm nghĩa so với “nhạt”; “nhanh nhẹn” tăng nghĩa so với “nhanh”.

Nghĩa của một số thành ngữ thông dụng

Thành ngữ là một tập hợp từ cố định, quen dùng. Nghĩa của thành ngữ không phải là phép cộng đơn giản nghĩa của các từ cấu tạo nên nó mà là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tính hình tượng và biểu cảm.

Ví dụ: Nghĩa của thành ngữ “tay bắt mặt mừng” không đơn giản là nghĩa cộng lại của các từ “tay”, “bắt”, “mặt”, “mừng” mà là nghĩa của cả tập hợp: sự vồn vã, phấn khởi lộ ra bên ngoài của những người gặp nhau.

VĂN BẢN 1

THÁNH GIÓNG¹

Truyền thuyết *Thánh Gióng* và Hội Gióng

Thánh Gióng là một trong những truyền thuyết tiêu biểu trong kho tàng truyện kể dân gian Việt Nam. Tên nhân vật chính được lấy làm nhan đề truyện. Nhân vật Gióng tuy là kết quả của trí tưởng tượng dân gian, song phản ánh rõ nét truyền thống chống giặc ngoại xâm từ thời xa xưa của dân tộc Việt Nam.

Thánh Gióng kể về sự việc gắn với đời “Hùng Vương thứ sáu”. Theo truyền thuyết, “Hùng Vương” là cách gọi chung các vị vua nước ta thời xa xưa. Đó cũng là tên gọi chung cho cả một thời đại lịch sử kéo dài hàng nghìn năm.

¹ *Thánh Gióng*: *Thánh* là bậc anh minh, có tài năng và phép thuật phi thường, đặc biệt có công lao to lớn với cộng đồng, dân tộc. Ở đây chỉ Đức Thánh làng Gióng.

Hội Gióng là một trong những lễ hội truyền thống quan trọng của người Việt Nam, diễn ra hằng năm ở làng Gióng (huyện Sóc Sơn, Hà Nội) và một số địa phương khác. Trong lễ hội này, người dân ở nhiều vùng quê về đây tham dự các nghi lễ truyền thống, nhằm tôn vinh công đức của người anh hùng làng Gióng, đồng thời cầu mong cho nghề nông phát triển, đất nước giàu mạnh, thái bình.

Vào ngày 16 tháng 11 năm 2010, Hội Gióng tại đền Phù Đổng và đền Sóc Sơn được UNESCO vinh danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.



Tượng Thánh Gióng cưỡi ngựa bay về trời (đặt trên đỉnh núi Sóc, Sóc Sơn, Hà Nội)



Chuẩn bị đọc

Em nghĩ thế nào về việc một cậu bé ba tuổi bỗng nhiên trở thành tráng sĩ¹?



Trải nghiệm cùng văn bản

Tục truyền², đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng³ có hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và có tiếng là phúc đức. Hai ông bà ao ước có một đứa con. Một hôm, bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, liền đặt bàn chân mình lên ướm thử xem thua kém bao nhiêu. Không ngờ về nhà bà thụ thai⁴ và mười hai tháng⁵ sau sinh một cậu bé mặt mũi

¹ Tráng sĩ: người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ, hay làm việc lớn.

² Tục truyền: truyền miệng lại từ xưa trong dân gian (thường dùng ở đầu lời kể một truyền thuyết).

³ Làng Gióng: trước đây thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

⁴ Thụ thai: bắt đầu có thai (mang bầu, có chửa,...).

⁵ Mười hai tháng: chi tiết thần kì trong truyện cổ dân gian, chỉ sự mang thai khác thường (bình thường, người mẹ mang thai chín tháng, mười ngày thì sinh con).

rất khô ngô. Hai vợ chồng mừng lắm. Nhưng lạ thay! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy. ¹

Bây giờ, có giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo lắng, bèn sai sứ giả¹ đi khắp nơi tìm người tài giỏi cứu nước. Đứa bé nghe tin, bỗng dưng cất tiếng nói: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “Ông về tâu vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp² sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật chú bé dặn.

Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước.

Giặc đã đến chân núi Trâu³. Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng⁴, oai phong, lẫm liệt⁵. Tráng sĩ bước lên vỗ vào hông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. ² Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn)⁶. Đến đây, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.

Vua nhớ công ơn, phong⁷ là Phù Đổng Thiên Vương⁸ và lập đền thờ ngay ở quê nhà.

Hiện nay vẫn còn đền thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng. Mỗi năm đến tháng Tư, làng mở hội to lắm. Người ta kể rằng những bụi tre đằng ngà⁹ ở huyện Gia Bình

Dự đoán

- ¹ Sự ra đời và những biểu hiện khác thường của cậu bé dự báo sự việc sắp xảy ra như thế nào?

Suy luận

- ² Từ “chú bé” được thay bằng từ “tráng sĩ” khi kể về Thánh Gióng. Sự thay đổi này trong lời kể có ý nghĩa gì?

¹ Sứ giả: người vâng lệnh nhà vua đi làm một nhiệm vụ quan trọng ở một nơi nào đó trong hoặc ngoài nước.

² Áo giáp: áo được làm bằng chất liệu đặc biệt (da thú hoặc sắt) nhằm chống đỡ binh khí, bảo vệ cơ thể.

³ Núi Trâu: xưa thuộc đất Vũ Ninh, nay thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

⁴ Trượng: đơn vị đo bằng 10 thước Trung Quốc cổ (tức 3,33m); ở đây hiểu là rất cao.

⁵ Lẫm liệt: hùng dũng, oai nghiêm.

⁶ Núi Sóc: nay thuộc huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

⁷ Phong: ban cho, tặng thưởng (chức tước, đất đai, học vị,...).

⁸ Phù Đổng Thiên Vương: tức là Đức Thánh Gióng.

⁹ Tre đằng ngà: giống tre có lớp cật ngoài trơn, bóng, màu vàng.

vì ngựa phun lửa bị cháy mới ngả màu vàng óng như thế, còn những vết chân ngựa nay thành những hồ ao liên tiếp. Người ta còn nói khi ngựa thét lửa, lửa đã thiêu cháy một làng, cho nên làng đó về sau gọi là làng Cháy¹. 3

Suy luận

- 3 Việc kể về những dấu tích đánh giặc của Thánh Gióng trong đoạn kết có ý nghĩa gì?

(Theo *Ngữ văn 6, tập một*, Nguyễn Khắc Phi (TCB), NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

Suy ngẫm và phản hồi

1. Liệt kê một số chi tiết kì ảo gắn liền với các sự việc sinh ra và lớn lên, ra trận và chiến thắng, bay về trời của nhân vật Gióng.
2. Nhân vật Gióng đã nói gì với mẹ và sứ giả khi biết tin nhà vua đang tìm người tài đánh giặc cứu nước? Theo em, vì sao khi nghe Gióng nói, sứ giả “vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ”?
3. Văn bản trên đã sử dụng nhiều từ ngữ khác nhau để chỉ nhân vật Gióng. Em hãy liệt kê các từ ngữ ấy thành hai nhóm theo hai thời điểm: trước và sau khi Gióng “vươn vai” thành tráng sĩ để ra trận đánh giặc.
4. Từ kết quả liệt kê ở câu 3, hãy cho biết từ ngữ nào được lặp lại nhiều lần nhất và việc lặp lại ấy có tác dụng thế nào?
5. Nhân vật truyền thuyết thường xuất hiện nhằm thực hiện một nhiệm vụ lớn lao. Nhiệm vụ của Gióng là gì và quan trọng như thế nào?
6. Theo một số bạn, truyện *Thánh Gióng* lẽ ra nên kết thúc ở câu “Đến đây, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời”. Các bạn ấy cho rằng: phần văn bản sau câu văn này là không cần thiết, vì không còn gì hấp dẫn nữa. Em có đồng ý như vậy không? Vì sao?
7. Sau khi đọc truyện *Thánh Gióng*, em có suy nghĩ gì về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta?

VĂN BẢN 2

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

Chuẩn bị đọc

Em biết những gì về Hồ Gươm (Hà Nội)? Hãy chia sẻ với bạn cùng nhóm về thắng cảnh này.

¹ Làng Cháy: còn có tên là làng Phù Chấn, một làng ở cạnh làng Phù Đổng.



Vào thuở ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ¹ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược khiến cho thiên hạ căm giận chúng đến tận xương tủy. Bấy giờ, ở vùng Lam Sơn², nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần nghĩa quân bị thua. Thấy vậy, đức Long Quân³ quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để họ giết giặc. **1**

Dự đoán

- 1** Hãy đoán xem, Long Quân sẽ cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm theo cách nào.

Ở Thanh Hoá bây giờ có một người làm nghề đánh cá tên là Lê Thận. Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ. Khi kéo lưới lên, thấy nặng nằng, Lê Thận nghĩ bụng: chắc là sắp được mẻ cá to. Nhưng khi thò tay bắt cá, chàng chỉ thấy có một thanh sắt. Chàng vứt luôn thanh sắt xuống nước, rồi lại thả lưới ở một chỗ khác.

Lần thứ hai cất lưới lên cũng thấy nặng tay. Thận không ngờ thanh sắt vừa rồi lại chui vào lưới mình. Chàng lại ném xuống sông. Lần thứ ba, vẫn thanh sắt ấy mắc vào lưới. Lấy làm lạ, Thận đưa thanh sắt lại cạnh mỗi lửa nhìn xem. Bỗng chàng reo lên:

– Ha ha! Một lưỡi gươm!

Về sau, Thận gia nhập đoàn quân khởi nghĩa Lam Sơn. Chàng hăng hái, gan dạ, không nề nguy hiểm. Một hôm, chủ tướng⁴ Lê Lợi cùng mấy người tùy tùng⁵ đến nhà Thận. Trong túp lều tối om, thanh sắt hôm đó tự nhiên sáng rực lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi cầm lên xem và thấy có hai chữ “Thuận Thiên”⁶ khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là báu vật.

Một hôm, bị giặc đuổi, Lê Lợi và các tướng phải rút lui mỗi người một ngả. Lúc đi qua một khu rừng, Lê Lợi bỗng thấy có ánh sáng lạ trên ngọn cây đa. Ông trèo lên mới biết đó là một cái chuôi gươm nạm ngọc. Nhớ tới lưỡi gươm ở nhà Lê Thận, Lê Lợi rút lấy chuôi giắt vào lưng.

Ba ngày sau, Lê Lợi gặp lại mọi người, trong đó có Lê Thận. Khi lắp lưỡi gươm vào chuôi thì thấy vừa như in. Lê Lợi bèn kể lại câu chuyện. Mọi người nghe xong đều hồ hởi vui mừng. Lê Thận nâng gươm lên ngang đầu và nói với Lê Lợi:

– Đây là thần linh có ý phó thác cho mình công⁷ làm việc lớn. Chúng tôi nguyện đem xương thịt của mình theo mình công và thanh gươm thần này để báo đền xã tắc⁸!

¹ Đô hộ: cai trị.

² Lam Sơn: địa danh lịch sử, thuộc vùng núi rừng ở miền tây Thanh Hoá, nơi Lê Lợi khởi binh kháng chiến chống quân Minh, về sau phát triển thành đầu não của cuộc kháng chiến, gọi là Lam Kinh.

³ Long Quân: vua hoặc thần dưới nước, ở đây là Lạc Long Quân.

⁴ Chủ tướng: vị tướng đứng đầu.

⁵ Tùy tùng: lính theo hầu.

⁶ Thuận Thiên: thuận theo ý trời.

⁷ Minh công: từ xưng hô với người đàn ông có danh vị, có ý tôn kính, tin tưởng.

⁸ Xã tắc: ở đây chỉ quốc gia.

Từ đó khí thế của nghĩa quân ngày một tăng. Trong tay Lê Lợi, thanh gươm thần tung hoành khắp các trận địa, làm cho quân Minh bạt vía. Uy thế của nghĩa quân vang dội khắp nơi. Họ không phải trốn tránh như trước mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương mới chiếm được của giặc tiếp tế cho nghĩa quân. Gươm thần đã mở đường cho họ đánh tràn ra mãi, cho đến lúc không còn bóng một tên giặc nào trên đất nước.

Sau khi đuổi sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi, lên làm vua được khoảng một năm, một hôm Lê Lợi cưỡi thuyền rồng¹ dạo quanh hồ Tả Vọng² trước kinh thành. Nhân dịp đó, đức Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền tiến ra giữa hồ, thì tự nhiên có một con rùa to lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng lên và nhận thấy lưỡi gươm thần đeo bên người cũng đang động đậy. Rùa Vàng không sợ người, nhô đầu lên cao nữa và tiến về phía thuyền vua. Nó đứng nổi trên mặt nước và nói:

– Bệ hạ hoàn gươm lại cho đức Long Quân!

Nghe nói thế, nhà vua bỗng hiểu ra, bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao, cung kính cảm tạ thần linh. Chỉ một lát, thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía Rùa Vàng. Nhanh như cắt, Rùa há miệng đớp lấy thanh gươm và lặn xuống nước. Cho đến khi cả gươm và Rùa đã chìm sâu xuống nước, người ta vẫn còn thấy vết sáng le lói dưới mặt hồ xanh. **2**

Suy luận

2

Theo em, khi nghe Rùa Vàng đòi gươm, nhà vua đã “hiểu ra” điều gì?

Khi thuyền của bá quan tiến lên kịp thuyền rồng, vua liền báo cho họ biết:

– Đức Long Quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đất nước đã thanh bình, Người sai Rùa lấy lại.

Từ đó, hồ Tả Vọng mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

(Theo Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, quyển một, tập I, Nguyễn Đồng Chi, NXB Trẻ, 2015)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Theo em, vì sao thanh gươm trong truyện này được gọi là gươm thần? Điều này thể hiện đặc điểm gì của truyện thuyết?
2. Em hãy xác định không gian, thời gian đức Long Quân cho Lê Lợi mượn gươm, đòi lại gươm trong *Sự tích Hồ Gươm* và điền vào các ô tương ứng theo bảng dưới đây (làm vào vở):

¹ *Thuyền rồng*: thuyền của vua, được chế tác theo hình rồng.

² *Hồ Tả Vọng*: một tên cổ của Hồ Gươm. Xưa ở vùng này vốn có hai hồ. Tả Vọng (*tả*: trái; *tả vọng*: “ngắm bên trái”) và Hữu Vọng (*hữu*: phải; *hữu vọng*: “ngắm bên phải”). *Hồ Tả Vọng* là “hồ bên trái”; *hồ Hữu Vọng* là “hồ bên phải”. Thời Pháp thuộc, hồ Hữu Vọng bị lấp để mở rộng đất cư trú, chỉ còn hồ Tả Vọng.

Thời gian và không gian đức Long Quân cho Lê Lợi mượn gươm thần

Sự việc	Thời gian	Không gian
Cho mượn gươm thần		
Đòi lại gươm thần		

- Trong truyền thuyết cũng như truyện kể nói chung, các sự việc thường được sắp đặt nhằm thể hiện một ý nghĩa nào đó. Trong *Sự tích Hồ Gươm*, đức Long Quân để cho Lê Thân tình cờ tìm thấy lưỡi gươm ở một nơi, Lê Lợi tình cờ tìm thấy chuôi gươm ở một nơi khác. Thông qua cách cho mượn gươm như vậy, tác giả dân gian muốn thể hiện điều gì?
- Sau khi đọc *Sự tích Hồ Gươm*, một số bạn cho rằng truyện này chỉ đơn giản là mượn chuyện Lê Lợi trả gươm thần để “giải thích địa danh Hồ Gươm”. Em đồng ý hay không đồng ý với ý kiến này? Vì sao?
- Tìm trong văn bản *Sự tích Hồ Gươm*:
 - Một số từ ngữ cho thấy cách xưng hô trân trọng của các nhân vật đối với Lê Lợi.
 - Một vài câu văn cho thấy cách bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả dân gian trong lời kể (chẳng hạn: lo lắng khi nghĩa quân gặp khó khăn; phấn khởi khi nghĩa quân ngày một thêm hùng mạnh).
- Theo em, *Sự tích Hồ Gươm* thể hiện những đặc điểm nào của thể loại truyền thuyết?

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

HỘI THỐI CƠM¹ THI Ở ĐỒNG VÂN

Trải nghiệm cùng văn bản

Ở xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng có làng Đồng Vân bên dòng sông Đáy². Nhân dân sinh sống bằng cấy lúa, trồng màu³ và có nghề đan lát rổ rá. Hằng năm, cứ đến ngày rằm tháng Giêng, làng Đồng Vân thường mở hội rước nước⁴, hát chèo⁵ và thối cơm thi.

¹ *Thối cơm* (phương ngữ): nấu cơm.

² *Sông Đáy*: một trong những con sông dài nhất ở miền Bắc Việt Nam, chảy qua nhiều tỉnh, thành (Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình, Nam Định,...).

³ *Màu* (tức hoa màu): cây trồng để làm lương thực và thực phẩm, ngoài lúa ra (nói khái quát).

⁴ *Rước nước*: lễ đón nước từ sông hoặc từ giếng về đến trước khi làm lễ, khai hội (rước: đi thành đoàn có cờ trống, đèn đuốc,... để làm lễ đón về một cách trang trọng, vui mừng trong ngày hội). Theo tục lệ xưa, người dân lấy nước từ nguồn trong sạch về đình để tắm Bụt, tắm Thánh, thể hiện lòng thành kính, biết ơn các vị thần thánh được thờ ở đình, cũng như cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, bội thu.

⁵ *Chèo*: một thể loại sân khấu dân gian, thường trình diễn tại sân đình, rất thịnh hành ở các làng quê Bắc Bộ, nhất là vào đầu xuân hay các dịp lễ hội.

Hội thổi cơm thi ở đây có nhiều nét độc đáo về quy trình lấy lửa cũng như cách nấu, đậm màu sắc hài hước dân gian. Người dự thi được tuyển chọn từ các xóm trong làng.

Bắt đầu vào hội thi, trống chiêng điểm ba hồi, các đội hình dự thi xếp hàng trang nghiêm làm lễ dâng hương¹ trước cửa đình² để tưởng nhớ vị thành hoàng³ làng có công cứu dân, độ⁴ quốc.

Hội thi bắt đầu bằng việc lấy lửa trên ngọn cây chuối cao. Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội nhanh thoăn thoắt leo lên thân cây chuối rất trơn vì đã bôi mỡ. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên,... Có người phải bỏ cuộc, người khác lại leo lên, quang cảnh hết sức vui nhộn.



Khi lấy được nén hương mang xuống, ban tổ chức phát cho ba que diêm châm vào hương cháy thành ngọn lửa. Người trong đội sẽ vót mảnh tre già thành những chiếc đĩa bông châm lửa và đốt vào những ngọn đuốc. Trong khi đó, người trong nhóm dự thi nhanh tay giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm. Những nồi cơm nhỏ nhỏ treo dưới những cành cong hình cánh cung được cầm rất khéo léo từ dây lưng uốn về trước mặt. Tay cầm cần, tay cầm đuốc dùng đưa cho ánh lửa bập bùng. Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem hội.

¹ *Dâng hương*: nghi thức thể hiện lòng thành kính trước thần linh, tổ tiên,... khi thắp hương. Đây là một nghi lễ quan trọng, không thể thiếu trong các lễ hội truyền thống cũng như trong tập quán thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam.

² *Đình*: nơi thờ thành hoàng và họp việc làng thời trước.

³ *Thành hoàng*: vị thần được thờ ở một làng.

⁴ *Độ*: cứu giúp.

Khoảng sau một giờ rưỡi, những nôi cơm lần lượt được đem trình trước cửa đình. Ban giám khảo mở nôi cơm chấm theo ba tiêu chuẩn: gạo trắng, cơm dẻo và không có cơm cháy. Các nôi cơm được đánh số ứng với người dự thi để giữ bí mật với ban giám khảo. Cuộc thi nào cũng hồi hộp và việc giặt giãi đã trở thành niềm tự hào khó có gì sánh nổi đối với dân làng.

Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân là sinh hoạt văn hoá cổ truyền được bắt nguồn từ các cuộc truy quân¹ đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa. Hội thi là dịp trai tráng trong làng đua tài khoẻ mạnh, thông minh khi lấy lửa, là dịp gái làng thể hiện bàn tay khéo léo để có cơm dẻo tiếp binh lương². Hội còn vang lên những trận cười hồn nhiên, sảng khoái của người nông dân sau những ngày lao động mệt nhọc.

Với những nét đặc sắc của mình, hội thổi cơm thi Đồng Vân đã góp phần giữ gìn và phát huy những nét đẹp cổ truyền trong sinh hoạt văn hoá hiện đại hôm nay.

(Minh Nguợng, *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*, in trong *Nét quê Đan Phượng*, NXB Hội Văn học Nghệ thuật Hà Tây, 2000)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân được tổ chức với mục đích gì và có nguồn gốc từ đâu?
2. Tìm một số chi tiết nói về luật lệ của hội thổi cơm thi và người dự thi. Em có nhận xét gì về hội thi và vẻ đẹp của con người Việt Nam?
3. Những lễ hội như hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân cho em biết thêm điều gì về lịch sử, văn hoá dân tộc?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm từ đơn, từ phức trong đoạn văn sau:

Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên võ vào móng ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. (Thánh Gióng)

2. Trong số các từ được in đậm dưới đây, từ nào là từ láy, từ nào là từ ghép?

*Trong khi đó, người trong nhóm dự thi nhanh tay giã thóc, **giần sàng** thành gạo, lấy nước và **bắt đầu** thổi cơm. Những nôi cơm **nhỏ nhỏ** treo dưới những cành cong hình cánh cung được cắm rất **khéo léo** từ dây lưng uốn về trước mặt. (Minh Nguợng, *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*)*

¹ Truy quân: ra quân, đoàn quân ra trận.

² Binh lương: quân lương, lương thực, thực phẩm dự trữ trong quân đội.

3. Tạo ra từ ghép từ các tiếng dưới đây:

- a. ngựa b. sắt c. thi d. áo

Cho biết nghĩa của từ ghép mới tạo ra có gì khác với nghĩa của tiếng gốc.

4. Tạo từ láy từ các tiếng dưới đây:

- a. nhỏ b. khỏe c. óng d. dẻo

Cho biết nghĩa của từ láy mới tạo ra có gì khác với nghĩa của tiếng gốc.

5. Trong câu văn “Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội thoăn thoắt leo lên thân cây chuối rất trơn vì đã bôi mỡ”, nếu thay từ “thoăn thoắt” bằng từ “nhanh chóng” thì có giúp người đọc hình dung động tác của người dự thi rõ hơn không? Vì sao?

6. Trong câu văn “Những nôi com nhỏ nhỏ treo dưới những cành cong hình cánh cung được cắm rất khéo léo từ dây lưng uốn về trước mặt”, nếu dùng từ “khéo” thay cho từ “khéo léo” thì độ “khéo” của người dự thi sẽ giữ nguyên, tăng lên hay giảm xuống? Vì sao?

7. Tìm và ghép thành ngữ (cột A) với nghĩa của thành ngữ (cột B) trong bảng dưới đây sao cho phù hợp (làm vào vở):

A	B
Thành ngữ	Nghĩa của thành ngữ
1. Chết như rạ	a. Rất nhanh.
2. Mẹ tròn con vuông	b. Lòng oán giận và hận thù với ai đó rất sâu nặng.
3. Cầu được ước thấy	c. Chết rất nhiều.
4. Oán nặng thù sâu	d. Điều mong ước trở thành hiện thực.
5. Nhanh như cắt	đ. Việc sinh nở thuận lợi, tốt đẹp.
	e. Chỉ những người có hiểu biết hạn hẹp nhưng lại cho mình thông minh, tài giỏi.

8. Đặt một câu miêu tả khí thế chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn có dùng thành ngữ “chết như rạ”.

9. Tìm thành ngữ có chứa các từ dưới đây:

- a. nước b. mặt c. ngựa d. nhạt

Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) có sử dụng thành ngữ, thể hiện cảm nhận của em về lịch sử đất nước sau khi đọc các văn bản *Thánh Gióng*, *Sự tích Hồ Gươm*.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

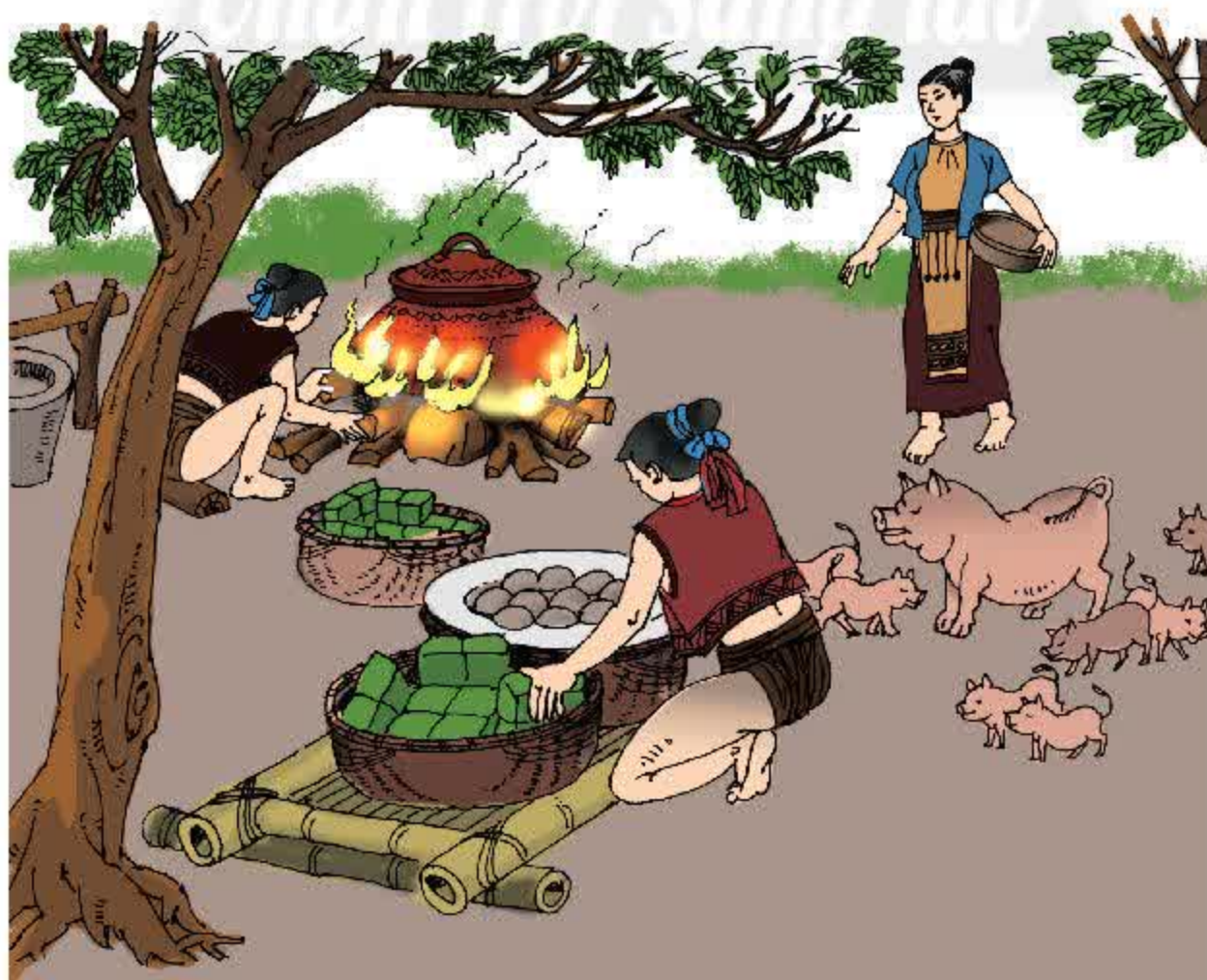
BÁNH CHƯNG, BÁNH GIẦY

Hùng Vương thứ sáu, lúc về già, muốn truyền ngôi cho con. Nhưng vì có đến hai mươi người con trai, ngôi báu lại chỉ có thể truyền cho một người, vua bèn nghĩ cách chọn người thật xứng đáng.

Nhân dịp đầu xuân, vua họp các hoàng tử lại, bảo: “Ai trong số các con tìm được thức ăn ngon lành, có ý nghĩa nhất để bày cỗ dâng Trời Đất, tổ tiên, ta sẽ truyền ngôi cho”.

Các hoàng tử đua nhau tìm kiếm của ngon vật lạ dâng lên cho vua cha, với hi vọng được truyền ngôi báu. Trong khi đó, người con trai thứ mười tám của Vua Hùng là Lang Liêu tỏ ra rất băn khoăn, lo lắng. Lang Liêu là chàng trai hiền hậu, chăm chỉ, rất mực hiếu thảo. Nhưng chẳng may mẹ mất sớm, thiếu người chỉ vẽ nên chàng chưa biết làm món gì để tham dự cuộc thi.

Một hôm, Lang Liêu nằm mộng thấy có vị thần đến bảo: “Này con, vật trong Trời Đất không có gì quý bằng gạo, vì gạo là thức ăn nuôi sống con người, ăn mãi không chán. Con hãy lấy gạo nếp làm bánh hình tròn và hình vuông, để tượng hình Trời và Đất. Hãy lấy lá bọc ngoài, đặt nhân trong ruột bánh, để tượng hình Cha Mẹ sinh thành.”



Lang Liêu tỉnh dậy, vô cùng mừng rỡ. Theo lời thần dặn, chàng chọn gạo nếp thật dẻo thơm làm những chiếc bánh vuông vức, có nhân thịt đậu, để tượng hình Đất. Lại lấy lá xanh bọc ngoài, chẻ lạt buộc lại cẩn thận, rồi cho vào nồi lớn đổ nhiều nước, đun thật kĩ. Cũng với gạo nếp ấy, chàng đồ¹ xôi, giã nhuyễn, làm thành những chiếc bánh tròn trặn, xinh xắn để tượng hình Trời.

Đến ngày lễ Tiên Vương, các hoàng tử đem đủ thứ của ngon vật lạ bày trên mâm cỗ mình làm để dự thi. Vua Hùng xem qua một lượt, rồi dừng lại trước những chõng bánh của Lang Liêu, tỏ vẻ rất vừa ý, bèn gọi chàng lên hỏi. Chàng đem chuyện gặp thần trong mộng kể lại và giải thích về nguyên liệu, cách làm và ý nghĩa từng loại bánh. Vua cha ngắm nghĩ một lúc rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế Trời, Đất cùng Tiên Vương.

Lễ xong, vua cho đem bánh ra ăn cùng với quần thần, ai cũng tấm tắc khen ngon. Vua họp mọi người lại, nói: "Bánh tròn này là tượng hình Trời, ta đặt tên là bánh giầy. Bánh hình vuông là tượng hình Đất, các thứ thịt mỡ, đậu xanh, lá dong là tượng cầm thú, cây cỏ muôn loài, ta đặt tên là bánh chưng, lá bọc ngoài, mỡ vị dẻo trong là ngụ ý đùm bọc nhau. Lang Liêu đã dâng lễ vật hợp ý ta. Lang Liêu sẽ nối ngôi ta, xin Tiên Vương chứng giám".

Từ đó, nước ta chăm nghề trồng trọt, chăn nuôi và có tục mỗi khi Tết đến, nhà nhà làm bánh chưng, bánh giầy để dâng cúng Trời Đất và tổ tiên.

(Theo *Ngữ văn 6, tập một*, Nguyễn Khắc Phi (TCB) Sdd)

Hướng dẫn đọc

Em hãy điền vào hai bảng sau những chi tiết trong truyện *Bánh chưng, bánh giầy* thể hiện đặc điểm cốt truyện, nhân vật của truyện thuyết (làm vào vở):

Đặc điểm cốt truyện truyền thuyết qua truyện Bánh chưng, bánh giầy

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.	
b. Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật.	
c. Cuối truyện thường gợi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến “ngày nay”.	

¹ Đồ: nấu trong nồi cho chín bằng sức nóng của hơi nước.

Đặc điểm nhân vật truyền thuyết qua truyện Bánh chưng, bánh giầy

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường có những điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh,...	
b. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng.	
c. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.	



VIẾT

TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA MỘT VĂN BẢN BẰNG SƠ ĐỒ

Trong bài này, em sẽ được học cách tóm tắt một số văn bản bằng sơ đồ. Việc tóm tắt văn bản bằng sơ đồ giúp chúng ta nhận ra mạch triển khai ý của tác giả (trình tự các ý, cách sắp xếp ý và ý đồ của tác giả) đồng thời nhớ văn bản đã đọc tốt hơn.

Tóm tắt văn bản bằng sơ đồ là cách lược bỏ các ý phụ, thông tin chi tiết, chỉ giữ lại những ý chính, thông tin cốt lõi và thể hiện dưới dạng sơ đồ.

Yêu cầu đối với sơ đồ tóm tắt văn bản:

a. Yêu cầu về nội dung:

- Tóm lược đúng và đủ các sự việc, phần, đoạn, ý chính trong văn bản.
- Sử dụng các từ khoá, cụm từ.
- Thể hiện được quan hệ giữa các sự việc, phần, đoạn, ý chính trong văn bản.
- Thể hiện được nội dung bao quát của văn bản.

b. Yêu cầu về hình thức:

- Kết hợp hài hoà, hợp lí giữa các từ khoá với hình vẽ, mũi tên, các kí hiệu,...
- Sáng rõ, có tính thẩm mỹ, giúp nắm bắt nội dung chính của văn bản một cách thuận lợi, dễ dàng.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Tóm tắt văn bản *Thánh Gióng* bằng sơ đồ

Tên văn bản: *Thánh Gióng*

Nội dung chính:

Truyện kể về người anh hùng làng Gióng đánh thắng giặc Ân vào đời Hùng Vương thứ sáu. Truyện có nhiều sự việc, chi tiết kì lạ xoay quanh các sự việc chính dưới đây:

Sự việc 1: Thánh Gióng được sinh ra một cách kì lạ

Sự việc 2: Thánh Gióng nhận lời đi đánh giặc Ân

Sự việc 3: Thánh Gióng ra trận và chiến thắng giặc Ân

Sự việc 4: Thánh Gióng về trời

Sự việc 5: Thánh Gióng được nhân dân ghi nhớ công ơn đánh giặc cứu nước

Trả lời câu hỏi:

- Sơ đồ trên đã đáp ứng được các yêu cầu về nội dung nêu sau đây chưa?
 - Tóm lược đúng và đủ các phần, đoạn, ý chính của văn bản.
 - Sử dụng được các từ khoá, cụm từ chọn lọc.
 - Thể hiện được quan hệ giữa các phần, đoạn, ý chính của văn bản.
 - Thể hiện được nội dung bao quát của văn bản.
- Sơ đồ trên đã đáp ứng được các yêu cầu về hình thức nêu dưới đây chưa?
 - Phù hợp với nội dung của kiểu văn bản.
 - Kết hợp hài hoà, hợp lí giữa các từ khoá với hình vẽ, mũi tên, các kí hiệu,...
 - Trình bày sáng rõ, có tính thẩm mỹ.

Đề bài:

Hãy tóm tắt bằng sơ đồ một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc.

Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Đọc kĩ văn bản cần tóm tắt

- Xác định văn bản gồm mấy phần hoặc mấy đoạn và quan hệ giữa các phần, các đoạn.
- Tìm từ khoá (những từ được lặp lại nhiều lần hoặc được in nghiêng, in đậm) và ý chính của từng phần hoặc đoạn.
- Xác định nội dung chính của văn bản và hình dung cách vẽ sơ đồ.

Bước 2: Tóm tắt văn bản bằng sơ đồ

- Dựa trên số phần hoặc số đoạn, xác định số ô hoặc số bộ phận cần có trong sơ đồ.
- Chọn cách thể hiện sơ đồ tốt nhất (hình vẽ, mũi tên, các kí hiệu,...) để trình bày nội dung chính của văn bản cần tóm tắt.

Bước 3: Kiểm tra lại sơ đồ đã vẽ

- Việc thể hiện các ý chính của văn bản cần tóm tắt trên sơ đồ đã đủ và rõ chưa?
- Cách thể hiện trong sơ đồ về các phần, đoạn, ý chính và quan hệ giữa chúng với nhau đã phù hợp với văn bản gốc chưa?
- Để kiểm tra và tự đánh giá sơ đồ vừa hoàn thành, em có thể dựa vào bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm tóm tắt văn bản bằng sơ đồ

Yêu cầu tóm tắt	Đạt/ Chưa đạt
Tương ứng giữa số phần, đoạn, ý chính trong văn bản cần tóm tắt với các ô, hình vẽ trong sơ đồ.	
Sử dụng từ khoá.	
Thể hiện mối quan hệ giữa các phần, đoạn, ý chính.	
Bao quát nội dung chính của văn bản cần tóm tắt.	



NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN NHÓM NHỎ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN CÓ GIẢI PHÁP THỐNG NHẤT

Trước những vấn đề đặt ra trong học tập và cuộc sống hằng ngày, mỗi người chúng ta thường có nhận thức và cách giải quyết riêng. Tuy vậy, trong nhiều trường hợp, ta cần sự góp sức của nhiều người để tìm ra được giải pháp tốt nhất. Tham gia thảo luận nhóm là cách chúng ta bày tỏ ý kiến, lắng nghe và chia sẻ góc nhìn với những người xung quanh. Bài học này hướng dẫn em cách tham gia tích cực khi thảo luận nhóm.

Chủ đề thảo luận: em có thể tham gia thảo luận tìm ra giải pháp thống nhất cho một trong các chủ đề sau:

- Cần làm gì để hình thành thói quen đọc sách?
- Trình bày một số giải pháp để giúp nhau tiến bộ trong học tập.
- Nêu những phương pháp hiệu quả để hoàn thành việc học bài, làm bài trước khi đến lớp.
- Học môn Ngữ văn thế nào cho hiệu quả?
- Bạn có thể làm gì để góp phần xây dựng nếp sống văn minh, lịch sự trong trường học?

Để hoạt động thảo luận nhóm có hiệu quả, cần thực hiện các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

Thành lập nhóm và phân công công việc

Một nhóm nhỏ nên gồm khoảng 6 thành viên. Nhóm trưởng chịu trách nhiệm phân công công việc, theo dõi tiến độ, chuẩn bị và dẫn dắt buổi thảo luận. Thư kí ghi chép ý kiến của các thành viên trong buổi thảo luận.

Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận

Sau khi chia nhóm, mỗi thành viên cần chuẩn bị nội dung theo sự phân công.

Em nên tìm tư liệu và nghiên cứu trước vấn đề từ một số nguồn đáng tin cậy và chuẩn bị ý kiến của mình theo gợi ý sau:

Ý kiến của tôi	Lí do

Thông nhất mục tiêu và thời gian của buổi thảo luận

Để thông nhất mục tiêu, thời gian thảo luận, cả nhóm cần trả lời những câu hỏi sau:

Mục đích của buổi thảo luận này là gì? Thời gian thảo luận dự kiến là bao lâu? Nhóm sẽ dành bao nhiêu thời gian cho mỗi ý kiến trong khi thảo luận?

Bước 2: Thảo luận

Trình bày ý kiến

Trong bước này, nhóm trưởng cần dẫn dắt để các thành viên trình bày ý kiến. Thư kí ghi chép, tổng hợp các ý kiến.

Phản hồi các ý kiến

Để làm rõ thêm các ý kiến cũng như sàng lọc các ý kiến chưa hợp lí, ta cần dành thời gian để phản hồi bằng cách nêu câu hỏi, đưa ra lí lẽ, dẫn chứng để phản đối những ý kiến chưa hợp lí.

Để phản hồi được ý kiến của các bạn khác trong nhóm, trước hết em nên lắng nghe và ghi chép cẩn thận ý kiến của bạn, những điều em muốn trao đổi với bạn và những điều bạn muốn trao đổi với em.

Dưới đây là một số mẫu câu mà em có thể sử dụng để phản hồi ý kiến của bạn:

- Nếu muốn bạn làm rõ ý kiến, em có thể nói:
 - Tôi chưa hiểu rõ lắm ở phần... Bạn có thể giải thích thêm giúp tôi được không?
 - Theo tôi hiểu thì ý của bạn là... Tôi hiểu như vậy có đúng không?
 - Bạn nói rằng... Vì sao vậy?
- Nếu muốn phản biện ý kiến của bạn, em có thể nói:
 - Tôi có cái nhìn khác ở phần... Bởi vì...
 - Theo tôi, ý... chưa hợp lí. Bởi vì...

Thông nhất giải pháp

Trong bước này, thư kí sẽ tóm tắt ngắn gọn những ý kiến đã được trình bày trong buổi thảo luận, các thành viên trong nhóm quyết định giải pháp nào là tối ưu. Giải pháp tối ưu không nhất thiết phải là một ý kiến, đó có thể là sự kết hợp của nhiều ý kiến khác nhau. Nên tránh đề xuất những ý kiến mới và tránh quay trở lại những ý kiến đã được thảo luận.

ÔN TẬP

1. Dựa vào bảng sau, hãy tóm tắt nội dung của ba văn bản (làm vào vở):

Tóm tắt nội dung chính của ba văn bản truyền thuyết

Văn bản	Nội dung chính
<i>Thánh Gióng</i>	
<i>Sự tích Hồ Gươm</i>	
<i>Bánh chưng, bánh giầy</i>	

2. Liệt kê vào bảng dưới đây một số sự kiện, chi tiết mà em cho là đặc sắc, đáng nhớ nhất trong ba văn bản đã nêu. Giải thích ngắn gọn lí do lựa chọn (làm vào vở).

Sự kiện, chi tiết đặc sắc, đáng nhớ

Nội dung	<i>Thánh Gióng</i>	<i>Sự tích Hồ Gươm</i>	<i>Bánh chưng, bánh giầy</i>
Sự kiện, chi tiết			
Lí do lựa chọn			

3. Khi đọc một văn bản truyền thuyết, cần lưu ý đến những đặc điểm nào của thể loại này?

4. Khi tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ, cần lưu ý những điều gì?

5. Bài học giúp em hiểu thêm những gì về lịch sử nước mình?

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích; các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận biết được chủ đề của văn bản.
- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của trạng ngữ; biết cách sử dụng trạng ngữ để liên kết câu.
- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích và kể lại được truyện cổ tích.
- Yêu nước và nhân ái.

Từ thuở ấu thơ, ai trong chúng ta cũng từng được nghe những câu chuyện cổ tích bắt đầu bằng "Ngày xưa ngày xưa...". Một thế giới khác lạ được mở ra cùng những tình tiết li kì, những nhân vật sinh động. Qua truyện cổ tích, có biết bao bài học sâu sắc về đạo lí làm người đã được cha ông ta gửi gắm cho đời sau.

Đến với bài học này, các em sẽ có cơ hội tìm hiểu về truyện cổ tích để càng thêm yêu mến, trân trọng những sáng tác dân gian vô giá.



Truyện cổ tích có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

**ĐỌC****TRÍ THỨC NGŨ VĂN****Tri thức đọc hiểu**

Truyện cổ tích là thể loại truyện kể dân gian, kết quả của trí tưởng tượng dân gian, xoay quanh cuộc đời, số phận của một số kiểu nhân vật. Truyện cổ tích thể hiện cách nhìn, cách nghĩ của người xưa đối với cuộc sống, đồng thời nói lên ước mơ về một xã hội công bằng, tốt đẹp.

Cốt truyện truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường, kì ảo, mở đầu bằng “Ngày xưa ngày xưa...” và kết thúc có hậu. Truyện được kể theo trình tự thời gian.

Truyện cổ tích thường kể về một số *kiểu nhân vật* như nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ, nhân vật thông minh,... Phẩm chất của nhân vật truyện cổ tích chủ yếu được thể hiện qua hành động.

Đề tài là hiện tượng đời sống được miêu tả, thể hiện qua văn bản.

Chủ đề là vấn đề chính mà văn bản nêu lên qua một hiện tượng đời sống. Trong truyện cổ tích, chủ đề nổi bật là ước mơ về một xã hội công bằng, cái thiện chiến thắng cái ác.

Người kể chuyện là vai do tác giả tạo ra để kể các sự việc. Người kể chuyện theo ngôi thứ nhất là người kể chuyện xưng “tôi”. Người kể chuyện theo ngôi thứ ba là người kể chuyện giấu mình. Trong truyện cổ tích, người kể chuyện thường ở ngôi thứ ba.

Lời của người kể chuyện là phần lời người kể dùng để thuật lại một sự việc cụ thể hay giới thiệu, miêu tả khung cảnh, con người, sự vật,... *Lời của nhân vật* là lời nói của các nhân vật trong truyện.

Tri thức tiếng Việt

Đặc điểm và chức năng liên kết câu của trạng ngữ

Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, giúp xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích,... của sự việc nêu trong câu.

Có nhiều loại trạng ngữ: trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn, trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích,...

Ví dụ: (1) **Hồi đó**, có một nước láng giềng lắm le muốn chiếm bờ cõi nước ta. (2) **Để dò xem bên này có nhân tài hay không**, họ sai sứ đưa sang một cái vỏ con ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, đổ làm sao sâu một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.

Trạng ngữ “**Hồi đó**” chỉ thời gian diễn ra sự việc nước láng giềng lắm le muốn chiếm bờ cõi nước ta.

Trạng ngữ “**Để dò xem bên này có nhân tài hay không**” chỉ mục đích của sự việc nước ngoài sai sứ đưa vỏ ốc vặn sang nước ta cùng với câu đố oái oăm.

Bên cạnh chức năng bổ sung ý nghĩa cho sự việc trong câu, trạng ngữ còn có chức năng liên kết các câu trong một đoạn, làm cho đoạn văn được liên mạch.

Ví dụ: (1) **Thế nước rất nguy**, người người hoảng hốt. (2) **Vừa lúc đó**, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến.

“**Vừa lúc đó**” là trạng ngữ có chức năng liên kết câu (2) với câu (1).



Chuẩn bị đọc

1. Đã bao giờ em đánh giá người khác chỉ qua hình thức bên ngoài? Cách đánh giá như vậy có chính xác không?
2. Nhan đề văn bản gợi cho em liên tưởng gì?



Trải nghiệm cùng văn bản

Ngày xưa, có hai vợ chồng nghèo đi ở cho một nhà phú ông¹. Họ hiền lành, chịu khó nhưng đã ngoài năm mươi mà vẫn chưa có con.

Một hôm, trời nắng to, người vợ vào rừng hái củi cho chủ, khát nước quá mà không tìm thấy suối. Thấy cái sọ dừa² bên gốc cây to đựng đầy nước mưa, bà bung lên uống. Thế rồi, bà có mang.

Chẳng bao lâu, người chồng mất. Bà sinh ra một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dừa. Bà buồn lắm, toan³ vứt đi thì đứa con bảo:

– Mẹ ơi, con là người đầy. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp.

Nghĩ lại, thấy thương con, bà đành để con lại nuôi và đặt tên cho nó là Sọ Dừa. ¹

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lẩn lôn lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì. Một hôm, bà mẹ than phiền:

– Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự⁴ gì.

Sọ Dừa nói:

– Gì chứ chăn bò thì con chăn cũng được. Mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò.

Nghe con giục, bà mẹ đến hỏi phú ông. Phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao? Nhưng mà nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công sá⁵ chẳng là bao, hơn nuôi đứa khác nhiều. Thôi cứ thử xem!

Suy luận

- 1 Những chi tiết trong phần mở đầu giúp em biết được gì về nhân vật Sọ Dừa?

¹ Phú ông: người đàn ông giàu có.

² Sọ dừa: phần vỏ cứng bên trong quả dừa, đựng củi dừa và nước dừa.

³ Toan: có ý định.

⁴ Tích sự: lợi ích, kết quả.

⁵ Công sá: khoản tiền trả cho người làm thuê.

Thế là Sọ Dừa đến ở nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, Sọ Dừa lặn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lặn sau đàn bò về chuồng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.

Ngày mùa, tơi tở ra đồng làm cỏ, phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị ác nghiệt, kiêu kì, thường hắt hủi Sọ Dừa; còn cô em út hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế.

Một hôm, cô út vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây nhìn xem, thì thấy một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai biến mất, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lẩn lóc ở đấy. Nhiều lần như thế, cô gái biết Sọ Dừa không phải người phàm trần¹. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem cho chàng.

Cuối mùa ở, Sọ Dừa về giục mẹ đến hỏi con gái phú ông làm vợ. Bà mẹ hết sức sửng sốt², nhưng thấy con năn nỉ cũng chiều lòng, đành kiếm buồng cau mang đến nhà phú ông. Phú ông cười mỉa:

– Ủ, được! Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh³ vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm⁴ đem sang đây. **2**

Dự đoán

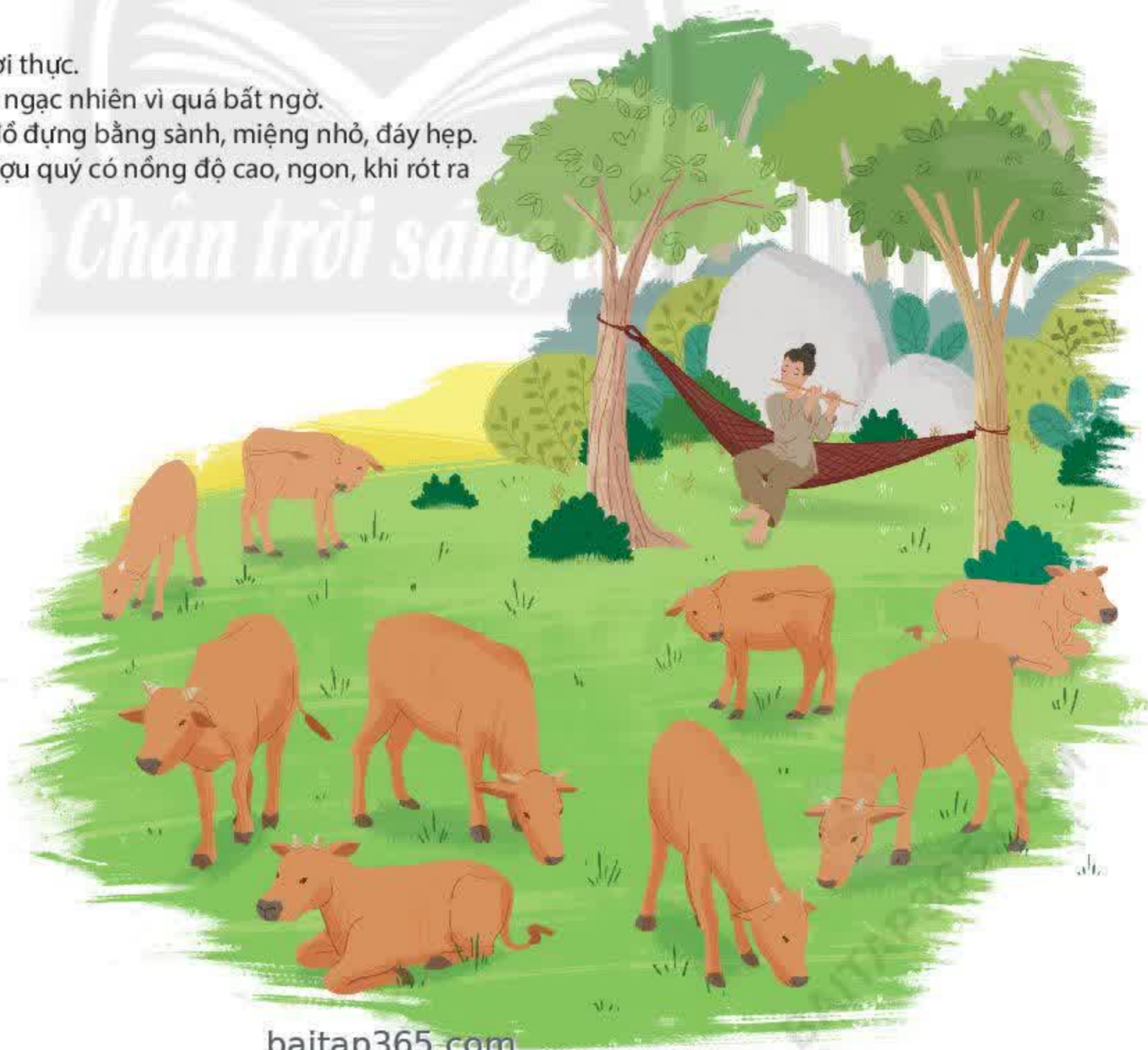
2 Theo em, Sọ Dừa có tìm được lễ vật hay không?

¹ Phàm trần: cõi đời thực.

² Sửng sốt: hết sức ngạc nhiên vì quá bất ngờ.

³ Chĩnh: một loại đồ đựng bằng sành, miệng nhỏ, đáy hẹp.

⁴ Rượu tăm: loại rượu quý có nồng độ cao, ngon, khi rót ra thường sủi tăm.



Bà mẹ về nói với Sọ Dừa, nghĩ là con thôi hẳn việc đòi lấy vợ. Không ngờ Sọ Dừa bảo với mẹ rằng sẽ có đủ những thứ ấy.

Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sinh lễ. Lại có cả chục gia nhân¹ ở dưới nhà chạy lên khiêng lễ vật sang nhà phú ông. Phú ông hoa cả mắt. Lão lúng túng nói với bà cụ:

– Để ta hỏi con gái ta, xem có đứa nào ưng² lấy thằng Sọ Dừa không đã.

Lão gọi ba con gái ra, hỏi lần lượt từng người một. Hai cô chị bấu môi, chê bai. Còn cô út e lệ, cúi mặt xuống, tỏ ý bằng lòng. Phú ông đành phải nhận lễ và gả cô con gái út cho Sọ Dừa.

Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập. Đúng lúc rước dâu, không ai thấy Sọ Dừa đâu cả. Bỗng một chàng trai khôi ngô tuấn tú cùng cô út của phú ông từ phòng cô dâu đi ra. Mọi người đều sửng sốt, mừng rỡ. Còn hai cô chị vợ của Sọ Dừa thì vừa tiếc, vừa ghen tức.

Hai vợ chồng Sọ Dừa ở với nhau rất hạnh phúc. Không những thế, Sọ Dừa còn tỏ ra thông minh khác thường, ngày đêm miệt mài đèn sách, chờ khoa thi. Năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên³. Chẳng bao lâu, có chiếu nhà vua sai quan trạng đi sứ⁴. Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà, dặn phải giắt luôn trong người phòng khi dùng đến.

Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng, hai cô chị sang chơi, rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em xuống nước. Một con cá kình⁵ nuốt chửng⁶ cô vào bụng. Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xóc cá nổi lên bềnh trên mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo. Cô lại lấy dao khoét bụng cá chui ra, lấy hai hòn đá cọ mạnh vào nhau, bật lửa lên, rồi xéo thịt cá nướng ăn, sống qua ngày, chờ có thuyền đi qua thì gọi vào cứu. Hai quả trứng cũng nở thành một đôi gà đẹp, làm bạn với cô giữa cảnh đảo hoang vắng.

Một hôm, có thuyền cắm cờ đuôi nheo lướt qua đảo. Con gà trông nhìn thấy, gáy to ba lần:

Ồ...ó...o...

Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về.

Quan trạng cho thuyền vào xem. Vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Về nhà, quan trạng mở tiệc mừng, mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong buồng không

¹ Gia nhân: người giúp việc trong nhà.

² Ưng: thích vì cảm thấy phù hợp với mong muốn của mình.

³ Trạng nguyên: học vị của người đỗ đầu trong khoa thi đình thời phong kiến.

⁴ Đi sứ: đi giao thiệp với nước ngoài theo lệnh của vua.

⁵ Cá kình: cá voi.

⁶ Nuốt chửng: nuốt mà không cần nhai.

cho ra mắt. Hai cô chị không hay biết gì hết, khắp khởi mừng thầm, chắc hẳn¹ chuyện này được thay em làm bà trạng. Hai cô chị tranh nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều² thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì. Tiệc xong, quan trạng cho gọi vợ ra. Hai người chị xấu hổ quá, lên ra về lúc nào không ai hay và từ đó bỏ đi biệt xứ³.

(Theo Ngữ văn 6, tập một, Nguyễn Khắc Phi (TCB) Sdd)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Truyện cổ tích thường kể về nhân vật bất hạnh (người mồ côi, người mang lỗi vật,...), nhân vật dũng sĩ, nhân vật thông minh,... Theo em, Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật nào?
2. Sắp xếp lại các sự việc sau theo đúng trình tự xảy ra trong truyện:
 - a. Bà mẹ đi hái củi, uống nước trong sọ dừa rồi có mang, sinh ra Sọ Dừa dị hình dị dạng.
 - b. Sọ Dừa chăm lo học hành, đỗ trạng và đi sứ.
 - c. Sọ Dừa đi sứ về, hết sức vui mừng khi gặp lại vợ trên đảo.
 - d. Ở nhà phú ông, Sọ Dừa gặp được cô út và kết hôn với cô, trút bỏ lỗi xấu xí.
 - đ. Hai người chị hại em, đẩy vợ Sọ Dừa xuống biển.
 - e. Nhờ làm theo lời dặn của chồng, người vợ thoát nạn và sống trên đảo hoang.
 - g. Hai người chị xấu hổ bỏ đi biệt xứ.
 - h. Sọ Dừa xin đi chăn bò ở nhà phú ông để phụ giúp mẹ già.Em có nhận xét gì về cách sắp xếp thứ tự các sự việc trong truyện cổ tích?
3. Phẩm chất của nhân vật trong truyện cổ tích thường được bộc lộ qua chuỗi hành động xuyên suốt tác phẩm. Điều này được thể hiện như thế nào qua nhân vật Sọ Dừa?
4. Hãy chỉ ra các yếu tố kì ảo được sử dụng trong truyện *Sọ Dừa*. Theo em, các yếu tố kì ảo trong truyện này có vai trò gì?
5. Xác định đề tài của truyện.
6. Cho biết chủ đề của truyện.
7. Qua truyện *Sọ Dừa*, em học được gì về cách nhìn nhận, đánh giá con người?

VĂN BẢN 2

EM BÉ THÔNG MINH



Chuẩn bị đọc

1. Người như thế nào được xem là người thông minh?
2. Theo em, người thông minh có thể giúp ích gì cho mọi người?

¹ Chắc hẳn: tin chắc việc sẽ xảy ra như dự kiến.

² Ra chiều: tỏ vẻ, ra vẻ.

³ Biệt xứ: nơi xa hẳn xứ sở của mình, không ai biết tin tức.



Trải nghiệm cùng văn bản

Ngày xưa, có ông vua nọ sai một viên quan đi dò la khắp nước tìm người tài giỏi. Viên quan ấy đã đi nhiều nơi, đến đâu quan cũng ra những câu đố oái oăm¹ để hỏi mọi người. Đã mất nhiều công tìm kiếm nhưng viên quan vẫn chưa thấy có người nào thật lỗi lạc².

Một hôm, viên quan đi qua một cánh đồng làng kia, chợt thấy bên vệ đường có hai cha con nhà nọ đang làm ruộng: cha đánh trâu cày, con đập đất. Ông bèn dừng ngựa lại hỏi:

– Này, lão kia! Trâu của lão cày một ngày được mấy đường?

Người cha đứng gần ra chưa biết trả lời thế nào thì đứa con chừng bảy, tám tuổi nhanh miệng hỏi vặn lại quan rằng:

– Thế xin hỏi ông câu này đã. Nếu ông trả lời đúng ngựa của ông đi một ngày được mấy bước, tôi sẽ cho ông biết trâu của cha tôi cày một ngày được mấy đường.

Viên quan nghe cậu bé hỏi lại như thế thì há hốc mồm sững sột, không biết đáp sao cho ổn. Quan trầm nghĩ, nhất định nhân tài ở đây rồi, chả phải tìm đâu mất công. Quan bèn hỏi tên họ, làng xã quê quán của hai cha con rồi phi ngựa một mạch về tâu vua.

Nghe chuyện, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng, để biết chính xác hơn nữa, vua cho thử lại. Vua sai ban cho làng ấy ba thúng gạo nếp với ba con trâu đực, ra lệnh phải nuôi làm sao cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hẹn năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội. ¹

Khi dân làng nhận được lệnh vua thì ai nấy đều tung hửng³ và lo lắng, không hiểu thế là thế nào. Bao nhiêu cuộc họp làng, bao nhiêu lời bàn, vẫn không có cách gì giải quyết cả. Từ trên xuống dưới, mọi người đều coi là một tai họa. Việc đến tai em bé con nhà thợ cày. Em liền báo cha:

– Chả mấy khi được lộc vua ban, cha cứ thưa với làng giết thịt hai con trâu và đồ hai thúng gạo nếp để mọi người ăn một bữa cho sượng miệng. Còn một trâu và một thúng gạo, ta sẽ xin làng làm phí tổn cho cha con ta trải kinh lo liệu việc đó.

– Đã ăn thịt còn lo liệu thế nào? Mày đừng có làm đại mà bay mất đầu, con ạ!

Nhưng đứa con quả quyết:

– Cha cứ mặc con lo liệu, thế nào cũng xong xuôi mọi việc.

Dự đoán

1

Theo em, ai sẽ là người giải quyết thử thách này? Người đó có thành công không?

¹ Oái oăm: trái với bình thường một cách kì quặc.

² Lỗi lạc: tài giỏi khác thường.

³ Tung hửng: ngẩn ngơ vì việc xảy ra bất ngờ ngoài dự kiến (giống như *chung hửng*).

Người cha vội ra đình trình bày câu chuyện với dân làng. Mọi người nghe nói vẫn còn ngờ vực, bắt cha con phải làm giấy cam đoan, mới dám ngả¹ trâu đánh chén.

Sau đó mấy hôm, hai cha con khăn gói tìm đường vào kinh. Đến hoàng cung, con bảo cha đứng đợi ở ngoài, còn mình thì nhè lúc mấy tên lính canh vô ý, lẻn vào sân rồng khóc um lên. Vua sai lính điệu² em bé vào, phán hỏi:

– Thằng bé kia, mày có việc gì? Sao lại đến đây mà khóc?

– Tâu đức vua – em bé vờ vĩnh đáp – mẹ con chết sớm mà cha con thì không chịu để em bé để chơi với con cho có bạn, cho nên con khóc. Dám mong đức vua phán bảo cha con cho con được nhờ.

Nghe nói, vua và các triều thần đều bật cười. Vua lại phán:

– Mày muốn có em thì phải kiếm vợ khác cho cha mày, chứ cha mày là giống đực làm sao mà đẻ được!

Em bé bỗng tươi tỉnh:

– Thế sao làng chúng con lại có lệnh trên bắt nuôi ba con trâu đực cho để thành chín con để nộp đức vua? Giống đực thì làm sao mà đẻ được ạ!

Vua cười, bảo:

– Ta thử đây thôi mà! Thế làng chúng mày không biết đem trâu ấy ra thịt mà ăn với nhau à?

– Tâu đức vua, làng chúng con sau khi nhận được trâu và gạo nếp, biết là lộc của đức vua, cho nên đã làm cỗ ăn mừng với nhau rồi.

Vua và đình thần³ chịu thằng bé là thông minh lỗi lạc. **2** Nhưng vua vẫn còn muốn thử một lần nữa. Qua hôm sau, khi hai cha con đang ăn cơm ở công quán⁴, bỗng có sứ nhà vua mang tới một con chim sẻ, với lệnh bắt họ phải dọn thành ba cỗ thức ăn. Em bé nhờ cha lấy cho mình một cái kim may rồi đưa cho sứ giả, bảo:

– Ông cầm lấy cái này về tâu đức vua xin rèn cho tôi thành một con dao để xẻ thịt chim.

Vua nghe nói, từ đó mới phục hần.

Lập tức, vua cho gọi cả hai cha con vào, ban thưởng rất hậu.

Hồi đó, có một nước láng giềng lắm le muốn chiếm bờ cõi nước ta. Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ sai sứ đưa sang một cái vỏ con ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, đổ làm sao xâu một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.

Dự đoán

- 2** Liệu trong phần tiếp theo, em bé có phải vượt qua những thử thách khác nữa hay không?

¹ Ngả: giết gia súc để lấy thịt.

² Điệu: dẫn vào theo lệnh trên.

³ Đình thần: các quan lại trong triều đình (giống như triều thần).

⁴ Công quán: nhà để quan lại tạm trú khi đi làm việc công.



Sau khi nghe sứ thần trình bày mục đích cuộc đi sứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau. Không trả lời được câu đố oái oăm ấy tức là tỏ ra thua kém và thừa nhận sự thần phục¹ của mình đối với nước láng giềng. Các đại thần đều vô đầu² suy nghĩ. Có người dùng miệng hút. Có người bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng để cho dễ khâu,... Nhưng, tất cả mọi cách đều vô hiệu. Bao nhiêu ông trạng và các nhà thông thái được triệu³ vào đều lắc đầu bó tay. Cuối cùng, triều đình đành mời sứ thần ra ở công quán để có thời gian đi hỏi ý kiến em bé thông minh nọ.

Khi viên quan mang dụ chỉ⁴ của vua đến thì em còn đùa nghịch ở sau nhà. Nghe nói việc khâu chỉ vào vỏ ốc, em bé hát lên một câu:

Tang tình tang! Tính tình tang!
Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng
Bên thoi⁵ lấy giấy mà bưng,
Bên thoi bôi mỡ, kiến mừng kiến sang,
Tang tình tang...

rồi bảo:

– Cứ theo cách đó là khâu được ngay! ³

Viên quan sung sướng, vội vàng trở về tâu vua. Vua và các triều thần nghe nói, mừng như mở cờ trong bụng. Quả nhiên, con kiến càng đã khâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thần phục của sứ giả nước láng giềng.

Liền đó, vua phong cho em bé làm trạng nguyên. Vua lại sai xây dinh thự ở một bên hoàng cung cho em ở, để tiện hỏi han.

(Theo *Ngũ văn 6, tập một*, Nguyễn Khắc Phi (TCB) Sdd)

Suy luận

- ³ Chi tiết em bé giải câu đố bằng cách "hát lên một câu" cho em biết điều gì về nhân vật này?

¹ *Thần phục*: chịu phục tùng và tự nhận làm bề tôi của vua hoặc chư hầu của nước lớn.

² *Vô đầu*: bối rối, lúng túng vì chưa tìm được cách giải quyết.

³ *Triệu*: ra lệnh gọi.

⁴ *Dụ chỉ*: văn bản để truyền lệnh của vua.

⁵ *Thoi*: thoi.



Suy nghĩ và phản hồi

1. Truyện *Em bé thông minh* kể về kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

2. Đọc đoạn văn sau:

Hồi đó, có một nước láng giềng lắm le muốn chiếm bờ cõi nước ta. Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ sai sứ đưa sang một cái vỏ con ốc vặn rất dài, rộng hai đầu, đổ làm sao sâu một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.

Đây là lời của người kể chuyện hay lời của nhân vật? Vì sao em cho là như vậy?

3. Trong truyện, em bé đã vượt qua những thử thách nào? Các thử thách ấy có ý nghĩa gì trong việc thể hiện phẩm chất của nhân vật em bé thông minh?

4. Em đánh giá như thế nào về kết thúc của truyện?

5. Theo em, chủ đề của truyện *Em bé thông minh* là gì?

6. Lời giải đố của các nhân vật thông minh trong truyện cổ tích thường dựa vào kiến thức từ đời sống. Việc tích lũy kiến thức từ đời sống có tác dụng gì đối với chúng ta?

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH



Trải nghiệm cùng văn bản

Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
 Vừa nhân hậu¹ lại tuyệt vời sâu xa
 Thương người rồi mới thương ta²
 Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
 Ở hiền thì lại gặp hiền³
 Người ngay thì gặp người tiên độ trì⁴
 Mang theo chuyện cổ tôi đi
 Nghe trong cuộc sống thắm thì tiếng xưa
 Vàng con nắng, trắng con mưa
 Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi

¹ Nhân hậu: có lòng thương người và sống có tình nghĩa.

² "Thương người rồi mới thương ta...": ý thơ bắt nguồn từ câu tục ngữ "Thương người như thể thương thân".

³ "Ở hiền thì lại gặp hiền...": ý thơ bắt nguồn từ câu tục ngữ "Ở hiền gặp lành".

⁴ Độ trì: che chở, giúp đỡ con người vượt qua những khó khăn, khổ ải.

Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình
Rất công bằng, rất thông minh
Vừa độ lượng¹ lại đa tình², đa mang³
Thị thơm thì giấu người thơm⁴
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà
Đẽo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì⁵
Tôi nghe chuyện cổ thăm thì
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau.
Đậm đà cái tích⁶ trầu cau
Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người.
Sẽ đi qua cuộc đời tôi
Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi.
Nhưng bao chuyện cổ trên đời
Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm.

(Lâm Thị Mỹ Dạ, *Tuyển tập*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2011)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Tìm những câu thơ cho biết lí do tác giả yêu chuyện cổ nước nhà.
2. Em hiểu như thế nào về các câu thơ “Đời cha ông với đời tôi/ Như con sông với chân trời đã xa/ Chỉ còn chuyện cổ thiết tha/ Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”?
3. Theo em, cụm từ “người thơm” trong câu thơ “Thị thơm thì giấu người thơm” có ý nghĩa gì?
4. Qua câu thơ “Tôi nghe chuyện cổ thăm thì/ Lời cha ông dạy cũng vì đời sau”, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

¹ *Độ lượng*: cư xử rộng rãi, cao thượng, dễ tha thứ những lỗi lầm của người khác.

² *Đa tình*: có nhiều tình cảm yêu thương với những người xung quanh (nghĩa trong bài).

³ *Đa mang*: lo lắng, quan tâm đến nhiều việc của những người xung quanh (nghĩa trong bài).

⁴ “Thị thơm thì giấu người thơm...”: ý thơ bắt nguồn từ truyện cổ tích *Tấm Cám*.

⁵ “Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì”: ý thơ bắt nguồn từ thành ngữ “đẽo cày giữa đường”, chỉ hành động của người không có chủ kiến, hay thay đổi theo ý người khác, cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì.

⁶ *Tích*: truyện hoặc cốt truyện đời xưa.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm và nêu tác dụng của trạng ngữ trong các câu dưới đây:

- Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập.*
- Đúng lúc rước dâu, không ai thấy Sọ Dừa đâu cả.*
- Lập tức, vua cho gọi cả hai cha con vào, ban thưởng rất hậu.*
- Sau khi nghe sứ thần trình bày mục đích cuộc đi sứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau.*

2. Nêu tác dụng liên kết câu của trạng ngữ trong hai đoạn văn sau:

- Năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên. Chẳng bao lâu, có chiếu nhà vua sai quan trạng đi sứ. Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà, dặn phải giắt luôn trong người phòng khi dùng đến.*
- Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng, hai cô chị sang chơi, rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em xuống nước.*

3. Đọc đoạn văn sau:

Một hôm, cô út vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây nhìn xem, thì thấy một chàng trai khôi ngô đang ngồi trên chiếc võng đào mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai biến mất, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lăn lóc ở đấy. Nhiều lần như thế, cô gái biết Sọ Dừa không phải người phàm trần. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem cho chàng.

- Tìm các từ láy trong đoạn văn trên.
- Chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn văn trên.

4. Đọc đoạn văn sau:

Viên quan sung sướng, vội vàng trở về tâu vua. Vua và các triều thần nghe nói, mừng như mở cờ trong bụng. Quả nhiên, con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thần phục của sứ giả nước láng giềng.

- Tìm thành ngữ được sử dụng trong đoạn văn trên.
- Nêu ý nghĩa của thành ngữ đó.

Viết ngắn

Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) trình bày cảm nghĩ về một truyện cổ tích mà em yêu thích, trong đó sử dụng ba trạng ngữ.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

NON-BU VÀ HENG-BU

(Truyện cổ tích Hàn Quốc)

Ngày xưa, ở một làng nọ có hai anh em tên là Non-bu (Nol Bu) và Heng-bu (Heung Bu). Người em là Heng-bu tốt bụng, hiền lành, còn người anh là Non-bu tham lam, xấu tính.

Heng-bu chẳng nhận được tài sản gì của cha để lại nhưng vẫn siêng năng làm lụng, không ganh ghét ai. Tuy bị người anh giành hết tài sản, chàng vẫn không trách oán, giận hờn. Khi gặp người có hoàn cảnh nghèo khổ hơn mình, chàng thường tìm cách giúp đỡ.

Năm nọ, lũ lụt dâng cao, mùa màng thất bát, nhà Heng-bu lâm vào cảnh ngặt nghèo. Heng-bu đành tìm đến nhà anh trai Non-bu nhờ giúp đỡ.

– Không có, không có đâu. Đi đi!

Non-bu giận dữ quát tháo và đuổi Heng-bu ra khỏi nhà. Dù vậy, Heng-bu không chút oán trách, lê bước trở về.

Thế rồi mùa đông lạnh lẽo qua đi, mùa xuân ấm áp đến. Có đôi chim nhận từ đâu bay đến làm tổ dưới mái hiên nhà Heng-bu, đẻ trứng và nuôi nấng chim non. Một buổi sáng nọ, Heng-bu chuẩn bị ra đồng làm việc thì thấy một con trăn đang trườn đến định bắt chim non ăn thịt. Heng-bu đuổi được trăn đi nhưng một con nhận non đã bị rơi từ trên tổ xuống đất, gãy một chân. Heng-bu và vợ bèn lấy thuốc bôi và cẩn thận băng bó vết thương bằng một mẩu vải nhỏ để chân chim mau lành. Mùa thu đến, bầy nhận từ biệt gia đình Heng-bu, liệng một vòng quanh sân rồi bay về phương nam.

Một mùa xuân ấm áp nữa lại đến. Heng-bu thấy chim nhận bay trở về. Đó chính là con chim đã được Heng-bu chữa lành đôi chân. Chim nhận nhả xuống trước mặt chàng một vật gì đang ngậm trong mỏ. Đó là một hạt bầu. Heng-bu vui mừng đem hạt giống gieo trên một mảnh đất nhỏ. Cây bầu lớn nhanh như thổi, những quả to tròn lủng lẳng trên giàn, Heng-bu vui mừng hái những quả bầu xuống.

Quả đầu tiên được bổ ra, tràn châu tuôn ào ạt.

Quả thứ hai được bổ ra, bên trong đầy hồng ngọc.

Quả thứ ba, thứ tư tuôn ra toàn tiền vàng, tiền bạc.

Từ đó, gia đình Heng-bu trở nên vô cùng giàu có.

Tin đồn đến tai người anh. Non-bu rất ngạc nhiên và tò mò muốn biết chuyện gì đã xảy ra. Hắn nghĩ chắc là Heng-bu đã đi ăn trộm ăn cướp nên mới giàu được như thế và quyết định đến mắng em trai một trận, rồi giành lấy cửa cái mang về. Non-bu đến gặp Heng-bu thì thấy nhà em trai sang trọng như cung điện của vua. Heng-bu hết lòng hết dạ đón tiếp anh trai. Thấy vợ Heng-bu dọn ra nhiều thức ăn đến mức muốn gãy cả chân bàn, Non-bu bèn mắng:

– Này thằng Heng-bu kia, ai đã dạy mày đi ăn trộm ăn cướp đấy? Nếu mày không nói thật thì tao lôi cổ lên quan ngay bây giờ.

– Anh trai à, em đi đâu mà ăn trộm ăn cướp được nhiều thứ thế này chứ? Thật sự không phải vậy đâu ạ.

Thế là Heng-bu kể cho anh trai nghe tất cả mọi việc đã xảy ra. Non-bu bèn tức tốc chạy về nhà bảo vợ:

– Minh này, chúng ta cũng mau mau đi bắt một con chim nhạn thôi.

Mùa đông năm đó, hai vợ chồng người anh cứ đi ra đi vào trông chờ chim nhạn. Một ngày nọ, có đôi chim từ đâu bay đến làm tổ dưới hiên nhà. Chờ mãi mà chẳng có con chim nào rơi xuống nên Non-bu bèn kéo một con nhạn non ra khỏi tổ, bẻ gãy chân rồi nói:

– Trời ơi, thật là tội nghiệp! Con trần đã cắn vào chân mày rồi. Tao sẽ bôi thuốc chữa cho, đừng quên trả ơn đây nhé.



Nói rồi, Non-bu bôi thuốc vào chân chim và lấy mẩu vải quấn lại. Mùa thu đến, khi thấy con nhạn bị thương sắp bay về phương nam, Non-bu phấn khởi bảo:

– Này, nhạn à, khi mày suýt chết thì được tao cứu, đúng không? Sang năm, vào mùa xuân, đừng quên mang nhiều hạt bầu về nhé.

Mùa xuân sau đó, chim nhạn bị thương lại bay trở về, nhả hạt bầu mà nó ngâm trong mỏ xuống trước mặt Non-bu. Người anh mừng rỡ, vội vàng nhặt lấy hạt giống đem trồng. Cuối cùng, cây bầu cũng kết được mười quả như mong chờ.

Quả bầu đầu tiên vừa được bỏ thì một ánh chớp loé lên kéo theo tiếng nổ. Từ quả bầu tuôn ra không phải vàng bạc mà toàn là các tráng sĩ tay cầm gậy. Non-bu bị đánh khắp mình, vợ chồng Non-bu vô cùng hoảng sợ.

– Mi là tên Non-bu xấu xa cố tình bẻ gãy chân của con chim nhạn, đúng không?

Các tráng sĩ vừa vung gậy đánh vừa quát lên. Sau đó, họ còn yêu cầu Non-bu nộp năm nghìn lượng bạc mới tha mạng.

Tuy bị đánh một trận toi bời nhưng Non-bu lại bỏ tiếp quả bầu khác. Lần này cũng không phải châu báu đầy ắp như mong đợi mà là một bọn cướp bề ngoài vô cùng dữ dằn nhảy xổ ra. Bọn cướp đập vỡ nhà Non-bu, lục lọi khắp nơi lấy hết tài sản và lúa gạo mang đi.

Bây giờ tài sản Non-bu chỉ còn mỗi cái nhà nát, nhưng hắn vẫn bỏ trái bầu tiếp theo. Lần này thì một bọn yêu tinh hung tợn xuất hiện.

– Chúng tao đến đây để trừng trị tên Non-bu xấu tính.

Nghe tiếng yêu tinh, những trái bầu còn lại tự mở ra và thêm rất nhiều yêu tinh khác xuất hiện.

Non-bu giờ đây trở thành ăn mày, chẳng còn một xu. Đó là hình phạt cho tâm địa xấu xa và thói tham lam của Non-bu.

Nghe tin anh trai nghèo khó, suy sụp, Heng-bu vội chạy đến tìm và mời gia đình anh trai về sống cùng với mình. Nghe em trai nói vậy, Non-bu ôm chầm lấy em khóc nức nở.

(Theo *Hợp tuyển văn học dân gian Hàn Quốc*, Phan Thị Thu Hiền (CB),

NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2017)

Hướng dẫn đọc

1. Em hãy chỉ ra các đặc điểm của truyện cổ tích được thể hiện trong văn bản *Non-bu và Heng-bu*.
2. Em rút ra bài học gì sau khi đọc văn bản này?



KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH

Em đã từng đọc hoặc được nghe kể nhiều truyện cổ tích hay. Có những truyện để lại ấn tượng rất sâu đậm trong kí ức của em. Có khi nào em muốn tự mình kể lại cho mọi người nghe những câu chuyện thú vị đó hay không? Cách thức kể như thế nào?... Bài học này sẽ hướng dẫn những bước cơ bản để em biết cách kể lại một truyện cổ tích.

Kể lại một truyện cổ tích thuộc kiểu bài kể chuyện, trong đó, người viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của mình.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Người kể sử dụng ngôi thứ ba.
- Các sự việc được trình bày theo trình tự thời gian.
- Đảm bảo kể được đầy đủ các sự việc quan trọng trong truyện, đặc biệt là các yếu tố kì ảo, hoang đường.
- Bài văn gồm có ba phần:

Mở bài: giới thiệu truyện cổ tích sẽ kể lại (tên truyện, lí do chọn kể,...).

Thân bài: giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày những sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.

Kết bài: nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Kể lại truyện cổ tích “*Cây khế*”

Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa.

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

**Mở
bài**

Thật vậy, truyện cổ tích luôn mở ra thế giới nhiệm màu, kì ảo với những bài học sâu xa mà người xưa gửi gắm. Những bài học ấy, qua lời kể của bà, của mẹ, luôn in sâu trong tâm trí mỗi người từ thuở ấu thơ. Một trong những câu chuyện hay, được nhớ mãi là *Cây khế*.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Giới thiệu tên truyện và lí do muốn kể lại truyện.

Thân bài

Chuyện kể rằng, ngày xưa, có hai anh em nhà kia cha mẹ mất sớm. Đến lúc chia gia tài, người anh tham lam chiếm hết nhà cửa, ruộng vườn, chỉ chia cho người em túp lều lụp xụp và một cây khế.⁽²⁾ Hai vợ chồng người em cần mẫn làm ăn, siêng năng chăm chút cho cây khế nên chẳng bao lâu cây đã ra hoa, kết quả. Những quả khế vàng ươm, trĩu trên cành.⁽³⁾

Một ngày kia,⁽³⁾ bỗng có con chim to lớn từ đâu bay đến ăn hết rất nhiều khế chín. Hai vợ chồng đợi chim ăn xong bay đi rồi mới lên cây hái trái đem bán. Ròng rã một tháng trời,⁽³⁾ chim cứ đến ăn khế như vậy làm quả trên cây vơi hẳn đi. Một hôm,⁽³⁾ khi chim đang ăn khế, người vợ lo lắng, cất tiếng than thở:

"Ông chim ơi, ông ăn như thế còn gì là khế của nhà cháu nữa! Cây khế nhà cháu cũng sắp hết quả rồi đấy, ông ạ!". Lạ thay, chim nghe xong thì nói: "Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng".⁽⁴⁾ Nói rồi, chim vỗ cánh bay đi. Hai vợ chồng nghe theo lời chim, may túi vừa đúng ba gang. Hôm sau, như lời đã hứa, chim bay đến chỗ người em vượt muông dậm đường, đến một hòn đảo thật xa xôi ngoài khơi để lấy vàng.⁽⁴⁾ Người em cho vàng vào túi ba gang xong thì ra hiệu cho chim bay về. Từ đó, vợ chồng người em trở nên giàu có.⁽³⁾

Tiếng đồn người em giàu có đến tai người anh. Hai vợ chồng người anh vội đến hỏi chuyện. Người em thật thà kể rõ đầu đuôi. Lòng tham nổi lên, người anh gạ đổi toàn bộ gia sản của mình để lấy túp lều và cây khế.⁽³⁾ Người em ưng thuận.

Hai vợ chồng người anh mừng quýnh, vội dọn đến túp lều để ở và chờ chim đến. Một buổi sáng, chim đại bàng lại bay đến và ăn rất nhiều khế chín trên cành. Hai người vội tru tréo lên: "Cả nhà tôi chỉ biết trông vào cây khế, bây giờ chim ăn hết thì tôi cậy vào đâu".⁽³⁾ Chim liền đáp: "Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng".⁽⁴⁾ Nói rồi, chim bay vụt đi. Với lòng tham không đáy, hai vợ chồng người anh quyết định may một cái túi chín gang.⁽³⁾ Sáng hôm sau chim đến, cũng chờ người anh vượt muông dậm đường, đến một hòn đảo thật xa xôi ngoài khơi để lấy vàng. Người anh thấy vàng nhiều quá thì mê mẩn tâm thần, bỏ đầy túi chín gang, lại còn dồn cả vào ống tay áo, ống quần,...⁽³⁾ Trên đường về, chim phải chở nặng, bay ngược gió nên yếu dần. Đuối sức, chim buông xuôi hai cánh, đâm nhào xuống biển khơi. Người anh tham lam bị sóng cuốn trôi cùng bạc vàng, châu báu trên người. Chim chỉ bị ướt lông, ướt cánh, lại vùng lên bay trở lại núi rừng.⁽³⁾

Kết bài

Mỗi câu chuyện cổ tích luôn gắn với những bài học về cuộc sống. Với truyện *Cây khế*, chắc chắn rằng ai cũng nhận ra bài học: những người thật thà, hiền lành sẽ được đền đáp, ngược lại, những người tham lam, độc ác sẽ phải trả giá. Thật đúng như những lời khuyên răn được cha ông đúc kết: ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ, gieo nhân nào, gặt quả ấy.⁽⁵⁾

(Bài của học sinh, có chỉnh sửa – Kể theo *Văn học dân gian, những tác phẩm chọn lọc*, Bùi Mạnh Nhị (CB), NXB Giáo dục, 2001)

⁽²⁾ Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.

⁽³⁾ Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra theo trình tự thời gian.

⁽⁴⁾ Kể lại các yếu tố kì ảo.

⁽⁵⁾ Nêu cảm nghĩ về truyện.

Em hãy tìm đọc truyện cổ tích *Cây khế* và đọc bài văn kể lại truyện *Cây khế*, sau đó trả lời những câu hỏi sau:

1. Người kể có nêu được thời gian, địa điểm xảy ra câu chuyện hay không?
2. Người kể có đảm bảo kể đủ những sự việc chính đã diễn ra trong truyện *Cây khế* hay không?
3. Những hành động của nhân vật trong truyện có bị người kể bỏ sót hay không?
4. Từ bài văn kể lại truyện *Cây khế*, em học được điều gì về cách kể lại một truyện cổ tích?

Đề bài:

Viết một bài văn khoảng 400 chữ kể lại một truyện cổ tích.

Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Em cần đọc kĩ đề bài để xác định:

- Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì?
- Kiểu bài mà đề yêu cầu là gì?

Thu thập tư liệu

Em hãy tìm đọc một số truyện cổ tích. Trong những truyện đó, truyện nào gây cho em ấn tượng sâu sắc nhất, có nhân vật đáng nhớ nhất, có cốt truyện thú vị nhất, ...?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Em hãy đọc kĩ truyện đã chọn và trả lời những câu hỏi dưới đây:

- Truyện có tên là gì? Vì sao em chọn kể lại truyện này?
- Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện như thế nào?
- Truyện có những nhân vật nào?
- Truyện gồm những sự việc nào? Các sự việc xảy ra theo trình tự nào?
- Truyện kết thúc như thế nào?
- Cảm nghĩ của em về truyện?

Trước khi viết, em cần trả lời các câu hỏi:

Viết văn bản này nhằm **mục đích** gì?
Người đọc có thể là ai?

Việc trả lời các câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng nội dung bài viết, cách viết, tăng hiệu quả giao tiếp.

Lập dàn ý

Em hãy sắp xếp các ý đã tìm theo một dàn ý. Cụ thể như sau:

Mở bài	Giới thiệu – Tên truyện: – Lí do muốn kể lại truyện:
Thân bài	Trình bày – Nhân vật: – Hoàn cảnh xảy ra câu chuyện: Kể chuyện theo trình tự thời gian – Sự việc 1: – Sự việc 2: – Sự việc 3: – Sự việc 4: – ...
Kết bài	Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý trên, viết thành một bài văn kể chuyện hoàn chỉnh. Khi viết cần đảm bảo thể hiện được các đặc điểm của kiểu bài kể lại một truyện cổ tích.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, em có thể tự kiểm tra lại bài viết của mình theo những gợi ý sau:

Bảng kiểm bài viết kể lại một truyện cổ tích

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt / Chưa đạt
Mở bài	Nêu tên truyện.	
	Nêu lí do em muốn kể lại truyện.	
	Dùng ngôi thứ ba để kể.	
Thân bài	Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.	
	Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến khi kết thúc.	
	Các sự việc được kể theo trình tự thời gian.	
	Sự việc này nối tiếp sự việc kia một cách hợp lí.	
	Thể hiện được các yếu tố kì ảo.	
Kết bài	Nêu cảm nghĩ của em về câu chuyện.	

Tiếp theo, đọc lại câu chuyện của mình lần thứ hai và kiểm tra, điều chỉnh bài viết bằng cách:

- Đọc kĩ toàn bài và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó, sửa lại các lỗi trên.
- Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).
- Em hãy trình bày bài viết cho các bạn trong nhóm nghe và nhờ bạn góp ý để bài viết hoàn chỉnh hơn.
- Tiếp theo, hãy đọc bài viết của các bạn khác và giúp bạn hoàn chỉnh văn bản theo cách mà em đã làm với bài của mình.

Rút kinh nghiệm

Nếu được viết lại bài này, em sẽ điều chỉnh như thế nào để bài viết tốt hơn?



NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH

Em đã viết xong một bài văn kể lại truyện cổ tích mà em yêu thích. Bây giờ, em hãy dùng ngôn ngữ nói để kể lại câu chuyện của mình cho các bạn nghe.

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

- Đề tài: kể lại truyện cổ tích.
- Để xác định không gian và thời gian nói, em hãy trả lời câu hỏi: *Em dự định sẽ nói ở đâu và trong thời gian bao lâu?*

Trước khi nói, em cần trả lời các câu hỏi:
Bài nói nhằm **mục đích** gì?

Người nghe có thể là ai?

Việc trả lời hai câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng được nội dung bài nói, cách nói, tăng hiệu quả giao tiếp.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Ý tưởng cho bài nói chính là truyện cổ tích mà em đã kể lại bằng bài viết ở trên. Em có thể sử dụng hình ảnh, tranh vẽ để bài nói thêm sinh động.

Em hãy lập dàn ý của bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Em hãy đứng trước gương để tập kể lại câu chuyện.

Chú ý sử dụng giọng điệu (cao, thấp, to, nhỏ, nhanh, chậm, ...) phù hợp khi kể về các nhân vật, sự việc khác nhau. Kết hợp lời kể với cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để nội dung kể được hấp dẫn hơn.

Khi trình bày, em nên tóm tắt ngắn gọn nội dung nói dưới dạng từ, cụm từ và sắp xếp các nội dung ấy theo thứ tự, đồng thời lựa chọn những từ ngữ thích hợp với ngôn ngữ nói, tránh dùng ngôn ngữ viết hoặc đọc lại bài viết.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Trong vai trò người nghe và người kể câu chuyện, hãy dùng bảng kiểm dưới đây để góp ý cho bạn và tự đánh giá bài kể của mình.

Bảng kiểm bài nói kể lại một truyện cổ tích

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Bài nói có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.	
Người kể trình bày chi tiết các sự việc xảy ra.	

Các sự việc được kể theo trình tự thời gian.	
Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ.	
Người kể dùng ngôi thứ ba để kể lại câu chuyện.	
Người kể sử dụng các yếu tố kì ảo đã xuất hiện trong truyện cổ tích.	
Người kể thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung được kể.	
Người kể tự tin, cử chỉ, điệu bộ hợp lí.	
Người kể sử dụng từ ngữ thích hợp với ngôn ngữ nói khi kể.	

ÔN TẬP

1. Hãy tóm tắt cốt truyện và nêu chủ đề của các truyện đã đọc vào bảng (làm vào vở) theo mẫu sau:

Tên truyện	Tóm tắt cốt truyện (ngắn gọn)	Chủ đề của truyện
<i>Sọ Dừa</i>		
<i>Em bé thông minh</i>		
<i>Non-bu và Heng-bu</i>		

2. Em thích nhất truyện nào trong các truyện trên? Vì sao?
3. Theo em, để có thể kể lại truyện cổ tích một cách sinh động, hấp dẫn (bằng hình thức viết và nói), cần phải chú ý những điều gì?
4. Truyện cổ tích có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được các đặc điểm của thơ lục bát; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra.
- Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản.
- Bước đầu biết làm bài thơ lục bát; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát; trình bày được cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Yêu vẽ đẹp quê hương.

Quê hương là nơi ta được sinh ra và lớn lên, nơi chất chứa biết bao kỉ niệm yêu thương. Vì thế, quê hương trong lòng mỗi người thường gắn liền với những vẻ đẹp riêng: một cánh diều, một ngọn khói đốt đồng, một câu hò; nét tính cách cần cù, chịu thương chịu khó của con người;...



Quê hương có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người?

Đến với bài học này, các em sẽ được tìm hiểu vẻ đẹp quê hương qua những vần thơ lục bát để thấy được giá trị độc đáo của một thể thơ thuần Việt có từ lâu đời.



Mũi Cà Mau
Ảnh: Phan Thanh Cường



TRI THỨC NGỮ VĂN

Tri thức đọc hiểu

Lục bát là thể thơ có từ lâu đời của dân tộc Việt Nam. Một cặp câu lục bát gồm một dòng 6 tiếng (dòng lục) và một dòng 8 tiếng (dòng bát).

Về cách gieo vần: tiếng thứ sáu của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kế nó, tiếng thứ tám dòng bát vần với tiếng thứ sáu của dòng lục tiếp theo.

Về ngắt nhịp: thơ lục bát thường được ngắt nhịp chẵn, ví dụ như 2/2/2, 2/4/2, 4/4,...

Về thanh điệu: sự phối hợp thanh điệu giữa các tiếng trong một cặp câu lục bát được thể hiện như sau:

Tiếng \ Dòng	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục	-	bằng	-	trắc	-	bằng		
Bát	-	bằng	-	trắc	-	bằng	-	bằng

Các tiếng ở vị trí 1, 3, 5, 7 có thể được phối thanh tự do. Riêng các tiếng ở vị trí 2, 4, 6, 8 phải tuân thủ chặt chẽ theo quy định sau: tiếng thứ hai là thanh **bằng**; tiếng thứ tư là thanh **trắc**; riêng trong dòng bát, nếu tiếng thứ sáu là thanh **bằng** (**ngang**) thì tiếng thứ tám phải là thanh **bằng** (**huyền**) và ngược lại. Ví dụ:

*Ngoài thêm rơi chiếc lá đa
Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.*

(Trần Đăng Khoa, *Đêm Côn Sơn*,
in trong *Góc sân và khoảng trời*, NXB Kim Đồng, 2017)

Lục bát biến thể là thể thơ lục bát được biến đổi về số tiếng, cách gieo vần, cách ngắt nhịp, cách phối hợp bằng trắc trong các dòng thơ.

Hình ảnh là một yếu tố quan trọng của thơ, giúp người đọc “nhìn” thấy, tưởng tượng ra điều mà nhà thơ miêu tả, cảm nhận qua các giác quan như: thính giác, khứu giác, vị giác, thị giác, xúc giác.

Tính biểu cảm của văn bản văn học là khả năng văn bản gợi cho người đọc những cảm xúc như vui, buồn, yêu, ghét,...

Tri thức tiếng Việt

Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản

Khi nói hoặc viết, người nói (viết) thường phải huy động vốn từ ngữ đã được tích lũy (trong đó có những từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa) để lựa chọn những từ ngữ phù hợp nhất với việc thể hiện nội dung của văn bản.

Cách lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết:

- Xác định nội dung cần diễn đạt.
- Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa; từ đó lựa chọn những từ ngữ có khả năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện.
- Chú ý khả năng kết hợp hài hoà giữa từ ngữ được lựa chọn với những từ ngữ được sử dụng trước và sau nó trong cùng một câu (đoạn) văn.

Tác dụng:

Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản giúp diễn đạt chính xác và hiệu quả điều mà người nói (viết) muốn thể hiện.

Ví dụ: *So với cánh đồng bao la, bát ngát, cô gái quả rất nhỏ bé, mảnh mai.*

Các từ “mảnh mai” và “mảnh khảnh” đều có nghĩa là mảnh, trông có vẻ yếu nhưng từ “mảnh mai” thể hiện một vẻ đẹp ưa nhìn. Vì vậy, trong câu văn trên, tác giả đã lựa chọn từ “mảnh mai” để miêu tả vẻ đẹp của cô gái.

VĂN BẢN 1

NHỮNG CÂU HÁT DÂN GIAN VỀ VẺ ĐẸP QUÊ HƯƠNG





Chuẩn bị đọc

Cụm từ “vẻ đẹp quê hương” thường khiến em nghĩ đến điều gì?



Trải nghiệm cùng văn bản

- Rủ nhau chơi khắp Long Thành¹,
 Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai:
 Hàng Bồ, Hàng Bạc, Hàng Gai,
 Hàng Buồm, Hàng Thiếc, Hàng Hải, Hàng Khay,
 Mã Vĩ, Hàng Điều, Hàng Giấy,
 Hàng Cờ, Hàng Cót, Hàng Mây, Hàng Dầu,
 Phố Mới, Phúc Kiến, Hàng Than,
 Hàng Mã, Hàng Mắm, Hàng Ngang, Hàng Đồng,
 Hàng Chuối, Hàng Nón, Cầu Đông,
 Hàng Hòm, Hàng Đậu, Hàng Bông, Hàng Bè,
 Hàng Thùng, Hàng Bát, Hàng Tre,
 Hàng Vôi, Hàng Giấy, Hàng The, Hàng Gà.
 Quanh đi đến phố Hàng Da,
 Trải xem phường phố, thật là cũng xinh.
 Phồn hoa thứ nhất Long Thành,
 Phố giảng mặc cửi, đường quanh bàn cờ.¹
 Người về nhớ cảnh ngân nga,
 Bút hoa xin chép bài thơ lưu truyền².

Tưởng tượng

- Qua câu ca dao này, hình ảnh thành Thăng Long hiện lên trong tâm trí em như thế nào?

- Em đồ anh từ Nam chí Bắc
 Sông nào là sông sâu nhất?
 Núi nào là núi cao nhất nước ta?
 Anh mà giảng được cho ra
 Thì em kết nghĩa giao hoà cùng anh.

– Sâu nhất là sông Bạch Đằng³
 Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan.

¹ Long Thành: thành Thăng Long, tên gọi Hà Nội ngày xưa.

² Bài ca dao kể tên 36 phố phường của Hà Nội ngày xưa.

³ Sông Bạch Đằng: một nhánh sông thuộc hệ thống sông Thái Bình. Nơi đây ghi dấu nhiều chiến công trong lịch sử giữ nước của dân tộc Việt Nam: năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân xâm lược Nam Hán; năm 981, hoàng đế Lê Đại Hành đập tan quân Tống; năm 1288, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chỉ huy đánh tan quân xâm lược Mông – Nguyên.

Cao nhất là núi Lam Sơn¹,
Có ông Lê Lợi² trong ngàn bước ra.

3. Bình Định có núi Vọng Phu³,
Có đầm Thị Nại⁴, có cù lao Xanh⁵.

Em về Bình Định cùng anh,
Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa.

4. Ai ơi về miệt⁶ Tháp Mười⁷
Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn.

(Theo Văn học dân gian – Những tác phẩm chọn lọc,
Bùi Mạnh Nhị, Hồ Quốc Hùng, Nguyễn Thị Ngọc Diệp, NXB Giáo dục, 2000;
Tục ngữ – Ca dao – Dân ca chọn lọc, Nguyễn Quốc Tuý, Trần Gia Linh, NXB Giáo dục, 1993)



Suy ngẫm và phân hồi

1. Hình ảnh kinh thành Thăng Long được gọi lên trong bài ca dao 1 có điểm gì đặc biệt? Những từ ngữ như “phồn hoa thứ nhất Long Thành”, “người về nhớ cảnh ngân nga”,... đã góp phần thể hiện sắc thái cảm xúc gì của tác giả về đất Long Thành?
2. Bài ca dao 2 giới thiệu về đẹp gì của quê hương? Cảm xúc của tác giả dân gian về quê hương được thể hiện như thế nào qua bài ca dao này?
3. Em cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của vùng đất Bình Định qua bài ca dao 3? Xác định và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu lục bát “Bình Định có núi Vọng Phu/ Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh”.
4. Em hãy chỉ ra đặc điểm của thể thơ lục bát thể hiện qua bài ca dao 3.
5. Những hình ảnh “cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” thể hiện đặc điểm gì của vùng Tháp Mười? Từ đó cho biết tình cảm của tác giả đối với vùng đất này.

¹ *Lam Sơn*: còn gọi là núi Chàm, thuộc tỉnh Thanh Hoá. Đây là nơi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa chống quân Minh.

² *Lê Lợi*: là vị vua đầu tiên của triều Hậu Lê (Lê Thái Tổ). Lê Lợi có vai trò đặc biệt quan trọng với Đại Việt trong khoảng thời gian từ năm 1418 tới năm 1433 khi lãnh đạo người dân Đại Việt đánh bại quân xâm lược nhà Minh và tái thiết đất nước sau khi bị quân Minh tàn phá.

³ *Núi Vọng Phu*: ở huyện Phù Cát, Bình Định. Tên núi gợi liên tưởng đến một câu chuyện cổ tích ca ngợi lòng thủy chung, son sắt của người phụ nữ.

⁴ *Đầm Thị Nại*: ở huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

⁵ *Cù lao Xanh*: một hòn đảo thuộc Bình Định. Cù lao Xanh như một bình phong án ngữ phía đông nam cửa biển Thị Nại và thành phố Quy Nhơn ngày nay. Cù lao Xanh rất quen thuộc với ngư dân Bình Định.

⁶ *Miệt*: vùng, miền (không lớn lắm).

⁷ *Miệt Tháp Mười*: là một vùng đất thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trải rộng trên ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp; là vùng lúa lớn nhất của cả nước.

6. Những vẻ đẹp nào của quê hương được thể hiện xuyên suốt trong bốn bài ca dao trên? Qua đó, tác giả dân gian thể hiện tình cảm gì với quê hương, đất nước? Dựa vào đâu em nhận định như vậy?
7. Điền vào bảng sau (làm vào vở) ít nhất một từ ngữ hoặc hình ảnh độc đáo của mỗi bài ca dao và giải thích vì sao em chọn từ ngữ, hình ảnh ấy:

Bài ca dao	Từ ngữ, hình ảnh độc đáo	Giải thích
1		
2		
3		
4		

8. Trong bốn bài ca dao trên, em thích nhất bài nào? Vì sao?

VĂN BẢN 2

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA



Chuẩn bị đọc

- Nếu chọn một hình ảnh làm biểu tượng cho Việt Nam, em sẽ chọn hình ảnh nào? Vì sao?
- Em biết bài thơ hoặc bài hát nào về quê hương?



Trải nghiệm cùng văn bản

Việt Nam đất nước ta ơi
 Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
 Cánh cò bay lả rập rờn
 Mây mờ che đỉnh Trường Sơn¹ sớm chiều
 Quê hương biết mấy thân yêu
 Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau
 Mặt người vất vả in sâu
 Gái trai cũng một áo nâu² nhuộm bùn

Tưởng tượng

- 1** Tám dòng thơ này giúp em hình dung như thế nào về phong cảnh và con người Việt Nam?

¹ Trường Sơn: dãy núi kéo dài từ thượng nguồn sông Cả trên đất Lào, giáp Nghệ An đến cực nam Trung Bộ của Việt Nam.

² Áo nâu: màu áo quen thuộc của người nông dân thuở xưa. Trước đây, người nông dân thường nhuộm vải bằng nước củ nâu.

Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa

Liên hệ

- 2 Những dòng thơ này gợi cho em nghĩ đến đặc điểm nào của truyền thống dân tộc?

Việt Nam đất nấng chan hoà
Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh
Mắt đen cô gái long lanh
Yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung

Đất trăm nghề của trăm vùng
Khách phương xa tới lạ lòng tìm xem
Tay người như có phép tiên
Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.

(Trích Bài thơ Hắc Hải (1955 – 1958), Tuyển thơ Nguyễn Đình Thi, NXB Văn học, 2001)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Em hãy chỉ ra cách gieo vần và ngắt nhịp của bốn dòng thơ đầu.
2. Trong văn bản, tác giả tập trung miêu tả những hình ảnh nào tiêu biểu cho đất nước, con người Việt Nam và nói đến những vẻ đẹp nào của quê hương?
3. Tìm và nêu tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc mà tác giả sử dụng để miêu tả cảnh sắc quê hương trong bốn dòng thơ đầu.
4. Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh, từ ngữ đặc sắc được dùng để khắc hoạ vẻ đẹp con người Việt Nam trong đoạn thơ còn lại.
5. Tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước được thể hiện như thế nào trong văn bản? Hãy chỉ ra một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện trực tiếp tình cảm ấy.
6. Văn bản gợi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì về con người và cảnh sắc quê hương?



Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003), sinh ở Luông-phơ-ra-băng (Luang Phrabang, Lào), quê gốc ở Hà Nội.

Ông là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, sáng tác kịch và âm nhạc. Ca ngợi quê hương là một trong những chủ đề quan trọng của thơ Nguyễn Đình Thi. Những bài thơ của ông in đậm hình ảnh đất nước Việt Nam từ trong vất vả, gian lao đã đứng lên quật khởi, kiên cường.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

VỀ BÀI CA DAO ĐỨNG BÊN NI ĐỒNG, NGÓ BÊN TÊ ĐỒNG...



Trải nghiệm cùng văn bản

Ca dao, dân ca Việt Nam có những bài diễn tả tình yêu quê hương đất nước, con người thật bình dị mà sâu sắc đến khó ngờ. Bài ca dao sau đây là một trường hợp như thế:

Đứng bên ni¹ đồng, ngó² bên tê³ đồng, mênh mông bát ngát,

Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, cũng bát ngát mênh mông.

Thân em như chẻn⁴ lúa đồng đồng,

Phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

Bài ca dao gây ấn tượng đặc biệt ngay từ những dòng thơ đầu. Những dòng thơ này, khác dòng thơ bình thường, có dòng kéo dài tới 13 tiếng. Không những thế, hai dòng thơ lại dùng nhiều biện pháp tu từ như là phép đối xứng⁵ (“đứng bên ni đồng – đứng bên tê đồng, mênh mông bát ngát – bát ngát mênh mông”), điệp từ, điệp ngữ,... Rồi những từ chỉ vị trí, địa điểm⁶ hồn nhiên, mộc mạc, đầy màu sắc địa phương. Tất cả gợi sự dài rộng, to lớn của cánh đồng. Ngắm nhìn ở phía nào cũng thấy cánh đồng mênh mông vô tận. Người ngắm cảnh hay người đi thăm đồng hết “đứng bên ni”, lại “đứng bên tê”, thay đổi vị trí quan sát như muốn ôm trọn cánh đồng vào đôi mắt. Cánh đồng không chỉ rộng lớn, mênh mông, mà còn rất đẹp, trù phú, đầy sức sống.

Trên cái nền mênh mông của đồng lúa ngát xanh, cô gái được so sánh “như chẻn lúa đồng đồng/ Phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai”. “Chẻn lúa đồng đồng” là nhánh lúa sắp trổ bông, “ngọn nắng hồng ban mai” là tia nắng màu hồng tươi lúc sáng sớm. Cô gái với “chẻn lúa đồng đồng” và “ngọn nắng hồng ban mai” có sự tương đồng ở nét trẻ trung phơi phới⁷, duyên dáng, tự nhiên và sức sống đang xuân.

So với cánh đồng bao la, bát ngát, cô gái quả là rất nhỏ bé, mảnh mai. Nhưng chính bàn tay con người nhỏ bé đó đã làm ra cánh đồng “mênh mông bát ngát”, “bát ngát mênh mông” kia. Trước cánh đồng rộng lớn, bát ngát, tác giả dân gian vẫn nhận ra cô gái đáng yêu. Những dòng thơ dài không che lấp những dòng thơ ngắn. Hai dòng cuối bài có vẻ đẹp riêng trong sự kết hợp với toàn bài.

¹ Ni (tiếng địa phương miền Trung): này.

² Ngó: nhìn.

³ Tê (tiếng địa phương miền Trung): kia.

⁴ Chẻn (có bản chép “chẻn”): nhánh của bông lúa.

⁵ Phép đối xứng: trong trường hợp hai dòng thơ đầu của bài ca dao này là cách sử dụng từ ngữ tạo nên sự cân xứng về cấu trúc, hài hoà về âm thanh và nhịp điệu, tương đồng về ý nghĩa.

⁶ Từ chỉ vị trí, địa điểm: trong bài ca dao này là các từ ngữ như *bên ni đồng*, *bên tê đồng*.

⁷ Phơi phới: gợi tả vẻ vui tươi, đầy sức sống của cái gì đó đang phát triển, đang dâng lên mạnh mẽ.

Ở hai dòng đầu, mới chỉ thấy cánh đồng bao la, chưa thấy cái hồn của cảnh. Đến hai dòng cuối, hồn của cảnh đã hiện lên. Đó chính là con người, là cô thôn nữ thon thả, mảnh mai, duyên dáng và đầy sức sống. Phải chăng chính cô gái đã cấy trồng, chăm bón tạo nên cánh đồng kia?

Hai hình ảnh – cánh đồng và cô gái – hợp thành một bức tranh đồng quê, con người, cả hai đều tươi sáng, sinh động. Tuy nhiên, bài ca dao có thể còn mang những tình ý khác, tùy thuộc vào việc hiểu đó là lời ai nói, ai hát. Người ta vẫn nói: nghĩa của ca dao thường phụ thuộc nhiều vào hoàn cảnh nó ra đời và việc sử dụng nó trong giao tiếp, chính là ở điểm này.

Bài ca có thể là lời của cô gái. Nhân buổi sáng đi thăm đồng, lòng phơi phới ngắm nhìn cánh đồng quê tràn đầy sức sống, cô thấy chính cô cũng tươi trẻ, tràn đầy sức sống như những “chén lúa đồng đồng”, “phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai” kia. Phải chăng, đó là một lời tự khen thầm kín và hồn nhiên?

Nhưng bài ca cũng có thể là lời của một anh trai làng nào đó. Mở lời ngợi ca cánh đồng, phải chăng cũng là một cách anh chàng ngợi ca cô gái mà anh thầm yêu? Rằng: cánh đồng đã tươi đẹp đáng yêu, em còn tươi đẹp đáng yêu hơn nhiều lần! Ẩn sau tình cảm với cánh đồng quê hương là tình cảm lứa đôi – một cách bày tỏ tình cảm với người thương yêu thật kín đáo, tế nhị.

Bài ca dao, chỉ với bốn dòng ngắn ngủi nhưng đã mở ra một không gian bao la của đồng quê và một thế giới cảm xúc của người dân quê, vừa thiết tha vừa sâu lắng. Bài ca dao cũng cho thấy lời ăn tiếng nói vốn dân dã, mộc mạc của mỗi miền quê, khi đã thành lời ca, điệu hát thì sẽ trở nên tha thiết, ngọt ngào như thế nào. Có cái gì khiến ta băng khuâng, xao xuyến mãi trong mấy chữ đơn sơ này: “Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng”...

(Bùi Mạnh Nhị, *Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Theo Bùi Mạnh Nhị, những hình ảnh đặc sắc nào của quê hương đã được khắc họa qua bài ca dao *Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng*?
2. Bài viết này đã đề cập đến những nét độc đáo nào của bài ca dao?
3. Bài viết đã thể hiện cảm xúc gì của tác giả khi đọc bài ca dao? Nêu một số chi tiết trong văn bản làm căn cứ cho ý kiến của em.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Đọc đoạn ca dao sau:

*Phồn hoa thứ nhất Long Thành,
Phố giảng mặc cửi, đường quanh bàn cờ.*

*Người về nhớ cảnh ngân nga,
Bút hoa xin chép bài thơ lưu truyền.*

- Từ “phồn hoa” trong dòng thơ thứ nhất nên được hiểu như thế nào? Liệu có thể thay từ “phồn hoa” bằng từ “phồn vinh” được hay không? Hãy lí giải.
 - Tìm và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu “Phổ giảng mắc cửi, đường quanh bàn cờ”.
 - Trong dòng thơ cuối, có thể dùng cụm từ “bút đây” thay cho “bút hoa” được không? Sự lựa chọn từ “bút hoa” góp phần thể hiện sắc thái ý nghĩa gì của đoạn ca dao trên?
2. Đọc bài ca dao sau:

*Ai ơi về miệt Tháp Mười
Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn.*

- Từ “sẵn” trong câu “Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn” có nghĩa là gì? Việc lựa chọn từ “sẵn” trong bài ca dao này có phù hợp với nội dung mà tác giả muốn thể hiện không? Vì sao?
 - Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong bài ca dao trên.
3. Tìm từ ở cột B có nghĩa phù hợp với các chỗ trống trong câu ở cột A (làm vào vở):

A Câu	B Từ điền vào chỗ trống
1. Để giải quyết vấn đề này, các em nên chủ động ... những phương án giải quyết.	a. hoàn thành
2. Bạn Nga ... bạn Nam làm lớp trưởng.	b. con
3. Bà ơi, mẹ cháu bảo đem sang ... bà một ít cam ạ!	c. chú
4. Ngày chia tay mái trường Tiểu học, tôi đã ... cho người bạn thân nhất của mình một món quà nhỏ để làm kỉ niệm.	d. lung linh
5. Một bài văn ... cần có ba phần: mở bài, thân bài và kết bài.	đ. long lanh
6. Sau buổi học hôm nay, các em về nhà nhớ ... những bài tập còn lại nhé!	e. đề xuất
7. Người thợ săn bị một ... hổ tấn công.	g. đề cử
8. ... mèo ấy là món quà đặc biệt mà bà ngoại đã mang từ quê lên cho tôi vào dịp hè năm ngoái.	h. biểu
9. Đôi mắt nó ... như hai hòn bi ve.	i. hoàn chỉnh
10. Bóng trăng ... trên mặt nước.	k. tặng

4. Đọc đoạn văn sau:

Bài ca dao, chỉ với bốn dòng ngắn ngủi nhưng đã mở ra một không gian bao la của đồng quê và một thế giới cảm xúc của người dân quê, vừa thiết tha vừa sâu lắng. Bài ca dao cũng cho thấy lời ăn tiếng nói vốn dân dã, mộc mạc của mỗi miền quê, khi đã thành lời ca, điệu hát thì sẽ trở nên tha thiết, ngọt ngào như thế nào. Có cái gì khiến ta băng khuâng, xao xuyến mãi trong mấy chữ đơn sơ này: “Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng” ...

(Bùi Mạnh Nhị, Về bài ca dao "Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng...")

Tìm từ láy trong đoạn văn trên. Những từ láy đó có tác dụng gì đối với việc thể hiện nội dung của đoạn văn?

Viết ngắn

Tìm năm đến sáu hình ảnh về quê hương Việt Nam trên Internet hoặc sách báo để làm một tập ảnh về quê hương, đất nước hoặc nơi em đang sống. Viết đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) để giới thiệu tập ảnh đó với người xem. (Lưu ý: nêu rõ nguồn tìm kiếm hình ảnh.)

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

HOA BÌM

Rung rinh bờ giậu hoa bìm¹
Màu hoa tím tím tôi tìm tuổi thơ
Có con chuồn ớt² lơ ngo³
Bay lên bắt nắng đậu hờ nhành gai
Có cây hồng trĩu cành sai
Trưa yên ả rừng một vài tiếng chim
Có con mắt lá lim dim
Cánh diều ai thả nổi chìm trên mây
Bến quê nước đục sông gầy
Có con thuyền giấy chở đầy mộng mơ
Cánh bèo con nhện giăng tơ
Cào cào⁴ tránh nắng đậu nhờ tàn sen

¹ Hoa bìm: là dạng cây leo, hoa hình phễu, màu trắng hoặc tím xanh, thường mọc leo ở bờ rào.

² Chuồn ớt: con chuồn chuồn có màu đỏ.

³ Lơ ngo: có dáng vẻ không linh hoạt.

⁴ Cào cào: loại côn trùng cánh thẳng, đầu nhọn, mình dài, nhảy rất giỏi.

Có ri ri¹ tiếng đế mèn²
Có bầy đom đóm³ thắp đèn đêm thâu⁴
Có con cuốc⁵ ở bờ lau
Kêu dài ngày hạn, kêu nhàu ngày mưa
Hoa bìm tím tím đông đưa
Mười năm chôn cũ, em chưa hẹn về...?

(Nguyễn Đức Mậu, *Thơ lục bát*, NXB Quân đội nhân dân, 2007)

Hướng dẫn đọc

1. Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài thơ trên.
2. Xác định tình cảm của tác giả đối với quê hương được thể hiện qua bài thơ.
3. Nêu ít nhất một nét độc đáo của bài thơ được thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh hoặc biện pháp tu từ.



VIẾT

LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

Mỗi chúng ta, ai cũng có những kỉ niệm, cảm xúc, ấn tượng sâu đậm về những sự vật, hiện tượng,... xung quanh mà ta muốn bày tỏ, chia sẻ với người khác. Đó có thể là một con người, một khung cảnh, một chiếc lá, một giọt sương,... Và thật thú vị nếu những kỉ niệm, cảm xúc, ấn tượng ấy được thể hiện bằng thể thơ dân tộc: thể thơ lục bát. Vậy, làm thơ lục bát như thế nào? Bài học này sẽ giúp các em trả lời câu hỏi đó.

Sáng tác thơ: "Thơ ra đời khi cảm xúc đã tìm thấy suy nghĩ của mình và suy nghĩ thì đã tìm ra lời để diễn đạt chúng" (Rô-bớt Phơ-ro-xơ-tơ (Robert Frost), nhà thơ Mỹ).

Một bài thơ hay là bài thơ:

- Về nội dung:

Thể hiện được cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị,... về cuộc sống.

¹ Ri ri: tiếng kêu nhỏ, đều đều và dai dẳng.

² Đế mèn: đế có cặp chân sau to và khoẻ, cánh dài chấm đuôi.

³ Đom đóm: bộ cánh cứng, bụng phát ánh sáng lập loè, hoạt động về đêm.

⁴ Đêm thâu: suốt đêm.

⁵ Con cuốc: loài chim nhỏ, hơi giống gà, sống ở bờ bụi gần nước, có tiếng kêu "cuốc cuốc".

- Về nghệ thuật:

- Ngôn ngữ: hàm súc, gợi hình, gợi cảm.
 - Sử dụng các biện pháp tu từ như nhân hoá, so sánh, điệp từ, điệp ngữ,... để tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị.
 - Sử dụng vần, nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.
- Lục bát là thể thơ yêu cầu người viết tuân thủ quy định về số chữ, vần, nhịp, thanh điệu,... khá chặt chẽ.

Đặc điểm: xem lại đặc điểm của thể thơ lục bát trong mục *Tri thức đọc hiểu*.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Chăn trâu đốt lửa

Chăn trâu đốt lửa trên đồng
Rạ rơm thì ít gió đông thì nhiều
Mải mê đuổi một con diều
Củ khoai nướng để cả chiều thành tro.

(Đồng Đức Bốn, 6+8=99, *Tuyển chọn 99 bài thơ lục bát thế kỉ XX*,
NXB Văn hoá – Thông tin, 2008)

- Nội dung:

Bài thơ thể hiện cảm xúc bằng khung về một buổi chăn trâu, đốt lửa trên cánh đồng chiều gió đông. Cảm xúc này được thể hiện gián tiếp qua việc kể về buổi chiều chăn trâu, cắt cỏ, thả diều, nướng khoai, qua cách đếm cái vốn dĩ khó có thể đếm được như "gió đông", qua khoảnh khắc hoàng hôn đang đến,... Tất cả hoà quyện vào nhau để cùng diễn tả cảm xúc của nhà thơ.

- Nghệ thuật:

- Về vần, nhịp, thanh điệu: bài thơ có bốn dòng, hai dòng lục (sáu tiếng) và hai dòng bát (tám tiếng). Tiếng thứ sáu của dòng lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát thứ nhất: "đồng – đông"; tiếng thứ tám của dòng bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai: "nhiều – diều – chiều". Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thanh bằng thanh trắc trong bài thơ.

- Ngôn ngữ:

- + Sử dụng từ ngữ giản dị nhưng giàu sức gợi như "gió đông", "con diều", "mải mê" để vừa khắc hoạ bức tranh đồng quê thanh bình vừa thể hiện sự cảm nhận tinh tế của tác giả.

- + Từ ngữ hàm súc: chỉ dùng một từ "mải mê" mà lột tả được trạng thái của người thả diều, từ "tro" lột tả được màu sắc của buổi hoàng hôn.

- Sử dụng phép đối giữa "ít" và "nhiều", giữa cái hữu hình (rạ rơm) và vô hình (gió đông), liên tưởng bất ngờ, độc đáo: từ củ khoai nướng bị cháy đến cảnh hoàng hôn bao trùm không gian.

1. Cách ngắt nhịp của thơ lục bát thường là nhịp chẵn. Tuy nhiên, cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 trong bài thơ trên lại là 3/3/2. Việc ngắt nhịp như thế có tác dụng gì?
2. Dựa vào hiểu biết về thể thơ lục bát, em hãy chỉ ra sự hiệp vần và sự phối hợp thanh điệu của bài thơ trên bằng cách điền vào bảng sau (làm vào vở):

Tiếng \ Dòng	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục		
Bát

3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được miêu tả chi tiết, rõ ràng, tỉ mỉ hay được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu? Việc thể hiện như thế có tác dụng gì?
4. Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp, thông qua những hình ảnh nào?
5. Từ việc tìm hiểu bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm thơ lục bát?

Đề bài:

Hãy làm một bài thơ lục bát thể hiện cảm xúc, suy ngẫm của em về một cảnh đẹp hoặc một sự việc mà em từng chứng kiến.

Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Xác định đề tài

Đề tài có thể là cảm xúc, suy tư về những cái ta nhìn thấy, cảm nhận, tưởng tượng. Ví dụ:

- Một giọt sương đọng trên cánh hoa có thể gợi cho ta cảm xúc về cái đẹp mong manh.
- Những cánh diều chao liệng có thể gợi cho ta những suy ngẫm về ước mơ.

Trước khi viết, em cần trả lời các câu hỏi:
Văn bản này được viết nhằm **mục đích** gì?

Người đọc có thể là ai?

Việc trả lời hai câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng được nội dung bài viết, cách viết, tăng hiệu quả giao tiếp.

- Ngày phải tạm biệt mái trường và những người bạn thân quen, chuyển đến một môi trường mới có thể gọi ta nhớ lại những kỉ niệm, gợi lên nỗi buồn.

- ...

Bước 2: Tìm ý tưởng cho bài thơ

- Nhớ lại những sự việc, con người, cảnh sắc thiên nhiên đã để lại cho em cảm xúc sâu sắc.

- Suy nghĩ về cảm xúc mà em muốn chia sẻ, muốn viết ra.

- Liệt kê bất cứ từ ngữ, hình ảnh, ý tưởng nào nảy sinh trong đầu về điều em định viết.

Bước 3: Làm thơ lục bát

- Từ những hình ảnh, ý tưởng trên, em hãy thể hiện chúng lần lượt thành từng dòng thơ.

- Lần lượt điền các tiếng của từng dòng thơ vào các ô theo bảng dưới đây (làm vào vở) để kiểm tra thanh điệu và cách hiệp vần.

Tiếng Dòng	1	2	3	4	5	6	7	8
Lục		thanh:		thanh:		thanh: vần:		
Bát						thanh: vần:		thanh: vần:
Lục		thanh:		thanh:		thanh: vần		
Bát						thanh: vần:		thanh: vần

- Nếu câu thơ của em chưa đúng luật thơ lục bát, hãy chọn lựa những từ ngữ, hình ảnh khác để thay thế hoặc thêm bớt bằng từ đồng nghĩa, những hình ảnh mới sao cho:

- Đảm bảo quy định về cách gieo vần, phối hợp thanh điệu, ngắt nhịp.

- Đảm bảo diễn tả tốt nhất ý tưởng và cảm xúc của em.

- Dùng những biện pháp tu từ như nhân hoá, so sánh, điệp từ, điệp ngữ,... để tăng hiệu quả thể hiện của bài thơ.

- Đọc diễn cảm câu thơ, lắng nghe xem giọng điệu có phù hợp với cảm xúc mà em muốn thể hiện hay không.

- Sử dụng lại quy trình trên để viết các câu tiếp theo.

Bước 4: *Chỉnh sửa và chia sẻ*

- Đọc diễn cảm bài thơ bằng giọng điệu phù hợp. Sau đó, dùng bảng sau để điều chỉnh hình thức và nội dung bài thơ:

Bảng kiểm hình thức và nội dung bài thơ lục bát

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Hình thức	Bài thơ gồm các dòng lục (sáu tiếng) và dòng bát (tám tiếng) xen kẽ.	
	Các dòng thơ chủ yếu được ngắt theo nhịp chẵn.	
	Cách hiệp vần: tiếng thứ sáu của dòng lục vần với tiếng thứ sáu của dòng bát kế nó.	
	Tiếng thứ tám của dòng bát đó vần với tiếng thứ sáu của dòng lục kế tiếp.	
	Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ,...	
	Các từ ngữ trong bài thơ thể hiện được chính xác điều người viết muốn nói.	
	Các hình ảnh sống động, thú vị.	
Nội dung	Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống.	

- Sau đó, tiếp tục điều chỉnh bài thơ.
- Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình, bạn bè hoặc bất cứ ai mà em muốn hoặc em có thể đọc diễn cảm bài thơ của mình trong giờ Nói và nghe.

VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

Những vần thơ lục bát ngọt ngào thường để lại cho chúng ta nhiều cảm xúc. Làm sao viết được một đoạn văn để ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ lục bát? Phần bài học sau đây sẽ hướng dẫn em thực hiện điều đó.

Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn. Về hình thức, đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.

Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát:

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.
- Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.
- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.
- Cấu trúc gồm có ba phần:

Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề).

Thân đoạn: trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.

Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

**Mở
đoạn**

Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi.

^(*) Câu chủ đề của đoạn văn.

**Thân
đoạn**

Bài ca dao trên luôn gợi cho tôi những cảm xúc sâu lắng⁽¹⁾ về "công cha, nghĩa mẹ"⁽¹⁾. Với âm hưởng ngọt ngào của thể thơ lục bát, bài ca dao làm tôi nhớ⁽¹⁾ đến lời ru thân thương thuở nào. Những hình ảnh so sánh quen thuộc như "núi ngất trời"⁽²⁾ và "nước ở ngoài biển Đông"⁽²⁾ giúp tôi hình dung về công lao không thể nào đo đếm được của đấng sinh thành.⁽¹⁾ Đúng vậy, làm sao có thể kể hết bao khó khăn, nhọc nhằn mà cha mẹ đã trải qua để nuôi dưỡng chúng ta nên người!⁽¹⁾ Câu cuối "cù lao chín chữ ghi lòng con ơi"⁽²⁾ là lời dặn dò chân thành, tha thiết và cũng là lời dạy của người xưa về bốn phận làm con. Làm con là phải khắc ghi công ơn trời biển ấy. Những câu ca dao về tình cha, nghĩa mẹ như vậy đã nuôi dưỡng tâm hồn tôi từ thơ bé, giúp tôi thấm thía những yêu thương mà mình nhận được trong đời.

⁽¹⁾ Những từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát.

⁽²⁾ Những từ ngữ trong ngoặc kép là những bằng chứng được trích từ bài ca dao để làm rõ cảm xúc của người viết.

**Kết
đoạn**

(Bài của học sinh, có chỉnh sửa)

- Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát không?
- Tác giả đoạn văn có sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc không?
- Nội dung câu mở đoạn là gì?
- Phần thân đoạn gồm những câu nào và trình bày những gì?
- Nội dung của câu kết đoạn là gì?

Đề bài:

Em hãy viết một đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ) ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ lục bát.

Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Hãy đọc kĩ đề bài và xác định:

- Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì?
- Kiểu đoạn nào? Độ dài của đoạn văn là bao nhiêu?

Trước khi viết, em cần trả lời các câu hỏi:
Văn bản này được viết nhằm **mục đích** gì?

Người đọc có thể là ai?

Việc trả lời hai câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng được nội dung bài viết, cách viết, tăng hiệu quả giao tiếp.

Thu thập tư liệu

Trong bước này, em hãy tự hỏi:

- Cần tìm những thông tin nào?
- Tìm những thông tin ấy ở đâu?

Em có thể tìm và chọn một bài thơ lục bát mà em yêu thích hoặc có cảm xúc đặc biệt để viết.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Em hãy:

- Đọc diễn cảm bài thơ vài lần để cảm nhận âm thanh, vần, nhịp điệu của bài thơ và xác định những cảm xúc mà bài thơ đã gợi cho em.
- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, những biện pháp tu từ mà tác giả bài thơ sử dụng.
- Xác định chủ đề của bài thơ.
- Lí giải vì sao em có cảm xúc đặc biệt với bài thơ.
- Viết nhanh dưới dạng cụm từ thể hiện những ý tưởng trên.

Lập dàn ý

Hãy sắp xếp những ý đã nêu thành dàn ý của đoạn văn theo mẫu sau:

- Mở đoạn: giới thiệu cảm xúc chung về bài thơ lục bát.
- Thân đoạn: trình bày chi tiết cảm xúc của bản thân về bài thơ lục bát.
- Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

Bước 3: Viết đoạn

Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần bảo đảm các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa

Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa đoạn văn của mình dựa vào bảng dưới đây:

Bảng kiểm đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt / Chưa đạt
Mở đoạn	Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng.	
	Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ.	
	Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm xúc khái quát về bài thơ.	
Thân đoạn	Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu.	
	Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.	
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân.	
	Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.	

Tiếp theo, em hãy dựa vào các gợi ý dưới đây để chỉnh sửa đoạn văn:

- Tìm câu chủ đề của đoạn văn và thêm vào những từ ngữ miêu tả khái quát cảm xúc của em khi đọc bài thơ lục bát.
- Thêm những từ ngữ và câu văn thể hiện cảm xúc của em về bài thơ.
- Bổ sung những từ ngữ, hình ảnh được trích dẫn từ bài thơ.

• Viết lại câu kết đoạn theo hướng khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

- Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp, lỗi dùng từ (nếu có).

Rút kinh nghiệm

Trả lời hai câu hỏi dưới đây để tự đánh giá những gì đã học qua việc viết đoạn văn:

- Em rút ra kinh nghiệm gì khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát?
- Nếu viết lại, em sẽ điều chỉnh thế nào để đoạn văn hoàn chỉnh hơn?



NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

- Đề tài bài nói là gì?
- Em dự định sẽ nói ở đâu và nói trong thời gian bao lâu?

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Sử dụng các ý đã có trong đoạn văn đã viết để chuẩn bị cho bài nói.
- Liệt kê các ý chính cần nói dưới dạng những gạch đầu dòng hoặc cụm từ.

Trước khi nói, em cần trả lời các câu hỏi:

Bài nói nhằm **mục đích** gì?

Người nghe có thể là ai?

Việc trả lời hai câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng được nội dung bài nói, cách nói, tăng hiệu quả giao tiếp.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Khi trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát, em cần:

- Giới thiệu rõ tên bài thơ.
- Đọc diễn cảm bài thơ.
- Trình bày rõ ràng, mạch lạc những cảm xúc mà bài thơ đã gợi ra cho em.
- Nêu những từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ để làm minh chứng.
- Lựa chọn và điều chỉnh một số từ ngữ, câu văn sao cho phù hợp với văn nói.
- Sử dụng cách xưng hô và ngữ điệu linh hoạt, phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung nói.

- Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp để thể hiện cảm xúc về bài thơ.
- Tương tác với người nghe bằng cách nhìn vào mắt họ, mời họ nêu câu hỏi,...

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Trong bước này, em sẽ lần lượt đóng hai vai trò: người nói và người nghe. Trong vai người nghe, em hãy nêu những điểm hay trong cách trình bày và nội dung bài nói của bạn; nêu câu hỏi, nhận xét về những vấn đề mà em chưa hiểu rõ hoặc có quan điểm khác với người nói. Sau đó, em dùng bảng dưới đây để đánh giá phần trình bày của bạn. Trong vai người nói, em có thể dùng bảng kiểm này để tự kiểm soát bài nói của chính mình.

Bảng kiểm kĩ năng chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Bài chia sẻ có đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc.	
Trình bày rõ tên bài thơ, tên tác giả và nội dung của bài thơ.	
Thể hiện rõ cảm xúc của người nói về bài thơ.	
Dùng bằng chứng cụ thể trong bài thơ để làm rõ cảm xúc của người nói.	
Sử dụng động tác, ánh mắt (ngôn ngữ hình thể) và giọng nói phù hợp để góp phần thể hiện nội dung nói.	

ÔN TẬP

1. Tóm tắt nội dung của các văn bản sau và xác định thể loại của chúng bằng cách điền vào bảng (làm vào vở):

Văn bản	Nội dung	Thể loại
Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương		
Việt Nam quê hương ta		

2. Chỉ ra những đặc điểm của thể thơ lục bát trong bài ca dao sau:

*Sông Tô nước chảy trong ngần
Con thuyền buồm trắng chạy gần chạy xa
Thon thon hai mũi chèo hoa
Lướt qua lướt lại như là bướm bay.*

(Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật, Phan Đăng Tài, Nguyễn Thuý Loan, Đặng Diệu Trang,
Kho tàng ca dao người Việt, tập 3, NXB Văn hoá – Thông tin, 1985)

3. Dựa vào gợi ý sau, em hãy nêu những đặc điểm của một đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát.

Phương diện	Đặc điểm
Hình thức	Đoạn văn được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn xuống dòng.
Nội dung	

4. Nêu hai kinh nghiệm mà em có được khi viết và trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát đã đọc.
5. Hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí mỗi người không giống nhau, đối với nhà thơ Tế Hanh, quê hương là “con sông xanh biếc”, đối với nhạc sĩ Hoàng Hiệp, quê hương gắn liền với những kỉ niệm trên dòng sông tuổi thơ,... Vậy hình ảnh quê hương trong tâm trí em là gì? Quê hương có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi chúng ta? Em có thể làm gì để góp phần làm cho quê hương ngày càng đẹp hơn?

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại; người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do văn bản gợi ra.
- Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Nhân ái, khoan dung với người khác; biết trân trọng những giá trị của cuộc sống.

Cuộc sống của mỗi người là một chuỗi những trải nghiệm. Có trải nghiệm tạo ra niềm vui, hạnh phúc. Có trải nghiệm mang đến kinh nghiệm. Có trải nghiệm để lại sự tiếc nuối, day dứt. Tất cả đều là bài học quý giá trong hành trình khôn lớn, trưởng thành của chúng ta.

? *Những trải nghiệm đã qua có ý nghĩa như thế nào với mỗi chúng ta?*

Những truyện đồng thoại trong bài học này sẽ giúp em hiểu được giá trị của những trải nghiệm trong cuộc sống. Nhờ trải nghiệm mà chúng ta có thể cảm nhận thiên nhiên, con người, cuộc sống trọn vẹn hơn, hiểu mọi người hơn và nhận ra ưu điểm cũng như những điều chưa hoàn thiện của bản thân.



ĐỌC

TRI THỨC NGỮ VĂN

Tri thức đọc hiểu

Truyện đồng thoại là thể loại văn học dành cho thiếu nhi. Nhân vật trong truyện đồng thoại thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá. Vì thế, chúng vừa phản ánh đặc điểm sinh hoạt của loài vật hoặc đồ vật, vừa thể hiện đặc điểm của con người.

Tri thức tiếng Việt

Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

Cụm từ: Trong câu tiếng Việt, thành phần chính thường gồm chủ ngữ (C) và vị ngữ (V). Chủ ngữ và vị ngữ của câu có thể chỉ là một từ (Ví dụ: “Gà gáy”; “Hoa nở”) nhưng cũng có thể là một cụm từ (Ví dụ: “Con gà nhà tôi gáy rất to”; “Những bông hoa cúc nở vàng rực cả khu vườn”). Cụm từ có hai từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu, trong đó có một từ (danh từ/ động từ/ tính từ) đóng vai trò là thành phần trung tâm, các từ còn lại bổ sung ý nghĩa cho thành phần trung tâm. Cụm từ đóng vai trò chủ ngữ và vị ngữ trong câu thường có những loại như:

- *Cụm danh từ* có danh từ làm thành phần chính. Ví dụ: *hai cái răng đen nhánh*.
- *Cụm động từ* có động từ làm thành phần chính. Ví dụ: *thường dẫn tôi ra vườn*.
- *Cụm tính từ* có tính từ làm thành phần chính. Ví dụ: *rất chăm chỉ*.

Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:

– Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ một từ thành một cụm từ, có thể là cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ.

Ví dụ: Gà / gáy. Có thể mở rộng thành: *Con gà trống tía của nhà tôi / gáy rất to.*

C V

C

V

– Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có những thông tin cụ thể, chi tiết hơn.

Ví dụ:

Chim sơn ca/ đang hát. Có thể mở rộng thành:

C

V

Những chú chim sơn ca xinh xắn/ đang hát véo von trên cành.

C

V

– Có thể mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc mở rộng cả chủ ngữ lẫn vị ngữ của câu.

Tác dụng: việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ làm cho thông tin của câu trở nên chi tiết, rõ ràng. Đó là lí do khiến chủ ngữ và vị ngữ của câu trong thực tế thường là một cụm từ.

Ví dụ: (1) *Hoa nở.* Có thể mở rộng thành:

(2) *Những bông hoa cúc nở vàng rực cả khu vườn.*

Câu (2) cung cấp thông tin cụ thể, chi tiết về chủ thể (*hoa*) và trạng thái của nó (*nở*).

VĂN BẢN 1

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN¹

Dế Mèn phiêu lưu kí là tác phẩm đặc sắc và nổi tiếng nhất của Tô Hoài viết về loài vật. Đây là tác phẩm văn học thiếu nhi được đọc nhiều ở Việt Nam và được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Dế Mèn phiêu lưu kí (xuất bản lần đầu năm 1941) gồm mười chương, kể về những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn trong thế giới loài vật nhỏ bé. Vốn quen sống độc lập từ thuở bé, khi trưởng thành, chán cảnh sống quần quanh bên bờ ruộng, Dế Mèn lên đường phiêu lưu để mở rộng hiểu biết và tìm ý nghĩa cho cuộc sống. Dế Mèn đã đi qua nhiều nơi, gặp gỡ nhiều loài, thấy nhiều cảnh sống và cũng nhiều phen gặp gian nan, nguy hiểm, nhưng Dế Mèn không lùi bước. Dế Mèn là một hình ảnh đẹp của tuổi trẻ, ham hiểu biết, trọng lẽ phải, khao khát lí tưởng và quyết tâm hành động nhằm đạt được những mục đích cao đẹp.²

Bài học đường đời đầu tiên được trích từ chương I trong *Dế Mèn phiêu lưu kí*.



Chuẩn bị đọc

1. Hãy chia sẻ với bạn về một chuyện đáng nhớ mà em từng trải qua.
2. Dựa vào nhan đề và ấn tượng ban đầu của bản thân khi đọc lướt qua văn bản, em đoán xem “bài học đường đời đầu tiên” được nhân vật kể lại sau đây là bài học gì?



Trải nghiệm cùng văn bản

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm³ bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn⁴, bây giờ

¹ Nhan đề đoạn trích được lấy lại từ sách *Ngữ văn 6, tập hai*, Nguyễn Khắc Phi (TCB), Sdd.

² Theo sách *Ngữ văn 6, tập hai*, Nguyễn Khắc Phi (TCB), Sdd.

³ Mẫm: béo tròn, đầy đặn.

⁴ Hủn hoẳn: (ít dùng) ngắn đến mức khó coi.

thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu. **1**

Suy luận

- 1** Những chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật "tôi" trong đoạn này là lời của ai? Điều này giúp em biết được gì về tính cách nhân vật?

Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy¹ các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi tợn lắm. Dám cà khịa² với tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhin, không ai đáp lại. Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả. Không nói, có lẽ họ nể hơn là sợ. Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he. Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi. Những gã xốc nổi³ thường lắm cử chỉ ngông cuồng là tài ba. Tôi đã quát mấy chị Cào Cào⁴ ngoài đầu bờ khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị phải núp khuôn mặt trái xoan dưới nhánh cỏ, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm. Thỉnh thoảng, tôi ngứa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó⁵ lắm láp vừa ngơ ngác dưới đầm lên. Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi. **2**

Suy luận

- 2** Qua cách nhân vật "tôi" tự miêu tả hành động của mình ở đoạn này, em biết thêm điều gì về đặc điểm của nhân vật?

Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng, hống hách lão chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại dột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được. **3**

Suy luận

- 3** Những từ ngữ "hung hăng", "hống hách", "ngu dại", "ân hận" cho thấy nhân vật "tôi" có thái độ và đánh giá như thế nào về trải nghiệm sắp kể ra dưới đây?

Câu chuyện ân hận đầu tiên mà tôi ghi nhớ suốt đời.

Bên hàng xóm tôi có cái hang của Dế Choắt. Dế Choắt là tên tôi đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng⁶ thế. Choắt nó có lẽ cũng trạc tuổi tôi. Nhưng vì Choắt bẩm sinh yếu đuối nên tôi coi thường và gã cũng sợ tôi lắm.

¹ *Dún dẩy*: cách nói khác của từ *nhún nhảy*.

² *Cà khịa*: cố ý gây sự để cãi nhau, đánh nhau dù không có lí do gì đáng kể.

³ *Xốc nổi*: hăng hái, nhưng thiếu chín chắn.

⁴ *Ngự*: ở để làm ăn sinh sống tại nơi không phải quê của mình.

⁵ *Gọng vó*: loài côn trùng nhỏ, sống ở mặt ao, hồ hoặc nơi nước chảy chậm; thân mình nhỏ và dài, chân dài, màu bùn đất.

⁶ *Trịch thượng*: ra vẻ như kẻ bề trên, tự cho mình là hơn và tỏ ra khinh thường người khác.



Tranh: Tạ Huy Long (nguồn: NXB Kim Đồng)

tuềnh toàng³. Ngộ có kẻ nào đến phá thì thật chú chết ngay đuôi⁴! Này thử xem: khi chú chui vào tổ, lưng chú phải lồm cồm đụng sát lên tận mặt đất, làm cho ai trên vệ cỏ nhìn sang cũng biết chú đang đi đứng chỗ nào trong tổ. Phỏng thử⁵ có thằng chim Cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mồi, nó mổ một phát, nhất định trúng giữa lưng chú, thì chú có mà đi đời! Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.

Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng thôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi cũng không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc⁶, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết nghe ai, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không.

Dế Choắt trả lời tôi bằng một giọng rất buồn rầu:

– Thừa anh, em cũng muốn khôn, nhưng khôn không được, đụng đến việc là em thờ rùi, không còn hơi sức đâu mà đào bới nữa. Lắm khi em cũng nghĩ nổi nhà cửa như thế

Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê¹. Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẫu, mà mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ. Đã vậy, tính nết lại ăn xối ở thì² (thật chỉ vì ốm đau luôn không làm được), có một cái hang ở cũng chỉ bới nông sát mặt đất, không biết đào sâu rồi khoét ra nhiều ngách như hang tôi.

Một hôm, tôi sang chơi, thấy trong nhà luộm thuộm, bẽ bộn, tôi bảo:

– Sao chú mày sinh sống cầu thả quá như thế! Nhà cửa đâu mà

¹ Gi-lê: (phiên âm từ tiếng Pháp) áo kiểu Âu để mặc trong bộ (com-lê) comple, cổ hở hình chữ V, không có tay.

² Ăn xối ở thì (thành ngữ): cách sống tạm bợ trước mắt cho qua ngày, không tính đến lâu dài (xối: tạm bợ trong thời gian ngắn. Ví dụ: cà muối xối).

³ Tuềnh toàng: đơn sơ, trống trải, vẻ tạm bợ.

⁴ Chết ngay đuôi: chết ngay lập tức.

⁵ Phỏng thử: từ dùng để nêu một giả thiết với hàm ý khẳng định rất dè dặt, tương tự như các từ: giả dụ, giả sử, nếu như, ví phỏng,...

⁶ Tự đắc: tỏ ra thích thú về một thành công nào đó của mình, tự cho mình là hay, là giỏi.

này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã lo rông rã hàng mấy tháng nay cũng không biết làm như thế nào. Hay bây giờ em định thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói...

Rồi Dế Choắt loanh quanh, băn khoăn. Tôi phải bảo:

– Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.

Dế Choắt nhìn tôi mà rằng:

– Anh đã nghĩ thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh, phòng khi tắt lửa tôi đèn có đũa nào đến bắt nạt thì em chạy sang... **4**

Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với điệu bộ khinh khỉnh, tôi mắng:

– Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!

Tôi về, không một chút bận tâm.

Một buổi chiều, tôi ra đứng cửa hang như mọi khi, xem hoàng hôn xuống.

Mấy hôm nọ, trời mưa lớn, trên những hồ ao quanh bãi trước mặt, nước dâng trắng mênh mông. Nước đầy và nước mới thì cua cá cũng tập nập xuôi ngược, thế là bao nhiêu cò, sếu, vạc, cốc, le le¹, sâm cầm², vịt trời, bồ nông, mòng, két³ ở các bãi sông xơ xác tận đâu cũng bay cả về vùng nước mới để kiếm mồi. Suốt ngày, họ cãi cọ om bốn góc đầm, có khi chỉ vì tranh một mồi tép, có những anh Cò gầy vêu vao ngày ngày bị bõm lội bùn tím cả chân mà vẫn hếch mỏ, chẳng được miếng nào. Khổ quá, những kẻ yếu đuối, vật lộn cật lực thế mà cũng không sống nổi. Tôi đứng trong bóng nắng chiều toả xuống ánh nước cửa hang mà suy nghĩ việc đời như thế.

Bỗng thấy chị Cốc từ mặt nước bay lên, đến đậu gần hang tôi, cách có mấy bước. Chừng rờ⁴ được món nào, vừa chén xong, chị ta tìm đến đứng chỗ mát rỉa lông, rỉa cánh và chùi mép.

Tính tôi hay nghịch ranh⁵. Chẳng bận đến tôi, tôi cũng nghĩ mưu trêu chị Cốc. Tôi cất tiếng gọi Dế Choắt. Nghe tiếng thưa, tôi hỏi:

Suy luận

- 4** Việc Dế Choắt muốn đào một cái ngách sang nhà nhân vật "tôi" phòng khi có kẻ nào bắt nạt cho thấy Dế Choắt suy nghĩ, đánh giá như thế nào về nhân vật "tôi"?

¹ Le (thường gọi là le le): chim sống ở nước, hình dạng giống vịt, nhưng nhỏ hơn, có mỏ nhọn.

² Sâm cầm: chim sống ở nước, mỏ trắng, lông đen, sống ở phương bắc, trú đông ở phương nam.

³ Mòng, két (gọi đầy đủ là mòng két): chim có hình dạng như vịt nhưng nhỏ hơn, sống ở phương bắc, mùa lạnh di cư về phương nam.

⁴ Rờ: gắp được, có được một cách ngẫu nhiên.

⁵ Nghịch ranh: nghịch ngợm tinh quái.

– Chú mình có muốn cùng tớ đùa vui không?

– Đùa trò gì? Em đứng lên con hen đây! Hừ hừ...

– Đùa chơi một tí.

– Hừ... hừ... Cái gì thế?

– Con mụ Cốc kia kìa.

Dế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi:

– Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy hả?

– Ừ.

– Thôi thôi... hừ hừ... Em xin vái cả sáu tay. Anh đừng trêu vào... Anh phải sợ...

Tôi quắc mắt:

– Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa?

– Thưa anh, thế thì... hừ hừ... em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi.

Tôi lại mắng Dế Choắt và bảo:

– Giương mắt ra xem tao trêu con mụ Cốc đây này.

Tôi rình đến lúc chị Cốc rửa cánh quay đầu lại phía cửa tổ tôi, tôi cất giọng véo von:

*Cái Cò, cái Vạc, cái Nông
Ba cái cùng béo, vặt lông cái nào?
Vặt lông cái Cốc cho tao
Tao nấu, tao nướng, tao xào, tao ăn.*

Chị Cốc thoát nghe tiếng hát từ trong đất vắng vắng lên, không hiểu như thế nào, giật nảy hai đầu cánh, muốn bay. Đến khi định thần¹ lại, chị mới trợn tròn mắt, giương cánh lên, như sắp đánh nhau. Chị lò dò về phía cửa hang tôi, hỏi:

– Đứa nào cạnh khoé² gì tao thế? Đứa nào cạnh khoé gì tao thế?

Tôi chui tọt ngay vào hang, lên giường nằm khểnh, bắt chân chữ ngũ³. Bụng nghĩ thú vị: “Mày tức thì mày cứ tức, mày ghè võ đầu mày ra cho nhỏ đi, nhỏ đến đâu mày cũng không chui nổi vào tổ tao đâu!”.

¹ *Định thần*: làm cho tinh thần trở lại trạng thái thăng bằng bình thường.

² *Cạnh khoé*: (lối nói) ám chỉ, không chỉ thẳng điều muốn nói mà nói gần nói xa nhằm châm chọc, xoi mói người khác.

³ *Bắt chân chữ ngũ*: (kiểu ngồi, nằm) gập hai chân lại, vắt chân nọ lên chân kia, giống hình chữ ngũ (五 *ngũ*: năm) trong chữ Hán.

Một tai hoạ đến mà đưa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là: không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trong cửa hang, chị Cốc liền quát lớn: **5**

– Mày nói gì?

– Lay chị, em nói gì đâu!

Rồi Dế Choắt lủi vào.

– Chối hả? Chối này! Chối này.

Mỗi câu “Chối này” chị Cốc lại giáng một mỗ xuống. Mỗ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất. Rúc trong hang mà bị trúng hai mỗ, Choắt queo xương sống lẫn ra kêu vẳng. Núp tận đáy đất mà tôi cũng khiếp, nằm im thít. Như đã hả cơn tức, chị Cốc đứng rĩa lông cánh một lát nữa rồi lại bay là xuống đầm nước, không chút để ý cảnh khổ đau vừa gây ra.

Biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên. Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc thảm thiết.

Tôi hỏi một câu ngớ ngẩn:

– Sao? Sao?

Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng:

– Nào tôi đâu biết cơ sự¹ lại ra nông nỗi này! Tôi hỏi lắm! Tôi hỏi hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?

Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu thế này:

– Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân chạy vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum². Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*, in trong *Tuyển tập Tô Hoài, tập một*, NXB Văn học, 1996)

Suy luận

- 5** Cụm từ “đưa ích kỉ” thể hiện sự tự nhận thức của ai? Tự nhận thức về điều gì?

¹ Cơ sự: sự việc, sự tình không hay đã xảy ra.

² Bùm tum: um tùm.



Suy ngẫm và phản hồi

1. Thời điểm Dế Mèn kể lại cho chúng ta nghe bài học đường đời đầu tiên là trước hay sau cái chết của Dế Choắt? Dựa vào chi tiết nào mà em cho là như vậy?
2. Dựa vào gợi ý trong bảng dưới đây, em hãy tìm một vài câu thể hiện lời kể của Dế Mèn (lời kể xưng “tôi”) và lời đối thoại của Dế Mèn với nhân vật khác:

Lời kể và lời đối thoại của Dế Mèn

Lời kể của Dế Mèn

Một tai họa đến mà đũa ich kỉ thì không thể biết trước được. Đó là: không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt...

...

Lời đối thoại của Dế Mèn

– Sợ gì? Mà bảo tao sợ cái gì? Mà bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa!
(Dế Mèn nói với Dế Choắt)

...

3. Tìm những chi tiết thể hiện ngoại hình, hành động, ngôn ngữ và tâm trạng của nhân vật Dế Mèn. Trên cơ sở đó, nhận xét về tính cách của Dế Mèn.
4. Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra sau sự việc xảy ra với Dế Choắt là gì? Theo em, việc tác giả để cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình bằng ngôi thứ nhất có tác dụng thế nào trong việc thể hiện bài học ấy?
5. Có thể xem cái chết của Dế Choắt là một bước ngoặt khiến Dế Mèn thay đổi cách nhìn về bản thân và về người khác không? Vì sao?
6. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết *Bài học đường đời đầu tiên* là truyện đồng thoại?
7. Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, em hiểu thêm điều gì về lỗi lầm của những người ở tuổi mới lớn và về thái độ cần có trước những lỗi lầm có thể mắc phải trong cuộc sống?



Nhà văn Tô Hoài (1920 – 2014) tên khai sinh là Nguyễn Sen, lớn lên ở quê ngoại – làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Sáng tác của ông rất phong phú và đa dạng, gồm nhiều thể loại (truyện ngắn, truyện dài, hồi kí, tự truyện,...), có nhiều truyện viết cho thiếu nhi như *Nỏ thần* (2003), *Mẹ mìn bố mìn* (2007), *Nhà Chử* (2012),... Trong đó, nổi tiếng nhất là truyện đồng thoại *Dế Mèn phiêu lưu kí* (1941). Các tác phẩm của Tô Hoài thể hiện tài quan sát tinh tế về thiên nhiên, đặc biệt là thế giới loài vật.

VĂN BẢN 2

GIỌT SƯƠNG ĐÊM



Chuẩn bị đọc

1. Em đã từng thấy bọ dừa chưa? Em đã biết gì về tập tính của bọ dừa? Nếu chưa biết gì về bọ dừa, em hãy hỏi người khác hoặc tìm hiểu thông tin từ sách và Internet.
2. Đã bao giờ có một sự việc bất ngờ xảy ra khiến em thay đổi suy nghĩ của mình? Chia sẻ với các bạn về trải nghiệm ấy.



Trải nghiệm cùng văn bản

Ông khách lượn một vòng trên không rồi khép cánh, thận trọng đáp xuống ngọn măng trúc ngoài cùng xóm Bờ Giậu. Ngọn măng khẽ rung rinh. Trời chạng vạng¹ tối, nhưng từ bên trong miệng chiếc bình gốm vỡ lẫn lóc dưới chân giậu, vẫn thấy nhấp nháy cặp mắt nhỏ sắc của ai đó. Ông khách lại gần chiếc bình, nhả nhận lên tiếng:

– Xin chào. Bác làm ơn chỉ giúp tôi một chỗ trọ trong xóm?

Thần Lăn – còn ai vào đây nữa, người trong bình chính là Thần Lăn – liếc cái bụng căng tròn có nhiều ngăn của khách, tắc lưỡi:

– Quý vị đến xóm này mà hỏi khách sạn với nhà nghỉ thì thua rồi.

– Tôi chỉ cần một chỗ trọ xoàng xĩnh²...

– Xoàng xĩnh cũng chịu. Nhưng nếu không chê, xin mời quý vị vô nhà tôi.

– Nhà bác? Chiếc bình này ạ? – Khách giật mình. – Ôi, tôi sợ các thứ bình, lọ thùng, hộp ấy lắm.

¹ Chạng vạng: nhá nhem tối, khi mặt trời vừa mới lặn.

² Xoàng xĩnh: thường, tầm thường, quá đơn giản, ít để ý, chăm chút.



Hai sợi râu khách run run. Đã mấy lần bị bọn trẻ bắt cóc làm đồ chơi, ông bị ám ảnh bởi những cái nhà giam tăm tối, chật hẹp, khó thở kiểu đó.

– Thôi, tôi ngủ tạm dưới vòm trúc kia cũng ổn.

– Ok! – Thần Lăn giơ ngón chân trước lên. – Vậy ông cứ thoải mái nhé. Nhưng xin ông làm ơn cho tôi biết quý danh¹ để tôi báo với cụ trưởng thôn.

– Bác cứ thưa với cụ tôi là Cánh Cứng, làm nghề buôn.

Thần Lăn thụt đầu vào, rồi lại nhanh chóng tuôn² ra cửa sau, phi đến nhà cụ giáo Cóc:

– Báo cáo cụ. Tối nay xóm ta có nhà buôn Cánh Cứng tới nghỉ trọ.

– Chú vừa báo gì? Cánh Cứng à? Khụ khụ...

– Vâng. Cụ biết ông ta?

– Không. Làm sao tôi biết được. Có hàng trăm, hàng nghìn họ cánh cứng khác nhau ấy chứ. Bộ Dừa, Bộ Ngà, Cánh Cam, Xiến Tóc,

Bồ Cui, Voi Voi, Bộ Que, Bộ Rùa, Bộ Hung, Niềng Niềng,... Anh sống trên cây. Anh đào hang dưới đất. Anh lặn xuống nước sâu. Anh béo tốt nhẵn nhụi. Anh gầy còm mảnh mai. Anh trọc đầu không râu. Anh rìa dài như hai sợi ăng-ten vắt vẻo. Anh hiền lành nhút nhát. Anh ngổ ngáo mọc sừng. Quần áo đủ kiểu: nâu sồng có, đen tuyền có, hoa hoét sắc sỡ cũng có,... Cái ông khách mà chú vừa nói không biết thuộc dòng họ nào?

– Ông này béo. Râu ngắn.

– Vậy là Bộ Dừa.

Cụ giáo Cóc thuận miệng ngâm nga:

– *Bộ Dừa Bộ Dừa Bộ Dừa*

Bộ ăn lá trúc, bộ chừa lá me...

¹ Quý danh: từ dùng khi muốn hỏi tên người khác, với ý trân trọng.

² Tuôn: di chuyển đến nơi khác một cách mau lẹ, thường là áp sát thân mình trên bề mặt hoặc dọc theo vật gì.

– Châu thấy ông này có vẻ khoái lá trúc thật. – Thần Lăn gật gù.

Đêm ấy ông khách – đích thị¹ Bọ Dừa, cụ giáo thông thái chả bao giờ nói sai – ngủ lại dưới vòm lá trúc thật. Với ông, ngủ ngoài trời là chuyện thường. Nhưng đêm nay trời nhiều mây. Lá cây xào xạc. Côn trùng trong lòng đất rí rả mãi một điệu buồn. Ai như Tắc Kè khuya khoắt đang gọi cửa. Đêm ở Bờ Giậu thanh vắng đến nỗi nghe rõ cả tiếng Ốc Sên đi làm về, nhẹ nhàng vén tà áo dài trườn qua chiếc lá rụng. Nửa đêm, xiu chút nữa Bọ Dừa thiếp đi thì sương bắt đầu rơi. Lăn trong tiếng thở dài của gió là tiếng rơi lộp độp của sương. Thật bất ngờ, một giọt sương nhằm trúng cổ ông khách rớt xuống. Bọ Dừa rùng mình, tỉnh hẳn.

Sáng hôm sau, Thần Lăn vừa chui ra khỏi bình gốm vỡ, chưa kịp vươn vai tập mấy động tác thể dục, đã thấy ông khách quần áo chỉnh tề đứng chờ.

– Thế nào, quý vị ngon giấc chứ? – Thần Lăn vui vẻ hỏi.

– Cảm ơn bác. Suốt đêm chẳng chợp được mắt.

– Chết chữa...

– Không không! Ý tôi muốn nói, tuy mất ngủ nhưng tôi lại rất hài lòng. – Bọ Dừa vội đỡ lời. – Tôi phải cảm ơn bác mới đúng.

Rồi ông kể lại cho Thần Lăn nghe. Chuyện mây, chuyện gió, chuyện Ốc Sên, chuyện Tắc Kè,... May nhờ có giọt sương lạnh toát rơi bộp xuống cổ, ông mới sức nhớ quê nhà. Không ngờ cái xóm nhỏ heo hút này lại giống cái xóm của ông thời thơ ấu đến thế. Bao nhiêu năm biên biệt đi xa, mãi làm ăn, ông quên khuấy đi mất. **1**

– Tôi về quê đây bác ạ.

Bọ Dừa khoác ba lô hành lí lên vai, chào tạm biệt Thần Lăn.

Thần Lăn ngơ ngẩn nhìn theo khách hồi lâu, rồi lại phi đến nhà cụ giáo Cóc. Chú kể cho cụ nghe chuyện đêm qua Bọ Dừa nhớ quê đến mất ngủ, sáng nay phải sắp ngửa² bay về. Nghe xong cụ giáo ho khụ khụ:

– Ấy đây! Chú thấy chưa. Có khi người ta thức trắng đêm chỉ vì một giọt sương. **2**

Theo dõi

- 1** Theo em, vì sao giọt sương lại làm cho Bọ Dừa quyết định về quê?

Suy luận

- 2** Lời của cụ giáo Cóc có ý nghĩa gì?

(Trần Đức Tiến, in trong *Xóm Bờ Giậu*, NXB Kim Đồng, 2018)

¹ *Đích thị*: từ biểu thị ý khẳng định chắc chắn rằng đúng là người đó, cái đó, chứ không phải ai khác, cái nào khác.

² *Sắp ngửa*: vội vàng, tất tả.



Suy nghĩ và phản hồi

1. Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Nhân vật trong truyện gồm những ai?
2. Đoạn văn sau được kể bằng lời của người kể chuyện hay lời của nhân vật?

Ai như Tắc Kè khuya khoắt đang gọi cửa. Đêm ở Bờ Giậu thanh vắng đến nỗi nghe rõ cả tiếng Ốc Sên đi làm về, nhẹ nhàng vén tà áo dài trườn qua chiếc lá rụng.

3. Dưới đây là một số câu văn tóm lược các sự việc trong truyện. Em hãy dùng sơ đồ sự việc đã học ở bài 1 (*Lắng nghe lịch sử nước mình*) để sắp xếp các sự việc ấy theo đúng trật tự được kể trong truyện.
 - a. Sáng hôm sau, sau khi kể cho Thần Lăn nghe về một đêm mất ngủ của mình, Bọ Dừa khoác ba lô hành li lên vai, chào tạm biệt Thần Lăn để về quê.
 - b. Thần Lăn thông báo với cụ giáo Cóc về sự xuất hiện của nhà buôn Cánh Cứng ở xóm Bờ Giậu đêm ấy.
 - c. Thần Lăn đến nhà cụ giáo Cóc kể cho cụ nghe câu chuyện Bọ Dừa mất ngủ.
 - d. Bọ Dừa ngủ dưới vòm lá trúc, nửa đêm, sương rơi trũng cổ làm Bọ Dừa tỉnh ngủ.
 - e. Bọ Dừa ghé đến xóm Bờ Giậu và hỏi thăm Thần Lăn về một chỗ trọ qua đêm dưới vòm lá trúc.

Trong những sự việc nêu trên, theo em sự việc nào là quan trọng nhất? Vì sao?

4. Trong đoạn văn sau, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để miêu tả các loại bọ cánh cứng?

Anh sống trên cây. Anh đào hang dưới đất. Anh lặn xuống nước sâu. Anh béo tốt nhẵn nhụi. Anh gầy còm mảnh mai. Anh trọc đầu không râu. Anh ria dài như hai sợi ăng-ten vắt vẻo. Anh hiền lành nhút nhát. Anh ngổ ngáo mọc sừng.

Điều này thể hiện đặc điểm nổi bật gì của truyện đồng thoại?

5. Lí do gì đã khiến Bọ Dừa quyết định về quê sau một đêm mất ngủ ở xóm Bờ Giậu?
6. Trải nghiệm mà Bọ Dừa có được trong đêm ấy là gì? Qua đó, tác giả muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì?
7. Nhận xét về cách kết thúc câu chuyện của tác giả. Nếu là em, em sẽ kết thúc câu chuyện này như thế nào?

Nhà văn Trần Đức Tiến sinh năm 1953, quê ở làng Cao Đà, xã Nhân Mỹ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Trần Đức Tiến viết nhiều tác phẩm cho thiếu nhi, trong đó có các truyện đồng thoại như *Đế mùa thu*, *Làm mèo*, *Xóm Bờ Giậu*. Ông viết bằng tâm thế của một đứa trẻ nên truyện đồng thoại của ông mang nét tinh tế, hồn nhiên.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ



Trải nghiệm cùng văn bản

Nhà tôi có khu vườn rất rộng. Bố trồng nhiều hoa. Buổi chiều ra đồng về, bố thường dẫn tôi ra vườn, hai bố con thi nhau tưới. Bố làm cho tôi một bình tưới nhỏ bằng cái thùng đựng sơn rất vừa tay. Bố lại lấy hộp lon gò thành cái vòi sen nữa. Bố hay bảo tôi nhắm mắt lại, sau đó dẫn tôi đi chạm từng bông hoa một. Bố nói:

– Đồ con hoa gì?

Tôi luôn nói sai. Nhưng bố nói không sao cả, dần dần tôi sẽ nói đúng. Những buổi chiều tôi hay nhắm mắt sờ những bông hoa rồi tập đoán. Tôi đoán được hai loại hoa: hoa mào gà và hoa hướng dương. Bố cười khà khà khen tiến bộ lắm! Một hôm khác, tôi đoán được ba loại hoa. Bố nói:

– Phen này con sẽ đoán được hết các loại hoa của bố mất thôi!

Và đúng như vậy, không bao lâu, tôi đã đoán được hết vườn hoa. Từ trong nhà ra ngoài vườn, tôi có thể chạm bất cứ loại cây nào và nói đúng tên của nó. Tôi cũng đã thuộc khu vườn. Tôi có thể vừa nhắm vừa đi mà không chạm vào vật gì. Những lúc rảnh rỗi, bố hay đứng trong vườn rồi đồ tôi tìm ra bố. Bố nói:

– Bố thấy con hé mắt!

Tôi cãi lại:

– Không! Con không có hé mắt. Con biết chỗ cây hoàng lan mà!

– Thật không? – Bố giả vờ nghi ngờ.

Trò chơi này không chỉ diễn ra ngoài vườn mà còn trong nhà. Bố hay giấu cục kẹo dâu đó rồi đồ tôi, và lần nào tôi cũng tìm thấy. Bố còn đồ khi tôi nhắm mắt, bố đứng cách tôi bao xa.

Lúc đầu tôi luôn đoán sai nhưng sau thì đúng dần. Mỗi lần như thế, bố đều lấy thước ra đo đàng hoàng.

Bây giờ, khi đang còn vùi đầu trong mền¹, tôi vẫn biết bố đang cách xa tôi bao nhiêu mét khi chỉ cần nghe tiếng bước chân. Trò chơi này làm chú Hùng ngạc nhiên lắm. Chú cứ hay nghi ngờ rằng không thể được, cháu đã ăn gian. Cháu hé mắt. Thế là tôi lại lặp trò chơi cho đến khi chú phải thốt lên:

– Thật không thể tin nổi, cháu có con mắt thần!

¹ Mền (từ địa phương): chăn.

[...]

Thằng Tý hay đem cho bố tôi những trái ổi. Nó trèo cây giỏi lắm, nhà nó có một vườn ổi. Những trái ổi to được nó lựa để dành cho bố đều có bịch ni lông bọc lại đàng hoàng. Những trái ổi như thế bao giờ cũng vừa to vừa mềm, cắn vào rất đã. Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn.

Tôi nói:

– Sao bố kính trọng nó quá vậy?

Bố cười xoa:

– Không phải đâu, bố không cưỡng lại được trước món quà. Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó.

Bố còn nói thêm một nụ hôn cũng là một món quà sang trọng. Một giấc ngủ của tôi cũng chính là một món quà, cả con người tôi đều là món quà của bố. Tôi đi nhẹ ra vườn. Tôi hiểu, khu vườn là món quà bất tận của tôi. Mỗi một bông hoa là một món quà nhỏ, một vườn hoa là món quà lớn. Tôi nhắm mắt và chạm tay rồi gọi tên từng món quà. Tôi chạm phải bố. Tôi la lên:

– A! Món quà của *tui* đây rồi. Ôi cái món quà này *bự* quá!

Bố lại nghĩ ra trò chơi khác. Thay vì chạm vào hoa, bây giờ tôi chỉ ngửi rồi gọi tên nó. Bố đưa bông hoa trước mũi tôi rồi nói, hoa gì? Trò chơi cứ được diễn ra liên tục cho đến khi tôi nhận diện được tất cả mùi hương của các loài hoa.

Đêm, tôi mở cửa sổ và nói:

– Hoa hồng đang nở kìa bố ơi!

Bố không tin, xách đèn ra soi và đứng vậy. Những bông hoa cứ đem hương đến cửa sổ như báo cho tôi biết từng mùa. Hoa gì nở sớm, hoa gì nở muộn. Tôi còn phân biệt đồng một lúc những hoa gì đang nở. Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới!

Bạn hãy tưởng tượng, một buổi sáng mờ sương. Bạn vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, và bạn chợt hiểu khu vườn nói gì. Bạn hiểu bây giờ là mùa gì và bông hoa nào đang nở, tên gì. Từng tiếng bước chân trong vườn, bạn biết chính xác người có bước chân đó cách xa bạn bao nhiêu mét. Bạn còn biết tiếng chân đó là của ai, bố hay mẹ. Bạn sẽ giả vờ hỏi:

– Ai đó? Có phải là người khách lạ không?

– Không. Tôi là khách quen! – Người đó trả lời.

Bạn sẽ nói:

– Khách quen sao tui không biết vậy cà? Tui nghe bước chân lạ lắm.

– Đó là tại vì tui đang hỏi hớp. Tui thấy khu vườn nở nhiều hoa quá.

– Hoa hồng và mào gà phải không?

– Ôi! Sao anh biết hay quá vậy?

Bạn sẽ nói to lên:

– Tại vì tui có con mắt thần.

– Con mắt thần nằm ở đâu vậy?

– Nằm ở mũi tui.

Đó chính là một điều bí mật mà tôi muốn chia sẻ với bạn. Bạn hãy thử đi rồi sẽ thấy, khu vườn sẽ lớn lên rất nhiều. Những bông hoa thơm hơn và khi nhắm mắt, bạn vẫn nhìn thấy nó. Không chỉ vậy, bạn còn thấy nguyên cả khu vườn. Bạn có thể nhìn thấy bông hồng ngay trong đêm tối. Đêm bạn nằm, đắp chăn kín người nhưng bạn vẫn có thể đi dạo. Bạn sẽ không bao giờ lạc trong bất cứ một khu vườn nào, bởi vì, những bông hoa sẽ chỉ lối cho bạn, một lối đi an toàn và thơm ngát.

Và lúc đó, bạn sẽ tiếc lắm nếu thế giới này vắng đi những bông hoa. Bạn sẽ tự hỏi, tại sao trong khu vườn không có người dẫn lối? Người ta sẽ ngạc nhiên hỏi lại, người dẫn lối nào? Bạn sẽ từ từ nói, đó là NHỮNG BÔNG HOA...

Những bông hoa chính là người đưa đường!

(Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, NXB Trẻ, 2004)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Em hiểu thế nào về câu nói của nhân vật bố: “Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó”?
2. Em cảm nhận như thế nào về tình cha con trong văn bản?
3. Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua câu văn “Những bông hoa chính là người đưa đường” là gì? Từ đó, em có nhận xét gì về thái độ của tác giả đối với thế giới tự nhiên?
4. Em có đồng tình với thái độ của người bố khi nhận món quà của Tý không? Vì sao? Qua đó, em rút ra được bài học gì về cách ứng xử trong cuộc sống?
5. Em đánh giá như thế nào về cách cảm nhận thế giới tự nhiên của nhân vật “tôi” trong câu chuyện? Theo em, cách cảm nhận ấy đem lại ý nghĩa gì cho cuộc sống của chúng ta?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. So sánh hai câu dưới đây và rút ra tác dụng của việc dùng cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.
 - a. *Vuốt cừ cứng dần và nhọn hoắt.*
 - b. *Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt.*

2. So sánh những cách diễn đạt dưới đây và cho biết tác dụng của việc dùng cụm động từ, cụm tính từ làm thành phần vị ngữ trong câu:

a. *Biết chị Cốc đi rồi, tôi bò lên.*

Biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên.

b. *Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc.*

Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc thảm thiết.

c. *Trời nóng.*

Trời nóng hầm hập.

3. Trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* (Tô Hoài) và *Giọt sương đêm* (Trần Đức Tiến), các tác giả thường sử dụng kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi các cụm động từ, cụm tính từ. Ví dụ:

– *Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp* (Tô Hoài). Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.

– *Ông khách lượn một vòng trên không rồi khép cánh, thận trọng đáp xuống ngọn măng trúc ngoài cùng xóm Bờ Giậu* (Trần Đức Tiến). Vị ngữ trong câu này là chuỗi gồm hơn hai cụm động từ.

Hãy tìm trong mỗi văn bản ít nhất một cách diễn đạt tương tự và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó.

4. Xác định thành phần chủ ngữ và vị ngữ của các câu dưới đây:

a. *Khách giật mình.*

b. *Lá cây xào xạc.*

c. *Trời rét.*

Dùng cụm từ để mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc cả hai thành phần chính trong các câu trên. Sau đó so sánh để làm rõ sự khác biệt nghĩa giữa câu mở rộng và câu trước khi mở rộng.

5. Đọc đoạn văn sau:

*Thình thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoãn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. (Tô Hoài, *Bài học đường đời đầu tiên*)*

a. Tìm và chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn văn trên.

b. Tìm và chỉ ra tác dụng của phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn trên.

6. Đọc đoạn văn sau:

*Tôi đi đung oai vè. Mỗi bước đi, tôi làm điệu đin dấy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu cách con nhà võ. Tôi **tợn** lắm. Dám cả khía vờn tất cả mọi bà con trong xóm. Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhin, không ai đáp lại. (Tô Hoài, Bài học đường đời đầu tiên)*

- Tìm các nghĩa của từ “tợn” có trong từ điển.
- Từ “tợn” trong đoạn văn trên được sử dụng với nghĩa nào trong những nghĩa đã tìm được ở câu a? Cho biết cơ sở xác định.



Viết ngắn

Văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* kết thúc với hình ảnh “Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên”. Hãy đóng vai Dế Mèn và viết về bài học đó bằng một đoạn văn (từ 150 đến 200 chữ), trong đó sử dụng ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

CÔ GIÓ MẤT TÊN

Người ta gọi cô là Gió. Việc của cô là đi lang thang khắp đó đây, lúc chạy nhanh, lúc chạy chậm tùy theo thời tiết. Trên mặt sông, mặt biển, cô giúp cho những chiếc thuyền đi nhanh hơn. Cô giúp các loài hoa thụ phấn để kết quả. Cô đưa mây về làm mưa trên các miền đất khô cằn. Vì tính cô hay giúp người nên ai cũng yêu cô. Cô không có hình dáng, màu sắc nhưng cô vừa đến đâu ai cũng biết ngay:

- Cô Gió kia!
- Cô Gió kia!...
- Cô Gió ơi! – Các bạn hoa tầm xuân đua nhau gọi.
- Cô đi đâu mà vội thế? Ở đây chơi với chúng em một chút nào!
- Lát nữa nhé! – Cô Gió vừa vội vã bay đi vừa trả lời.
- Tôi còn vội đi giúp cho bạn Đào bên kia một chút. Bà bạn ấy ốm, bạn ấy quạt cho bà mỗi tay lắm rồi...

Tiếng cô Gió thoảng qua rồi biến mất.

Bố, mẹ Đào đều đi công tác vắng. Chỉ còn hai bà cháu ở nhà. Trời nóng hầm hập. Bà ốm, nằm trên một cái giường tre. Bà không ăn được gì. Thỉnh thoảng bà lại lên con ho. Trán bà vã mồ hôi. Bà luôn kêu: “Khát quá! Khát quá! Đào ơi, con cho bà ngụm nước”. Đào lấy nước xong lại cầm cái quạt giấy quạt cho bà. Thấy Đào cứ luôn tay quạt, bà nắm lấy tay Đào và bảo:

- Thôi, con đi nghỉ đi, bà không nóng lắm đâu.
- Cháu không mỏi tay đâu, bà cứ để cháu quạt.

Cửa mở nhưng chẳng có chút gió nào. Đào biết là bà vẫn cứ nóng vì thấy vàng trán và lưng áo của bà đang đầm mồ hôi. Đào mãi thương bà, nghĩ đến bà, em đâu có để ý là lưng áo em cũng đầm mồ hôi.

Từ ở xa cô Gió đã nghe tiếng và biết hết mọi việc. Cô vội vàng chạy đến để giúp bà một tay. Đến cửa sổ nhỏ nhà Đào, cô dừng lại một giây rồi từ từ thổi hơi mát vào giường bà. Vì đối với người ốm mà làm mạnh quá thì nguy hiểm. Hai bà cháu chợt nhận ra cô Gió, bà tươi tỉnh hẳn lên:

- Đào ơi, có gió rồi, con nghỉ tay đi. Ôi, cô Gió thật là tốt quá! Bà cứ tỉnh cả người.

Đào nghỉ tay quạt và nhìn thấy mồ hôi trên trán bà dần dần biến đi đâu mất. Bà có vẻ khỏe ra, bà bảo:

- Bà thấy hơi đói, chiều nay con nấu cháo cho bà ăn nhé!

Vâng! – Đào vừa nói vừa thầm biết ơn cô Gió.

Cô Gió thổi quanh quần ở nhà Đào cho tới khi bà Đào khỏi ốm, cô Gió mới ra đi. Trước khi đi, cô còn lưu luyến quanh Đào:

- Chào bạn Đào, chào bạn Đào, tôi đi đây. Khi nào bạn cần, bạn cứ gọi tôi, tôi sẽ đến giúp bạn ngay...

Đào chưa kịp chào và cảm ơn cô thì cô đã đi xa rồi.

Cô Gió thấy lòng nhẹ nhàng vui vẻ. Cô vừa đi vừa hát:

*Tên tôi là Gió
Đi khắp mọi nơi
Công việc của tôi
Không bao giờ nghỉ
Tháng ngày chăm chỉ
Tôi dài hơn sông
Suốt đời menh mông
Rộng hơn biển cả
Tên tôi là Gió
Các bạn nhớ không?
Tôi không dáng hình
Tên tôi là Gió...*

- Gớm, cô Gió, việc gì phải xưng tên nhiều thế! – Các bạn ngô trên bãi xào xạc kêu lên. – Ai mà chả biết cô, mỗi lần cô đến là tất cả họ hàng nhà ngô chúng em xôn xao cả lên...

- Ngay cả chúng tôi đây cũng vậy. – Các bác lau sậy bên bờ sông lên tiếng.
- Cứ cô đến là chúng tôi mới hát, không có cô chúng tôi buồn lắm đây. Nhưng mà có bao giờ giữ được cô lâu đâu. Chỗ nào cũng cần đến cô nên cô cứ đi luôn.
- Vâng, bác nói đúng. Bây giờ tôi đang phải đưa chú Ong nhỏ về nhà. Tôi vừa gặp chú ở dọc đường, chú lạc đàn, cứ bay vơ vẩn mà khóc mãi.

Nói rồi cô Gió lại cùng chú Ong vàng nhỏ bay đi. Trên đường đi, cô chui qua một ngôi nhà. Ngôi nhà đóng kín các cửa kính vì lúc bấy giờ còn rét. Trong nhà đèn sáng choang, có tiếng đàn tiếng hát văng vẳng vọng ra. Cô Gió nhẹ nhàng khẽ lách qua khe cửa kính. Mọi người trong nhà đang ngồi quây quần bên mâm cơm, không ai biết cô Gió vừa vào. Chính cô cũng không muốn cho ai biết là cô có mặt ở đây. Cô đi tha thẩn mọi nơi trong gian phòng. Lòng hơi buồn vì chẳng ai nhìn thấy mình. “Nếu mình có hình dáng cụ thể như cái ấm, cái lọ hoa hoặc như ngọn lửa trên bếp kia có phải thích không”. Cô theo tiếng nhạc, chui vào đài truyền thanh xem xét. Cô thấy nhiều dây dợ và nút bấm lằng nhằng. Tiếng đàn, tiếng hát vẫn tự nhiên vang lên mà không cần cô truyền đi xa. Cô bỏ đài truyền thanh đi ra rồi chui vào một cái hũ ở góc nhà. Cái hũ tối mò mò, mùi hơi bốc lên nồng nặc. Cô không thể nào chịu nổi phải kêu lên:

- Trời ơi! Tôi quá, tôi quá! Cho tôi ra với.
- Chị Hũ nghe tiếng kêu liền hỏi:
- Ai đây mà tôi không trông thấy dáng hình gì cả? Sao bỗng dưng lại vào được trong này? Hũ tôi đã nút rồi cơ mà! Đã gọi là hũ nút mà lại chả tôi!
 - Tôi đây, tôi đây. Chị không thể trông thấy tôi được đâu. Vì tôi không có hình dáng. Tôi chỉ có tên thôi. Tên tôi là Gió. Chị cho tôi ra với!
 - Gió là ai? Tôi chưa nghe tên bao giờ. Còn... cô vào đằng nào thì ra đằng ấy chứ khó gì đâu.
 - Tôi vào chỗ khe nút của chị. Khe rất nhỏ. Bây giờ ở trong này tôi quá không biết đằng nào mà ra.
 - Thế công việc của cô là gì mà cô lại đi mò mẫm vào đây?
 - Việc của tôi ấy à, nhiều lắm, để tôi kể cho chị nghe...
 - Thôi, tôi chả cần nghe dài dòng đâu. Tôi chỉ cần trông thấy một việc cô làm là tôi có thể gọi ra tên cô được. Ví như tôi, tôi chuyên môn đục đẽo, đục lặt,... cho nên người ta gọi tôi là chị Hũ.
 - A, chị Hũ nói đúng quá! Việc của tôi là giúp cho cây cỏ và hoa kết trái, giúp cho mọi người đi lại dễ dàng hơn trên sông biển. Giúp cho con người nghe rõ được tiếng nói của nhau hơn...

– Này, cô Gió ơi, thế thì chính tên cô ở đây. Hẳn khi vào đây cô đã để quên tên cô ở những nơi đó rồi. Cô hãy ra những nơi ấy mà tìm lại cái tên của cô đi, nhanh lên kẻo mất!

Nói rồi chị Hũ đẩy cái nút cho rộng ra một chút để cô Gió có thể theo phía ánh sáng mà đi ra.

Cô Gió ra khỏi hũ, lòng buồn phiền quanh quẩn suy nghĩ: “Có nhẽ chị Hũ nói đúng, mình đã bỏ quên mất tên thật rồi! Cho nên suốt từ lúc mình vào nhà mà có ai gọi đến tên mình đâu. Mình đã chui vào từ cái âm tích đến hộp xà phòng thơm mà không thấy ai nhắc đến tên mình. Bây giờ không biết cái tên mình nó ở nơi nào. Trời đất mênh mông thế kia, biết tìm bao giờ cho thấy!”. Nghĩ rồi cô Gió oà lên khóc. Cô khóc rất nhiều. Nhưng nước mắt của cô cũng như cô, không có dáng hình, màu sắc. Cho nên không một ai biết đến để an ủi, dỗ dành cho cô khuây khoả. Chợt cô nghĩ đến chú Ong lạc đường mà cô đã bỏ quên ở ngoài cửa, khi cô vào trong nhà. Hoà chăng chú Ong này còn nhớ đến cô. Cô len qua cửa kính ra ngoài tìm chú Ong nhỏ. Nhưng chú Ong có còn ở đấy nữa đâu! Cô Gió hốt hoảng bay đi. Cô mang hi vọng tìm thấy cái tên mình ở một nơi nào đó. Càng ngày cô càng bay nhanh hơn. Bỗng cô thấy trước cô là mặt biển mênh mông. Những con thuyền chen chúc nhau gói đầu lên bãi cát. Những tiếng nói xôn xao truyền đi:

– A, gió về rồi!

– Hôm nay có gió rồi!

– Nhỏ neo đi, các bạn ơi, có gió rồi!

Gió thổi các ngọn khói bay trên tầng ống khói nhà máy. Gió toả hơi mát của dòng suối ra khắp bờ cây. Gió đưa mùi thơm của hoa vườn tràn ra đồng cỏ. Bà mẹ ra hiên gọi con về ăn cơm, gió đưa tiếng gọi vang ra xa ngoài cánh đồng, đến tận tai em bé ngồi trên lưng trâu. Gió thổi bay phấp phới hai dải mũ bác thủy thủ, gió ngừng một chút để bác thủy thủ châm lửa vào điếu thuốc, rồi lại lòng lộn thổi tiếp. Bác thủy thủ kéo lá cờ lên đỉnh cột buồm, gió thổi lá cờ phấp phật. Khắp mặt biển vang lên tiếng còi, tiếng chuông, tiếng xích nhỏ neo, tiếng reo hò. Gió rộng lớn thổi khắp bầu trời mặt đất, nhưng vẫn không quên quay tít cái chong chóng nhỏ sắc sỡ trên tay em bé. Em bé vừa chạy vừa reo lên: “Gió! Gió! Gió mát quá!”.

“A, tên mình đây rồi!” – Cô Gió thầm nghĩ – “Mình đã tìm thấy tên rồi!”.

Cô Gió cất tiếng chào ngọn khói, những bông hoa, những lá cờ, chào những cái chong chóng đang quay và chào những cánh buồm đang căng mở trên sóng lớn, những con thuyền lướt nhanh trên mặt biển. Cô lại cất tiếng hát:

Tôi là ngọn gió

Ở khắp mọi nơi

*Công việc của tôi
Không bao giờ nghỉ...*

Cô không có dáng hình, nhưng điều đó chẳng sao, hình dáng của cô là ở người khác, ở sự có ích cho người khác, ở niềm vui của người khác. Dù không trông thấy cô, người ta nhận ra cô ngay và gọi tên cô: Gió!

(Xuân Quỳnh, *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, 2014)

Hướng dẫn đọc

1. Chỉ ra những đặc điểm của thể loại đồng thoại được thể hiện trong văn bản *Cô Gió mất tên*.
2. Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua văn bản này là gì?



VIẾT

KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN

Nếu việc đọc một câu chuyện về trải nghiệm của người khác có thể giúp em học được kinh nghiệm của họ và hiểu mình thì việc viết về chính những trải nghiệm của bản thân sẽ cho em cơ hội được giải bày, sẻ chia. Những trải nghiệm của em, vì thế, sẽ càng trở nên có giá trị khi được lan toả đến nhiều người. Làm thế nào để kể lại câu chuyện về trải nghiệm của bản thân thật hấp dẫn và lôi cuốn người đọc? Bài học này sẽ giúp em trả lời câu hỏi ấy.

Kể lại một trải nghiệm của bản thân là kiểu bài trong đó người viết kể về diễn biến của sự việc mà mình đã trải qua và để lại nhiều ấn tượng, cảm xúc.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm của bản thân.
- Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí.
- Kết hợp kể và tả.
- Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.
- Bài văn đảm bảo bố cục:

Mở bài: giới thiệu được trải nghiệm.

Thân bài: trình bày diễn biến của sự việc.

Kết bài: nêu được ý nghĩa của trải nghiệm đối với người viết.

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Kể lại một trải nghiệm của bản thân.

Mở bài

Ai cũng từng có một thời thơ ấu hồn nhiên, vô tư. Thời thơ ấu ấy đã để lại trong tôi⁽¹⁾ nhiều trải nghiệm đáng nhớ.⁽³⁾ Có những trải nghiệm đã trở thành bài học hữu ích, như câu chuyện đã xảy ra với tôi năm lên mười.⁽²⁾

⁽¹⁾ Dùng ngôi thứ nhất để kể.

⁽²⁾ Gợi sự tò mò, hấp dẫn.

⁽³⁾ Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.

Làng tôi vốn rất thanh bình, yên ả với một dòng sông êm đềm, chảy qua làng. Những bãi cát vàng ven sông đã trở thành nơi vui chơi lí tưởng của bọn trẻ chúng tôi.⁽⁴⁾ Ngày đó, tôi mới bắt đầu biết bơi.⁽⁴⁾ Vào những trưa hè đổ lửa, chúng tôi thường rủ nhau ra tắm sông và bơi lội thoải thích dưới làn nước trong veo, mát lành của dòng sông. Điều ấy khiến tôi cảm thấy thích thú vô cùng! Do mới biết bơi nên tôi chỉ bơi men theo bờ. Mẹ cũng thường dặn tôi không được mạo hiểm bơi ra giữa sông và không hài lòng khi tôi tham gia vào những cuộc vui ấy. Tuy nhiên, thỉnh thoảng do ham vui, tôi vẫn trốn mẹ ra bờ sông chơi cùng bọn bạn.⁽⁴⁾

⁽⁴⁾ Trình bày thời gian, không gian và những nhân vật liên quan.

Thân bài

Buổi trưa hôm ấy, sau khi đá bóng xong, chúng tôi rủ nhau ra sông tắm. Vào mùa hè, nước sông thường cạn nên chúng tôi tung tăng bơi lội, trêu đùa rộn rã cả một góc sông. Tắm mãi cũng chán nên chỉ một lát sau, đám bạn tôi đã nảy ra ý định tổ chức một cuộc thi bơi giữa đám trẻ trong và ngoài làng. Trước sự cổ vũ lẫn thách thức của đám bạn, tôi đã nhận lời thách đấu.⁽⁵⁾ Trận đấu diễn ra vô cùng căng thẳng, gay cấn, quyết liệt! Với tất cả sức lực của mình, tôi đã cố bơi thật nhanh nhưng không hiểu sao thằng bé làng bên, nhỏ hơn tôi hai tuổi, vẫn đeo bám tôi quyết liệt. Tôi chỉ biết cầm mặt, sải tay thật dài, đạp nước thật khoẻ để tiến về phía trước.⁽⁵⁾

⁽⁵⁾ Kể lại đồng thời miêu tả những sự việc đã xảy ra trong câu chuyện.

Đến khi nhìn lại, tôi nhận ra mình đã bơi khá xa bờ. Bỗng nhiên, tôi thấy bắp chân đau điếng và không thể điều khiển được nó theo ý mình nữa. Chuột rút! Tôi phải làm gì đây khi bốn bề xung quanh chỉ toàn là nước còn đám bạn thì ở khá xa? Trong khoảnh khắc ấy, tôi cảm thấy mình đang bị chính dòng nước hút xuống. Tôi cố ngoi lên mặt nước để kêu cứu nhưng càng vùng vẫy tôi lại càng chìm nhanh hơn và không thể thở được nữa. Tôi sợ hãi tột độ! Bỗng nhiên có một ai đó kịp thời đến bên tôi, nâng đầu tôi lên khỏi mặt nước và kéo tôi vào bờ. Thì ra một người làng đang đi câu cá gần đấy đã nghe tiếng tôi và đám bạn kêu cứu, nhanh chóng bơi ra và đưa tôi vào bờ.⁽⁵⁾ Thoát chết, tôi hối hận vô cùng vì đã không nghe lời mẹ! Chỉ vì quá chủ quan khi nước nông và ham vui mà suýt nữa thì mất mạng.

Kết bài

Trải nghiệm ấy đã đem đến cho tôi một bài học sâu sắc. Đó là cần vâng lời người lớn và chỉ nên bơi lội ở nơi an toàn, có sự giám sát của người lớn.⁽⁶⁾

⁽⁶⁾ Thể hiện ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.

(Bài của học sinh, có chỉnh sửa)

Hãy xác định đặc điểm của kiểu văn bản kể về một trải nghiệm của bản thân được thể hiện trong bài viết trên:

1. Câu chuyện trên được kể bằng ngôi thứ mấy?
2. Trải nghiệm của nhân vật “tôi” được kể lại với những sự việc chính nào?
3. Chỉ ra những chi tiết nhân vật “tôi” sử dụng yếu tố miêu tả khi kể lại trải nghiệm. Việc sử dụng các yếu tố đó có tác dụng gì?
4. Nhân vật “tôi” đã nhận ra ý nghĩa gì của trải nghiệm? Vì sao ý nghĩa đó nên được trình bày trong đoạn cuối của bài văn?
5. Từ câu chuyện trên, em học được điều gì về cách kể lại một trải nghiệm của bản thân?

Đề bài:

Viết một bài văn (khoảng 400 chữ) kể lại một trải nghiệm của bản thân.

Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Để xác định được đề tài, em có thể hỏi tưởng lại những kỉ niệm đáng nhớ.
Ví dụ:

- Một kỉ niệm sâu sắc với gia đình, bạn bè.
- Một lỗi lầm của bản thân.
- Khám phá một vùng đất hoặc quyền sách mới.
- Khi chuyển đến một ngôi trường mới, làm quen với bạn mới.
- ...

Thu thập tư liệu

Em hãy tìm tư liệu cho bài viết bằng một số cách sau:

- Nhớ lại những sự việc, trải nghiệm đã để lại cho em kỉ niệm sâu sắc.
- Đọc lại câu chuyện *Bài học đường đời đầu tiên*, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* và bài văn ở mục Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản để học cách các tác giả kể trải nghiệm của họ.
- Tìm lại những hình ảnh đã lưu giữ có liên quan đến câu chuyện.

Trước khi viết, em cần trả lời các câu hỏi:

Văn bản này được viết nhằm **mục đích** gì?

Người đọc bài viết này có thể là ai?

Việc trả lời hai câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng được nội dung bài viết, cách viết, tăng hiệu quả giao tiếp.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Em có thể dựa vào sơ đồ sau để phác thảo một số ý cho bài viết:



Lập dàn ý

Em hãy sắp xếp những ý trong sơ đồ trên thành dàn ý theo mẫu sau:

- Mở bài: giới thiệu chung về không gian, thời gian xảy ra câu chuyện.
- Thân bài:
 - Thời gian, không gian diễn ra câu chuyện và những nhân vật có liên quan.
 - Kể các sự việc theo trình tự diễn ra của chúng, kết hợp với các yếu tố miêu tả.
- Kết bài: trình bày ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.

Lưu ý: em có thể sử dụng hình ảnh hoặc vẽ tranh để minh họa cho câu chuyện.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý trên, em hãy viết thành một bài văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần bảo đảm các yêu cầu đối với kiểu bài Kể lại một trải nghiệm của bản thân.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa

- Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa bài văn của mình dựa vào bảng kiểm dưới đây:

Bảng kiểm bài viết kể lại trải nghiệm của bản thân

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở bài	Dùng ngôi thứ nhất để kể.	
	Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.	
	Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc.	
Thân bài	Trình bày chi tiết về thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.	
	Trình bày chi tiết những nhân vật liên quan.	
	Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí, rõ ràng.	
	Kết hợp kể và tả.	
Kết bài	Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.	

- Tiếp theo, em hãy chỉnh sửa bài viết theo gợi ý dưới đây:
 - Sắp xếp lại các sự việc nếu cần thiết.
 - Bổ sung những từ ngữ chuyển tiếp giữa các sự việc để thể hiện rõ trình tự xảy ra sự việc.
 - Thay đổi ngôi kể nếu ngôi kể không phải là ngôi thứ nhất.
 - Bổ sung những chi tiết miêu tả về các sự việc, nhân vật và thời gian, không gian diễn ra các sự việc.
 - Chi tiết hoá những thông tin đã có trong câu chuyện bằng những hình ảnh được cảm nhận từ nhiều giác quan hoặc những đoạn đối thoại.
 - Bổ sung những câu văn thể hiện trực tiếp hoặc gián tiếp ý nghĩa của trải nghiệm.
 - Điều chỉnh lỗi chính tả, ngữ pháp và lỗi sử dụng từ ngữ.

Rút kinh nghiệm

Nếu được viết lại, em sẽ điều chỉnh như thế nào để bài viết tốt hơn?



NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

- Đề tài bài nói chính là đề tài của bài viết.
- Để xác định không gian và thời gian nói, em hãy trả lời câu hỏi sau: Em dự định sẽ nói ở đâu và trong thời gian bao lâu?

Trước khi nói, em cần trả lời các câu hỏi:

Bài nói này nhằm **mục đích** gì?

Người nghe có thể là ai?

Việc trả lời hai câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng được nội dung bài nói, cách nói, tăng hiệu quả giao tiếp.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Dựa vào nội dung bài văn, liệt kê các ý chính cần nói.
- Giới thiệu địa điểm, thời gian xảy ra câu chuyện.
- Trình bày rõ ràng, mạch lạc các sự việc trong câu chuyện.
- Thể hiện suy nghĩ, cảm xúc đối với những sự việc, con người trong câu chuyện.
- Thể hiện được ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Khi trình bày bài văn kể lại trải nghiệm của mình, em cần:

- Dùng ngôi thứ nhất để kể.
- Lựa chọn, điều chỉnh một số từ ngữ, câu văn sao cho phù hợp với ngôn ngữ nói.
- Thay đổi cao độ, tốc độ, âm lượng của giọng nói để thể hiện những nội dung, nhân vật, sự kiện và cảm xúc khác nhau, tạo cảm xúc cho người nghe.
- Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ như nét mặt, cử chỉ để diễn tả hành động của các nhân vật trong câu chuyện.
- Tương tác với người nghe bằng cách nhìn vào mắt họ.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Trong bước này, em sẽ lần lượt đóng hai vai trò: người nói và người nghe. Trong vai người nghe, em hãy trao đổi với bạn bằng cách:

- Nêu những điểm thú vị trong câu chuyện của bạn, ví dụ: Điều tôi thích nhất trong câu chuyện của bạn là...; Tôi học được cách kể chuyện thú vị của bạn...

- Nêu câu hỏi về những gì mà em chưa rõ hoặc thấy chưa hợp lí. Ví dụ: Có thể thay đổi thứ tự các sự việc như thế này được không? Nếu như bạn miêu tả chi tiết... rõ hơn thì câu chuyện sẽ thú vị hơn.

Sau đó, em hãy dùng bảng kiểm dưới đây để đánh giá phần trình bày của bạn, nhằm giúp cho bài nói tốt hơn (nếu em là người nghe); tự kiểm soát bài nói của chính mình (nếu em là người nói):

Bảng kiểm kĩ năng kể lại một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Bài trình bày có đủ ba phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc.	
Câu chuyện kể về trải nghiệm của người nói.	
Câu chuyện được giới thiệu rõ ràng về (các) nhân vật, không gian, thời gian xảy ra.	
Câu chuyện được kể theo ngôi thứ nhất.	
Các sự việc được kể theo trình tự hợp lí.	
Kết hợp kể và tả khi kể.	
Trình bày suy nghĩ/ bài học rút ra từ câu chuyện.	
Giọng kể to, rõ, mạch lạc, thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung câu chuyện.	
Người nói tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng kể, nét mặt, cử chỉ hợp lí.	

ÔN TẬP

1. Dựa vào bảng sau, hãy tóm tắt nội dung của ba văn bản đã đọc (làm vào vở):

Bảng tóm tắt nội dung chính của ba văn bản

Văn bản	Nội dung chính
Bài học đường đời đầu tiên	
Giọt sương đêm	
Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ	

2. Theo em, cách cảm nhận cuộc sống của các nhân vật trong ba văn bản trên có điểm gì giống và khác nhau?
3. Trong ba văn bản trên, văn bản nào thuộc thể loại truyện đồng thoại? Dựa vào đâu em cho là như vậy?
4. Vẽ sơ đồ sau vào vở và điền những đặc điểm của kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân.



5. Em rút ra bài học kinh nghiệm gì về cách kể lại một trải nghiệm của bản thân?
6. Qua những gì đã học trong bài này, em nghĩ gì về ý nghĩa của trải nghiệm đối với cuộc sống của chúng ta?

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí.
- Nhận biết được chủ đề của văn bản; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản.
- Nhận biết được biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ và tác dụng của chúng; vận dụng được biện pháp tu từ khi viết và nói.
- Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt; nói và nghe về một cảnh sinh hoạt.
- Biết lắng nghe tiếng nói của thiên nhiên và tâm hồn mình.

Đã bao giờ em để tâm quan sát và tìm hiểu những điều kì diệu, những bí mật của thế giới thiên nhiên xung quanh mình hay chưa? Khi chú tâm vào việc quan sát, cảm nhận thiên nhiên, em sẽ nhận ra rằng: mọi vật quanh ta đều có những bí ẩn, có đời sống và tiếng nói riêng.

Các văn bản hồi kí trong bài học này sẽ giúp em trải nghiệm những cảm xúc về thiên nhiên cùng các nhân vật trong kí ức tuổi thơ.



Thiên nhiên muốn trò chuyện cùng ta điều gì?





TRI THỨC NGŨ VĂN

Tri thức đọc hiểu

Kí là thể loại văn học coi trọng sự thật và những trải nghiệm, chứng kiến của chính người viết. Trong kí, có những tác phẩm thiên về kể sự việc như hồi kí, du kí,... có những tác phẩm thiên về biểu cảm như tuỳ bút, tản văn.

Hồi kí chủ yếu kể lại những sự việc mà người viết đã từng tham dự hoặc chứng kiến trong quá khứ. Các sự việc trong hồi kí thường được kể theo trình tự thời gian, gắn với một hoặc nhiều giai đoạn trong cuộc đời của tác giả. *Du kí* chủ yếu kể về những sự việc mới diễn ra hoặc đang diễn ra gắn với các chặng đường trong hành trình tìm hiểu những vùng đất kì thú của Việt Nam và thế giới. Nhân vật xưng “tôi” trong hồi kí và du kí là hình ảnh của tác giả.

Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí (thường xưng “tôi”, “chúng tôi”) mang hình bóng của tác giả, nhưng không hoàn toàn đồng nhất với tác giả. Bởi vì giữa tác giả và người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí luôn có những khoảng cách về tuổi tác, thời gian, hay những khác biệt trong nhận thức, quan niệm,...

Hình thức ghi chép và cách kể sự việc trong hồi kí: “ghi chép” hiểu theo cách thông thường, là việc chuẩn bị nguồn tư liệu về những điều có thật, đã xảy ra để viết nên tác phẩm. Tư liệu được “ghi chép” để viết hồi kí phải đảm bảo độ xác thực, tin cậy. Nhưng “ghi chép”, hiểu cách khác, cũng chính là viết, kể, sáng tác. Theo nghĩa này, người viết hồi kí không thể bê nguyên cái có thật, từng xảy ra ngoài đời vào văn bản mà phải *ghi* sao cho thành chuyện và *kể* sao cho hấp dẫn, sâu sắc.

Tri thức tiếng Việt

Ẩn dụ, hoán dụ

Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: “Những mũi tên đen...” trong đoạn “Lần này nó chưa kịp ăn, những mũi tên đen, mang hình đuôi cá từ đâu bay tới tấp. Ấy là những con chèo bẻo” là hình ảnh ẩn dụ. Ẩn dụ này dựa trên sự giống nhau về hình dáng, màu sắc, tốc độ bay,... của bầy chim chèo bẻo với những mũi tên được bắn đi từ dây cung.

Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: “Cả nhà ăn cơm trong hương lúa đầu mùa...” (lấy vật chứa để gọi vật được chứa); “Kháng chiến ba ngàn ngày không nghỉ/ Bắp chân, đầu gối vẫn sẵn gân” (lấy bộ phận để gọi toàn thể);...

VĂN BẢN 1

LAO XAO NGÀY HÈ

Tuổi thơ im lặng là chuỗi hồi ức của Duy Khánh về quê hương, gia đình, người thân,... gắn với một quãng đời niên thiếu, từ khi ông còn là một cậu bé "bắt đầu biết nhận thức" cho đến lúc trở thành một chàng thanh niên, tình nguyện đi bộ đội chống thực dân Pháp. Đó là những sự thật được tác giả "nhớ và mang theo trong trí, nó từng đốt cháy tấm lòng suốt chặng đường bốn mươi một tuổi..." của mình. Tác phẩm gồm 29 chương.

Lao xao ngày hè là văn bản trích từ chương 6 (*Lao xao*) trong *Tuổi thơ im lặng*. Nhan đề văn bản do người biên soạn đặt.



Chuẩn bị đọc

Theo em, vì sao học sinh thường yêu thích và trông đợi mùa hè? Hãy nói về vẻ đẹp của thiên nhiên hoặc một trải nghiệm đáng nhớ từ một kì nghỉ hè đã qua.



Trải nghiệm cùng văn bản



Giời¹ chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở hoa trắng xoá. Hoa dẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng² bụi bầm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.

Sớm. Chúng tôi tụ hội ở góc sân. Toàn chuyện trẻ con. Râm ran.

– Các... các... các...

Một con bồ các³ kêu vẳng lên. Cái con này bao giờ cũng vừa bay vừa kêu cứ như bị ai đuổi đánh.

Chị Điệp nhanh nhẩu:

– *Bồ các là bác chim ri. Chim ri là di sáo sậu⁴. Sáo sậu là cậu sáo đen. Sáo đen là em tu hú⁵. Tu hú là chú bồ các...*

Thế thì ra dây mơ, rễ má thế nào mà chúng đều có họ với nhau. Họ của chúng đều hiền cả. Chúng đều mang vui đến cho giời đất. Sáo sậu, sáo đen hót, đậu cả lên lưng trâu mà hót mừng được mùa. Nhà bác Vui có con sáo đen tọ to⁶ học nói. Nó bay đi ăn, chiều chiều lại về với chủ. Con tu hú to nhất họ, nó kêu “tu hú” là mùa tu hú chín⁷; không sai một tẹo nào. Cả làng có mỗi cây tu hú ở vườn ông Tấn. Tu hú đổ ngọn cây tu hú mà kêu. Quả chín đỏ, đầy ụ như mâm xôi gấc. Tiếng tu hú hiêm ho; quả hết, nó bay đi đâu biệt.

Một đàn chim ngói sạt qua rồi vội vã kéo nhau về hướng mặt giời lặn.

Nhạn tha hồ vùng vẫy tit mây xanh “chéc chéc”.

Khi con bìm bịp kêu “bịp bịp” tức là đã thông buổi⁸. Nghe đâu trước đây có một ông sư dữ như hổ mang. Lúc ông ta chết, giời bắt ông ta hoá thân làm con bìm bịp. Ông ta phải tự nhận là bịp, mở miệng ra là “bịp bịp”. Giời khoác cho nó bộ cánh nâu, suốt đêm ngày rúc trong bụi cây. Khi nó kêu thì một loạt chim ác, chim xấu mới ra mặt. Ít khi chúng ra mặt vào buổi sớm. 1

Theo dõi

- 1 Các từ “chim ác”, “chim xấu” ở đây nhắc đến một từ ngữ đã xuất hiện trong đoạn trước của văn bản. Đó là từ nào?

¹ Giời: trời.

² Móng rồng: cây leo, lá dài, hoa màu vàng và thơm, cánh hoa uốn lại như móng con rồng, thường được trồng làm cảnh.

³ Bồ các (cũng gọi là ác là): chim cỡ vừa, đuôi dài, lông đen, trên bụng và vai có lông trắng, thường kiếm ăn trên đồng ruộng.

⁴ Sáo sậu: loài sáo đầu trắng, bụng trắng, cổ đen, lưng màu nâu xám, kiếm ăn từng đôi ở các nương bãi.

⁵ Tu hú: chim thuộc loài chim cu lớn, đuôi dài, thường xuất hiện với tiếng kêu vào những ngày hè.

⁶ Tọ to: mới tập nói còn chưa sôi.

⁷ Mùa tu hú chín: mùa vải chín (cây tu hú: một loại cây vải, theo cách gọi của một số địa phương). Gọi như thế vì vải chín vào đầu mùa hè, khi chim tu hú kêu.

⁸ Thông buổi: xế, quá nửa buổi.

Kìa kìa! Con điều hâu bay cao tít, nó có cái mũi khoằm, đánh hơi tinh lắm: Đâu có xác chết. Đâu có gà con... Khi tiếng nó rú lên, tất cả gà con chui vào cánh mẹ. Tôi đã nhìn tận mắt cuộc ẩu đả dưới gốc vối già nhà tôi: Con điều hâu lao như mũi tên xuống, gà mẹ xù cánh vừa kêu vừa mổ, vừa đập điều hâu. Tôi mãi ngẩn nên không cứu được gà. Điều hâu tha được con gà con, lại lao vụt lên mây xanh. Thường thì nó vừa lượn vừa ăn ngay. Lần này nó chữa¹ kịp ăn, những mũi tên đen, mang hình đuôi cá từ đâu tới tập bay đến. Ấy là những con chèo bẻo². Chúng lao vào đánh con điều hâu túi bụi. Lông điều hâu bay vung tứ linh³, miệng kêu la “chéc, chéc”, con mồi rời mỏ điều hâu rơi xuống như một quả rụng. Điều hâu biến mất. Con điều hâu được mẹ hú vĩa, lần sau cụ bảo cũng không dám đến. Nếu có đến lại là con khác!

Người ta nói chèo bẻo là kẻ cắp. Kẻ cắp hôm nay gặp bà già⁴! Nhưng từ đây tôi lại quý chèo bẻo. Ngày mùa, chúng thức suốt đêm. Mới tờ mờ đất đã cất tiếng gọi người: “chè cheo chét”... Chèo bẻo trị kẻ ác. Thì ra, người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm! **2**

Cùng họ với điều hâu là quạ: quạ đen, quạ khoang. Lia lia láu láu như quạ dòm chuồng lợn. Không bắt được gà con, không ăn trộm được trứng, nó vào chuồng lợn [...]. Quạ vừa bay lên, chèo bẻo vây tứ phía, đánh. Có con quạ chết đến rũ xương...

Chèo bẻo ơi, chèo bẻo!

Chèo bẻo chỉ sợ mỗi chim cắt. Chim cắt cánh nhọn như dao bầu chọc tiết lợn. Bao nhiêu con bồ câu của nhà chú Chàng đã bị chim cắt xia chết. Khi đánh nhau cắt chỉ xia bằng cánh. Chúng là loài quý đen, vụt đến, vụt biến... Cho đến nay, chưa có loài chim nào trị được nó. Họ nhà chèo bẻo chắc là nhiều phen muốn trị tội cắt. Một cuộc trị tội đã diễn ra thật! Hai con chèo bẻo đang bay, một con cắt vụt lao ra. Nó xia cánh huyệt. Lập tức một đàn chèo bẻo hàng chục con xông lên cứu bạn. Cuộc đánh nhau rất dữ. Trẻ con ở dưới reo ầm lên. Cắt hốt hoảng cho nên xia cánh đều trượt. Hàng chục chèo bẻo thi nhau vào mổ. Cắt kiệt sức rồi, quay tròn xuống đồng Xóc như cái điều đứt dây. Chúng tôi ủa chạy ra, con cắt còn ngấp ngoải⁵. Mỗi chúng tôi bồi tiếp cho nó hòn đất. Bây giờ tôi mới tận mắt nhìn thấy con cắt. **3**

[...]

Suy luận

- 2** Sự khác biệt trong thái độ của nhân vật “tôi” đối với chèo bẻo, quạ, điều hâu và chim cắt giúp em hiểu gì thêm về nhân vật này?

Liên hệ

- 3** Những hiểu biết và cảm nhận của em về các loài chim có gì giống và khác với nhân vật “tôi”?

¹ Chữa: chưa.

² Chèo bẻo: một loài chim có bộ lông màu đen óng ả, có mỏ dài và có đuôi dài đẹp, khi trưởng thành thì đuôi của chúng sẽ có hai sợi dài ra hơn những sợi còn lại. Chèo bẻo tuy nhỏ bé nhưng khá hung dữ, thích cưỡi trên lưng các loài chim lớn như điều hâu, đại bàng, thích ăn các loài côn trùng nhỏ.

³ Tứ linh: tứ tung, khắp bốn phía, khắp nơi.

⁴ Kẻ cắp gặp bà già (thành ngữ): kẻ tinh ranh, quý quyết gặp phải đối thủ đáng gờm.

⁵ Ngấp ngoải (thường viết là ngắc ngoải): trạng thái hấp hối, chỉ còn chờ chết.

Con gà mái cứ vào tầm này là nó đẻ xong. Nó bay khỏi ổ, chạy xuống đất tác ầm lên, cả xóm nghe tiếng: “Vừa đau vừa rát”. Con gà sổng¹ đứng ngơ ngác một lúc, rồi mổ mỗi đống gà mái². Nó vừa mổ mỗi nó vừa “cực... cực” ra vẻ thương gà mái. Hai con vịt bầu thì phớt lờ, vừa đứng đĩnh mang cái thân nặng nề, vừa toáng lên: “mặc, mặc...”, rồi chúng nhảy xuống vũng bùn bên vại nước, vẫy đực ngầu lên, không thấy mỗi, chúng húc tung cả bãi húng dũi³.

[...]

Anh em chúng tôi rủ nhau đi tắm ở suối sau nhà. Qua mấy vườn sắn xanh biếc là đến gần suối. Tiếng nước chảy ào ào. Nước từ núi Tiên giới như thác, trắng xoá, qua suối Cộc xóm Đông tràn sang suối xóm Tây rồi dồn về suối xóm Trại chúng tôi. [...] Trẻ con chúng tôi la ó, té nhau, reo hò. Ôi, con suối; con suối khi nó cạn, chúng tôi ngẩn ngơ. Chúng tôi tắm thoải thuê, khi ra về tiếng ào ào vọng mãi.

Tối, cái Bàng giải chiếu manh giữa sân. Cả nhà ngồi ăn cơm trong hương lúa đầu mùa từ đồng Chỗ thoáng về; trong tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; trong dàn nhạc ve; trong tiếng chó thũng thảng sủa giăng⁴...

Chúng tôi no nê, rủ nhau giải chiếu ở hiên nhà ngủ cho mát.

Ôi cái mùa hè hiem hoi. Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai ngủ, cùng thức với giới, với đất. Tôi khát khao thầm ước: Mùa hè nào cũng được như mùa hè này!

(Duy Khán, *Tuổi thơ im lặng*, NXB Kim Đồng, 2002)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Bức tranh cuộc sống trong *Lao xao ngày hè* được miêu tả qua cảm nhận của ai, theo ngôi kể nào?
2. Hãy liệt kê một số câu văn kể chuyện, miêu tả và biểu cảm được sử dụng trong văn bản. Theo em, việc kết hợp miêu tả, biểu cảm khi kể chuyện đã giúp ích gì cho việc thể hiện không khí ngày hè?
3. Chỉ ra một số âm thanh, hình ảnh mà theo em, đã góp phần làm nên cái “lao xao ngày hè” trong văn bản này. Từ đó cho biết, người kể chuyện đã cảm nhận cái “lao xao” ấy bằng những giác quan nào?
4. Xác định chủ đề của văn bản *Lao xao ngày hè*.
5. Đọc kĩ đoạn văn:

Cả nhà ngồi ăn cơm trong hương lúa đầu mùa từ đồng Chỗ thoáng về; trong tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; trong dàn nhạc ve; trong tiếng chó thũng thảng sủa giăng...

¹ Gà sổng: gà trống.

² Mổ mỗi đống gà mái: mổ mỗi không cốt để ăn mà có ý lấy lòng gà mái.

³ Húng dũi: một loại rau thơm.

⁴ Giăng (cách phát âm địa phương): trắng.

Chúng tôi no nê, rủ nhau giải chiếu ở hiên nhà ngủ cho mát.

Ôi cái mùa hè hiêm hoi. Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai ngủ, cùng thức với giờ, với đất. Tôi khát khao thầm ước: Mùa hè nào cũng được như mùa hè này!

Theo em, tác giả hồi kí đã thể hiện những cảm xúc gì khi kể về những ngày hè đã qua?

6. Hãy chia sẻ với bạn về ấn tượng và cảm xúc của em khi đọc *Lao xao ngày hè*.



Duy Khán (1934 – 1993), tên khai sinh là Nguyễn Duy Khán, là nhà văn, nhà báo. Ông sinh tại thôn Sơn Trung, xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Năm 15 tuổi, Duy Khán nhập ngũ, làm phóng viên chiến trường trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ.

Tuổi thơ im lặng là cuốn sách được viết như một món quà ông dành tặng quê hương và những người thân yêu: "Kính tặng quê hương. Tặng các con và các bạn nhỏ. Tặng những người đã từng nghèo khổ". Tác phẩm được viết trong nhiều năm (từ 1977 đến 1984), xuất bản lần đầu năm 1986.

VĂN BẢN 2

THƯƠNG NHỚ BẦY ONG

Hồi kí Song đôi là cuốn hồi kí về cuộc đời của hai nhà thơ Huy Cận và Xuân Diệu. Hai nhà thơ là bạn thân thiết của nhau. Huy Cận là người trực tiếp viết và hoàn thành toàn bộ tác phẩm. Hồi kí gồm hai tập. Tập 1: *Tuổi trẻ và tình bạn*, kể về quãng đời thơ ấu cho đến tuổi thanh niên của Huy Cận, Xuân Diệu. Tập 2: *Đổi thay và kiên định*, tiếp tục kể về tình bạn, hoạt động văn học, văn hoá cứu quốc và nhiều hoạt động khác của hai ông thời Cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ...

Phần văn bản dưới đây được Huy Cận đặt tên là *Tổ ong "trại"*. *Tổ ong "trại"* trích từ tập 1, kể về việc bầy ong của gia đình nhân vật "tôi" (người kể chuyện) bỏ tổ bay đi mà không có cách nào níu giữ chúng lại được. Trước cảnh ấy, nhân vật "tôi" thấy trong lòng mình chất chứa một nỗi buồn thương da diết và khó tả. Nỗi buồn thương của cậu bé ấy dường như thấm nhuần trong nhiều bài thơ nổi tiếng của Huy Cận sau này.

Nhan đề *Thương nhớ bầy ong* do người biên soạn đặt.



Chuẩn bị đọc

1. Đã bao giờ em phải chia tay mãi mãi với một con vật nuôi, một đồ chơi, một vật dụng,... hết sức thân thiết đối với mình? Tâm trạng của em khi ấy thế nào?
2. Em hãy tìm hiểu về công việc nuôi ong và tình cảm của người nuôi ong với bầy ong của mình.



Trải nghiệm cùng văn bản

Ngày xưa ông tôi nuôi nhiều ong; đằng sau nhà có hai dãy đồ¹ ong mật. Sau ngày ông tôi chết, cha và chú tôi còn nuôi một ít đồ, nhưng không “vượng”² như xưa nữa.

Sau nhà có hai đồ ong “sây”³ lắm. Chiều lữ buổi⁴ (khoảng 4 giờ chiều) thì ong bay ra họp đàn trước đồ, và tôi hay ra xem, nhiều khi bị ong đốt nhưng mê xem không thôi. Buồn lắm, cái buồn xa cô⁵ vắng tạnh của chiều quê, của không gian mà tôi cảm nghe từ buổi ấy. Nhất là những lúc cả nhà đi vắng thì tôi buồn đến nỗi khóc một mình, nghe lòng bị ép lại, như trời hạ thấp xuống. Và bầy ong thì vù vù không thôi. Buồn nhất là mấy lần ong “trại”,

¹ Đồ: đồ dùng để nuôi ong, hoặc bắt ong; thường làm bằng một đoạn thân cây rỗng, bịt kín hai đầu, ở giữa có khoét lỗ để ong ra vào làm tổ.

² Vượng: ở trạng thái phát triển theo hướng đi lên.

³ Sây: sai, trĩu, đông đúc (không “sây” lắm: không đông đúc lắm).

⁴ Chiều lữ buổi: vào khoảng giữa buổi chiều (lữ, hay nhỡ: chỉ cái gì lơ cỡ, giữa chừng).

⁵ Xa cô: xa vắng và lẻ loi.



nghĩa là một phần đàn ong rời xa, bỏ tổ nhà, mang theo một ong chúa¹. Nếu ong “trại” vào buổi trưa thì thường thường chú tôi biết được và hô lên cho cả xóm ném đất vụn lên không, thế là cả bầy ong mệt lử phải đậu lại ở một cây nào đó hay trở về tổ. Ong đậu lại trên cây, chú tôi hay người khác lại trèo lên bắt mang về tổ cũ hoặc cho vào một tổ mới. Nhưng đôi khi ong trại buổi chiều lỡ buổi, vào lúc chú tôi phải ra đồng cày tra (cày ải)². **1**

Theo dõi

- 1** Câu văn nào trong đoạn này giải thích thế nào là ong “trại”?

Một lần, ở nhà một mình tôi thấy ong trại mà không thể làm gì được. Tôi cũng ném đất vụn lên không nhưng không ăn thua gì. Ong vù vù lên cao, bay mau và mất hút trong chốc lát. Tôi nhìn theo, buồn không nói được. Cái buồn của đứa bé rộng lớn đến bao nhiêu, các thi sĩ, văn nhân đã ai nói đến chưa? Nhìn ong trại đi, tưởng như một mảnh hồn³ của tôi đã san đi nơi khác. Nơi xa xôi nào đó đã nhận một phần cốt tủy⁴ của linh hồn⁵ nhà tôi với bầy ong trại?

Một thi sĩ phương Tây ngày trước đã nói đúng lắm: những vật vô tri vô giác đều có một linh hồn, nó vương vấn với hồn ta và khiến ta yêu mến. Cái tổ ong sau thềm nhà, cái giá đặt đồ ong, từng chậu nước con con ở chân giá xanh lè vì rêu bám: bao nhiêu vật nhỏ nhỏ, vụn vặt mà đã gom góp cho tôi những cảm giác đầu tiên, những cái nhìn ngó đầu tiên vào ý nghĩa cuộc đời và vũ trụ. Và ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ sau này ám ảnh⁶ tôi, ngày thơ bé tôi đã nghe rồi, mỗi lần ong trại. Linh hồn của đất đá, có phải là một điều bí ẩn của các thi nhân đâu.

(Huy Cận, *Hồi kí Song đôi*, NXB Hội Nhà văn, 2012.
Văn bản do người biên soạn tách đoạn và đặt nhan đề)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Những dấu hiệu nào đã giúp em biết văn bản trên thuộc thể hồi kí?
2. Trong câu văn “Và ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ sau này ám ảnh tôi, ngày thơ bé tôi đã nghe rồi, mỗi lần ong trại”, theo em, có thể bỏ bớt cụm từ “sau này” hoặc “ngày thơ bé” được không? Vì sao? Từ đó nêu tác dụng của việc sử dụng các cụm từ chỉ thời gian trong hồi kí.

¹ *Ong chúa*: con ong cái duy nhất có khả năng sinh sản trong một đàn ong.

² *Cày ải*: cày lúc ruộng đã khô để phơi đất qua mưa nắng cho tơi xốp.

³ *Hồn*: theo quan niệm dân gian, *hồn* là phần trú ngụ trong thể xác, thuộc về thế giới tinh thần của con người.

⁴ *Cốt tủy*: phần cốt yếu ở bên trong.

⁵ *Linh hồn*: phần tinh thần sâu kín thiêng liêng mang lại sức sống cho con người, sự vật.

⁶ *Ám ảnh*: điều gì đó luôn hiện ra trong tâm trí, làm bồn khoăn, lo lắng mãi không yên.

3. Tìm trong văn bản một số từ ngữ, câu văn diễn tả nỗi buồn của nhân vật “tôi” khi chứng kiến bầy ong bỏ tổ bay đi. Em có nhận xét gì về tình cảm mà cậu bé dành cho bầy ong?
4. Để tái hiện quá khứ một cách chân thực, sinh động, người viết hồi kí có thể tập trung kể lại sự việc, cũng có thể vừa kể lại sự việc vừa kể lại cảm xúc, suy tư của mình trước sự việc ấy. Theo em, *Thương nhớ bầy ong* thuộc trường hợp nào trong hai trường hợp trên? Dựa vào đâu để có thể khẳng định như vậy?
5. Em có nhận xét gì về cách quan sát, cảm nhận thiên nhiên, loài vật của nhân vật “tôi”?
6. Đọc *Thương nhớ bầy ong*, có bạn khẳng định rằng nhân vật cậu bé xưng “tôi” trong văn bản chính là tác giả Huy Cận, một số bạn khác lại cho là không phải như vậy. Cho biết ý kiến của em về các nhận định trên.



Huy Cận tên thật là Cù Huy Cận (1919 – 2005), quê ở xã Ân Phú, huyện Hương Sơn (nay là huyện Vũ Quang), tỉnh Hà Tĩnh. Huy Cận làm thơ và nổi tiếng từ trước Cách mạng tháng Tám 1945.

Trong sự nghiệp văn học của mình, Huy Cận có viết một số tập văn xuôi, tiểu luận, nhưng chủ yếu làm thơ và ông được biết đến trước hết trong tư cách một nhà thơ. Những bài thơ hay của Huy Cận thường thấm đẫm một nỗi buồn thương mênh mang khó tả, như thu góp vào đó nỗi buồn của trời rộng, sông dài và tạo vật tự ngàn xưa.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ĐÁNH THỨC TRẦU



Trải nghiệm cùng văn bản

Trầu trầu trầu trầu

Mày làm chúa tao

Tao làm chúa mày

Tao không hái ngày

Thì tao hái đêm.

(Câu hát của bà em)

Đã ngủ rồi hả trầu?
Tao đã đi ngủ đâu
Mà trầu mày đã ngủ
Bà tao vừa đến đó
Muốn có mấy lá trầu
Tao không phải ai đâu
Đánh thức mày để hái!

Trầu ơi, hãy tỉnh lại!
Mở mắt xanh ra nào
Lá nào muốn cho tao
Thì mày chia ra nhé
Tay tao hái rất nhẹ
Không làm mày đau đâu...

Đã dậy chưa hả trầu?
Tao hái vài lá nhé
Cho bà và cho mẹ
Đừng lụi đi trầu ơi!

1966

(Trần Đăng Khoa, Góc sân và khoảng trời, NXB Văn hoá dân tộc, 1999)



Suy ngẫm và phản hồi

1. Khi “đánh thức trầu”, cậu bé dường như không chỉ tin rằng trầu có thể nghe được điều mình nói mà còn muốn trầu nhìn thấy mình nữa. Các chi tiết nào cho em biết như vậy?
2. Cách xưng hô “mày”, “tao” và việc lặp lại các lời “đánh thức trầu” (“Đã ngủ rồi hả trầu?”, “Trầu ơi, hãy tỉnh lại!”, “Đã dậy chưa hả trầu?”) ở đầu mỗi đoạn thơ thể hiện tình cảm thế nào giữa cậu bé với cây trầu?
3. Theo em, vì sao mỗi khi muốn hái trầu vào ban đêm, cậu bé cũng như bà và mẹ mình, phải gọi cho trầu tỉnh ngủ rồi mới xin “hái vài lá”? Điều này cho thấy cách đối xử với cây cối trong vườn của người dân quê như thế nào?
4. Từ câu hát của người bà “Trầu trầu trầu trầu/ Mày làm chúa tao/ Tao làm chúa mày”... cũng như lời “đánh thức trầu” của cậu bé trong bài thơ, em nghĩ thế nào về quan niệm: “Con người là chúa tể của muôn loài”?



THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm một câu có sử dụng biện pháp so sánh và một câu sử dụng biện pháp ẩn dụ trong *Lao xao ngày hè*. Chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau giữa hai biện pháp tu từ này.
2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi ở dưới:

Người ta nói chèo bẻo là kẻ cắp. Kẻ cắp hôm nay gặp bà già! Nhưng từ đây tôi lại quý chèo bẻo. Ngày mùa, chúng thức suốt đêm. Mỏi tờ mờ đất đã cất tiếng gọi người: “chè cheo chét”... Chèo bẻo trị kẻ ác. Thì ra, người có tội khi trở thành người tốt thì tốt lắm!

(Duy Khán, *Lao xao ngày hè*)

- a. Chỉ ra biện pháp ẩn dụ trong đoạn văn.
 - b. Nêu nét tương đồng giữa các sự vật, hiện tượng được so sánh ngầm với nhau và tác dụng của biện pháp này trong việc miêu tả loài vật.
3. Hãy xác định biện pháp hoán dụ được sử dụng trong các câu văn dưới đây và cho biết dựa vào đâu để xác định như vậy:
 - a. *Cả làng xóm hình như (...) cùng thức với giờ, với đất.* (Duy Khán, *Lao xao ngày hè*)
 - b. *Sau nhà có hai đống “sây” lắm.* (Huy Cận, *Thương nhớ bầy ong*)
 - c. *Thời đó đường Bờ Sông chỉ trải đá, chưa tráng nhựa, chiều hè gió ngoài sông thổi vào, bụi mù, thành phố phải dùng những xe bò kéo chở nước đi tưới.* (Nguyễn Hiến Lê, *Một năm ở Tiểu học*)
 - d. *Mùa đông, tôi không ra đường chơi được thì ở nhà đọc truyện Tàu cho cả nhà trong (...), nhà ngoài (...) nghe, hết một cuốn thì cầm hai xu chạy vù lại hiệu Cát Thành đầu phố Hàng Gai đổi cuốn khác.* (Nguyễn Hiến Lê, *Một năm ở Tiểu học*)
 4. Theo em, cụm từ “mắt xanh” trong câu thơ “Trầu ơi, hãy tỉnh lại!/ Mở mắt xanh ra nào” gọi cho ta liên tưởng đến hình ảnh quen thuộc nào? “Mắt xanh” trong trường hợp này là ẩn dụ hay nhân hoá? Dựa vào đâu để nói như vậy?
 5. Hãy dẫn ra một câu văn sử dụng biện pháp ẩn dụ hoặc hoán dụ trong *Lao xao ngày hè* hoặc *Thương nhớ bầy ong* mà em cho là thú vị và chia sẻ với mọi người.
 6. Hãy chỉ ra biện pháp tu từ trong các dòng thơ dưới đây và cho biết những dấu hiệu nào giúp em nhận ra biện pháp nghệ thuật ấy:

Đã ngủ rồi hả trầu?

Tao đã đi ngủ đâu

Mà trầu mày đã ngủ

(Trần Đăng Khoa, *Đánh thức trầu*)

7. *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bầy ong*, *Đánh thức trầu* đều viết về tuổi thơ tác giả gắn với cây cối, loài vật. Cả ba văn bản đều sử dụng biện pháp nhân hoá. Theo em, vì sao như vậy?



Viết đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) nói về đặc điểm riêng của một cây hoa hoặc một con vật mà em yêu thích. Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một trong số các biện pháp ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

MỘT NĂM Ở TIỂU HỌC

Mẹ tôi, ngày nào cũng đi từ sáng sớm, tối mịt mới về nhà, người lại không biết chữ, nên không thể kiểm soát sự học của chúng tôi được. Đầu năm học, chúng tôi cần tiền mua bút mực sách vở thì người lấy trong ruột tượng ra đưa; cuối năm người hỏi có được lên lớp không, thế thôi. Ruột tượng của người là một cái túi hẹp mà dài khoảng thước rưỡi bằng sồi (tơ gốc, mặt sù sì, rất bền) vừa để thắt lưng vừa để đựng tiền. Tối nào người đi thu tiền về thì ruột tượng đầy xu đồng và trinh, phồng ở trước bụng.

Khi cha tôi mất, tôi đã biết lo về thân phận của mình, nhưng tuổi đó chỉ ngủ một đêm, sáng dậy đã quên hết. Lo thì lo vậy, chứ không biết siêng học. Không còn cha nhắc nhở, kiểm chế nữa, tôi bỏ bê việc học trọn một niên khoá. Tôi vẫn đi học đều đều, không trốn buổi nào, nhưng thường đi sớm mà về rất trễ vì cùng với bạn thơ thân trên bờ đê tìm cỏ gà, bắt dế. Tối tối, tôi và em trai tôi rủ nhau ra chơi ở cột đồng hồ – một cột sắt cao khoảng ba thước, trên có một đồng hồ, lớn như đồng hồ chợ Bến Thành; cột dựng ở giữa ngã năm, bên bờ sông, đầu ngõ Phát Lộc trông ra, cột đó nay vẫn còn. Thời đó đường Bờ Sông chỉ trải đá, chưa tráng nhựa, chiều hè gió ngoài sông thổi vào, bụi mù, thành phố phải dùng những xe bò kéo chở nước đi tưới. Tối, có ba bốn ngọn đèn điện sáng trung, các loài sâu có cánh bu lại, trẻ con mây phố và ngõ chung quanh cũng bu lại chạy nhảy trên một cái nền tròn rộng, bắt cào cào, bướm bướm, dế, cả cả cuông nữa.

Chơi chán, chúng tôi ra bờ sông, ở phía ngoài đê, lại bên tàu, leo lên những đồng hàng – nhiều nhất là thùng rượu – hóng gió, nhìn tàu và thuyền đậu san sát trên mặt nước loang loáng chỗ sáng, chỗ tối. Ba bốn đứa nói chuyện láo với nhau, hoặc chơi hú tìm, đuổi bắt nhau giữa những đồng hàng mới bốc ở dưới tàu lên, chưa kịp chở vô kho. Đêm nào cũng tới lúc nghe tiếng rao: “Bánh giò, bánh giầy” của những người bán hàng đầu đội thùng, tay xách một cái đèn dầu, đi dọc bờ sông chuyên bán cho phu khuân vác làm khuya, chúng tôi mới về nhà. Lúc đó vào khoảng chín, mười giờ tối.

Trọn các ngày nghỉ, chúng tôi chỉ có mặt ở nhà trong bữa cơm, còn thì ra ngõ, hoặc đường Bờ Sông chơi với trẻ trong xóm. Chúng là con gia đình lao động: bố làm thợ mộc, thợ cưa, mẹ bán cháo, bán xôi, có khi cả bố lẫn mẹ đều làm phu khuân vác ở bến tàu. Cũng có đứa biết đọc chữ Quốc ngữ, lâu lâu chán chơi, tôi lấy truyện *Thạch Sanh*, *Phạm Công Cúc Hoa* của bố, ngồi đọc cho cả bọn nghe. [...]



Bà chúng tôi hiện từ không mắng chúng tôi, cứ đến bữa cơm thì đi gọi chúng tôi về ăn; còn mẹ chúng tôi thì nghiêm khắc hơn, hôm nào về nhà sớm, gặp chúng tôi lê la ở ngoài ngõ với trẻ hàng xóm thì quát tháo, bắt phải về liền, có khi quát nữa.

Mùa đông, tôi không ra đường chơi được thì ở nhà đọc truyện Tàu cho cả nhà trong [...], nhà ngoài [...] nghe; hết một cuốn thì cầm hai xu chạy vù lại hiệu Cát Thành đầu phố Hàng Gai đổi cuốn khác.

[...]

Ngày nay nghĩ lại, một năm đó, xét về việc học, tôi đã bỏ phí rất nhiều, đáng tiếc thật; nhưng về mặt khác – về thể chất, về tính tình chẳng hạn – biết đâu tôi chẳng được lợi một chút: chạy nhảy nhanh nhẹn hơn, sống giản dị, tự nhiên hơn, hiểu biết trẻ bình dân hơn?

(Trích chương IV, *Hồi kí Nguyễn Hiến Lê*, NXB Văn học, 1993. Tên văn bản do người biên soạn đặt)

Hướng dẫn đọc

Em hãy đối chiếu với đặc điểm của thể loại hồi kí trong mục *Tri thức đọc hiểu* và hoàn tất các câu sau (làm vào vở):

1. Một năm ở *Tiểu học* kể lại chuỗi sự việc mà tác giả là người ...
2. Đó là những sự việc có thật diễn ra tại ..., gắn với quãng đời ... của ...
3. Nhân vật xưng “tôi”, người kể chuyện ngôi ..., là ... trong tác phẩm và là hình bóng của tác giả Nguyễn Hiến Lê ngoài đời.
4. Văn bản có sự kết hợp giữa kể chuyện với ... và ...



VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

Tại nơi em đang sống và học tập hằng ngày hẳn là có rất nhiều cảnh sinh hoạt thú vị đang diễn ra với bao nhiêu khoảnh khắc đáng nhớ. Bằng cách nào để em có thể chia sẻ với bạn bè, người thân những khoảnh khắc đáng nhớ mà em từng chứng kiến? Bài học dưới đây sẽ giúp em trả lời câu hỏi đó thông qua việc rèn luyện kỹ năng tả lại một cảnh sinh hoạt.

Tả cảnh sinh hoạt là dùng khả năng quan sát và lời văn gợi tả, làm sống lại bức tranh sinh hoạt, giúp người đọc hình dung được rõ nét về không khí, đặc điểm nổi bật của cảnh đó.

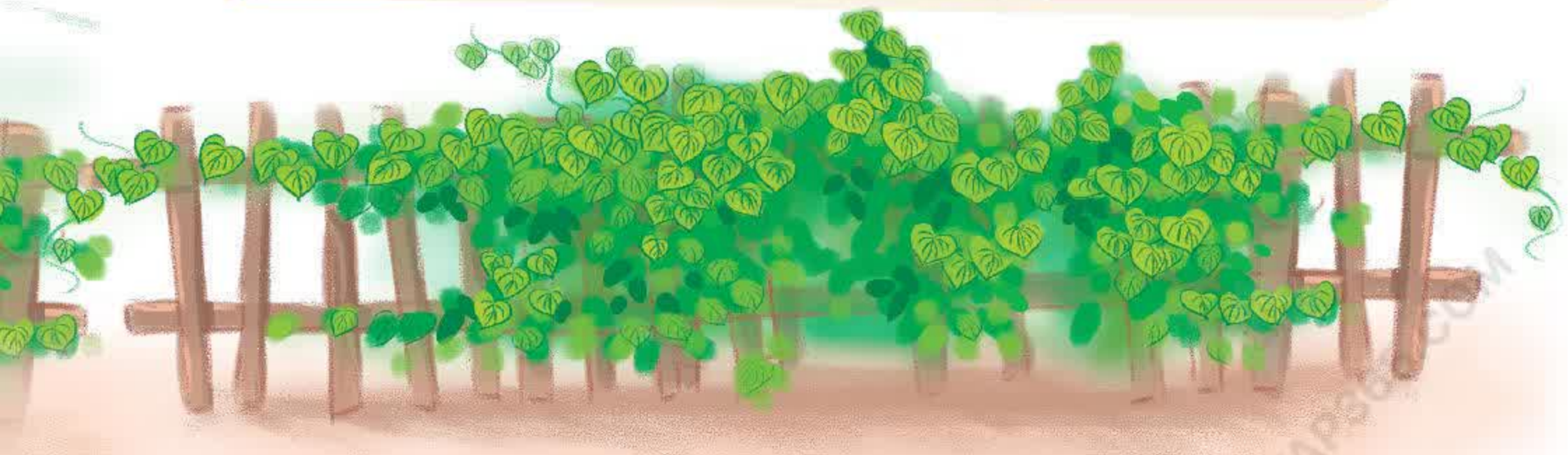
Yêu cầu đối với kiểu bài:

- Giới thiệu được cảnh sinh hoạt, thời gian và địa điểm diễn ra cảnh sinh hoạt.
- Tả lại cảnh sinh hoạt theo một trật tự hợp lí (từ xa đến gần, từ bao quát đến cụ thể,...).
- Thể hiện được hoạt động của con người trong thời gian, không gian cụ thể.
- Gợi tả được quang cảnh, không khí chung, những hình ảnh tiêu biểu, nổi bật của bức tranh sinh hoạt.
- Sử dụng phù hợp các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động,...
- Nêu được suy nghĩ, cảm nhận của người viết về cảnh được miêu tả.
- Cấu trúc bài văn gồm ba phần:

Mở bài: giới thiệu cảnh sinh hoạt.

Thân bài: miêu tả cảnh sinh hoạt theo một trình tự hợp lí.

Kết bài: phát biểu suy nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt.



Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Tả một phiên chợ nổi ở miền Tây Nam Bộ

Mở bài

Gia đình tôi ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ao ước mãi, hôm nay, nhân một chuyến du lịch về miền Tây cùng ba má, tôi mới có dịp đi thăm chợ nổi Cái Răng.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Giới thiệu cảnh sinh hoạt: chợ nổi Cái Răng.

Khi sương mai còn băng láng trên mặt nước bao la, từ trên xuồng máy, nhìn xa xa, tôi đã thấy ghe xuồng ken dày cả một khoảng sông. Khi sương tan, quang cảnh càng lúc càng nhộn nhịp. Xuồng ghe dập dềnh, tiếng người cười nói lao xao,... vui như mở hội trên sông.⁽²⁾

⁽²⁾ Tả quang cảnh, không khí chung của phiên chợ nổi.

Cả khu chợ trông như một hòn đảo nổi. Từng cụm ghe xuồng neo sát cạnh nhau, hợp lại thành nhiều hình khối vui mắt. Có chỗ theo hình cánh cung, có chỗ theo hình hoa thị, có chỗ không hẳn ra hình thù gì. Chủ nhân giữ cho xuồng ghe của mình đứng im trên mặt nước bằng những chiếc sào lô nhô, chân sào cắm thẳng đứng xuống đáy sông.⁽²⁾

⁽³⁾ Tả cảnh mua bán nơi chợ nổi theo một trình tự nhất định.

Thân bài

Hoá ra, chợ nổi trên sông cũng có đủ các mặt hàng thiết yếu. Việc mua bán cũng thuận tiện.⁽³⁾ Các chủ hàng ở đây có lối rao hàng rất đặc biệt, bằng hiện vật hoặc bằng âm thanh. Tôi thật sự thích thú khi nhìn thấy ngang dọc trên những chiếc sào tầm vông, treo lủng liểng không biết bao nhiêu là thứ hàng. Nào rau củ, trái cây, nào quần áo, rồi xoong nồi, dao thớt, hàng gia dụng, hàng xa xỉ,... đủ loại, đủ màu sắc, hình thù. Khách chỉ nhìn từ xa là đã có thể nhận biết thứ cần mua. Với những mặt hàng khó nhìn, không treo buộc được lên sào, thì chủ ghe dùng cách rao hàng bằng miệng hoặc bằng tiếng kèn.⁽⁴⁾ Vui tai nhất là "rao" bằng kèn. Có tiếng the the phát ra từ những chiếc kèn nhựa nhỏ xíu, bấm bằng tay. Có tiếng trầm trầm đục đục phát ra từ những chiếc kèn to. Hỏi ra mới biết người bán hàng vừa chèo thuyền, vừa đập kèn bằng chân để tạo ra âm thanh. Khách nghe vài lần thành quen, cứ dựa theo âm sắc, lách xuồng tìm đến đúng nơi mà mua hàng. Các loại tiếng "rao" này hoà vào nhau, nghe rộn ràng, xao động cả một vùng sông. Mặt trời lên càng cao, chợ nổi càng rực rỡ màu sắc. Rực rỡ nhất là màu sắc của hoa tươi, trái chín. Từ những vựa trái cây chất cao có ngọn như hòn núi trên các ghe, xuồng, điểm sắc vàng của thơm, cam, xoài chín, sắc xanh pha vàng của chuối, dưa hấu, dưa lê,...⁽⁴⁾ Tất cả như mới hái xuống từ vườn nhà, tươi rói dưới ánh nắng ban mai. Tôi thấy thèm được ăn một lát dưa hấu chín mọng hay uống nước một trái dưa xiêm.⁽⁵⁾

⁽⁴⁾ Miêu tả chi tiết, tạo một số điểm nhấn: các mặt hàng, những cách rao hàng để thu hút khách,...

⁽⁵⁾ Kết hợp thể hiện cảm nhận của bản thân trong khi quan sát, miêu tả.

Kết bài

Trước khi quay vào bờ, tôi ngoái lại nhìn lần cuối toàn cảnh phiên chợ nổi. Cảnh chợ lùi xa dần, rồi khuất hẳn. Tôi biết lòng mình sẽ còn nhớ mãi phiên chợ này – một phiên chợ họp giữa mệnh mông nước bạc và mệnh mông trời xanh...⁽⁶⁾

⁽⁶⁾ Phát biểu ấn tượng, cảm xúc sau khi thăm phiên chợ nổi.

(Bài của học sinh, có chỉnh sửa)

Từ bài viết trên, xác định các đặc điểm của kiểu văn bản tả cảnh sinh hoạt bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Đoạn mở bài và kết bài đã đáp ứng được yêu cầu về bài văn tả cảnh sinh hoạt chưa?
2. Tác giả miêu tả cảnh chợ nổi trên sông theo trình tự nào?
3. Bài văn có gợi tả được cử chỉ, hành động của con người gắn với thời gian, không gian cụ thể? Tác giả đã sử dụng các biện pháp tu từ nào để miêu tả?
4. Người viết có phối hợp các giác quan trong khi quan sát cảnh chợ nổi trên sông?
5. Người viết đã đứng ở đâu để quan sát? Vị trí ấy là cố định hay có dịch chuyển, thay đổi và có giúp việc quan sát thuận lợi hơn không?
6. Từ bài văn trên, em học được những gì về cách miêu tả một cảnh sinh hoạt?

Đề bài:

Hãy tả lại một cảnh sinh hoạt mà em có dịp quan sát hoặc tham dự.

Hướng dẫn quy trình viết

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Xác định đề tài

Trước khi viết, hãy trả lời câu hỏi:
Yêu cầu của đề bài là gì?

Với đề bài nêu trên, em có thể chọn cảnh sinh hoạt để miêu tả, dựa vào những gợi ý sau:

- Cảnh sum họp của gia đình em trong ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày lễ, tết.
- Cảnh thu hoạch ngày mùa.
- Cảnh mua bán trong một siêu thị.
- Cảnh sân trường trong giờ ra chơi.

Thu thập tư liệu

Tư liệu liên quan đến cảnh sinh hoạt mà em miêu tả có thể thu thập từ những nguồn khác nhau, bao gồm tài liệu thực tế và tài liệu lưu trữ.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Để có ý tưởng, em cần:

Trước khi viết, em cần trả lời các câu hỏi:
Văn bản này được viết nhằm **mục đích** gì?
Người đọc có thể là ai?

Việc trả lời hai câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng được nội dung bài viết, cách viết, tăng hiệu quả giao tiếp.

- Xác định một số định hướng chung như: quan sát đối tượng miêu tả từ khoảng cách gần hay xa; nên miêu tả theo trình tự nào, cần tập trung khắc hoạ các hình ảnh nào,...
- Ghi lại bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong quá trình thu thập tài liệu và tìm ý cho bài viết.
- Quan sát lại không gian nơi diễn ra cảnh sinh hoạt mà mình sẽ miêu tả, nếu có điều kiện.
- Đọc lại *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bốn ong*, ... và bài văn ở mục Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản để tham khảo cách quan sát, tả cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt.

Lập dàn ý

Từ những ý đã tìm, lập dàn ý bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí, ví dụ:

Mở bài	Giới thiệu cảnh sinh hoạt được tả – Cảnh sinh hoạt: – Thời gian, địa điểm:
Thân bài	Tả cảnh sinh hoạt 1. Tả cảnh sinh hoạt chung bằng một cái nhìn bao quát: – Ý 1: – Ý 2: 2. Tả một số hình ảnh cụ thể, nổi bật ở cự li gần: – Ý 1: – Ý 2: 3. Tả sự thay đổi của sự vật trong thời gian, không gian: – Ý 1: – Ý 2:
Kết bài	Phát biểu cảm nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt.

Bước 3: Viết bài

Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài. Riêng thân bài nên viết hai đến ba đoạn. Giữa các đoạn nên dùng các từ chuyển tiếp phù hợp để thể hiện được sự thay đổi của cảnh sinh hoạt theo thời gian hoặc theo vị trí, góc độ quan sát. Trong khi tả cảnh, có thể kết hợp thể hiện cảm nhận của bản thân.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa

Tự kiểm tra, xem xét và điều chỉnh những chi tiết liên quan đến nội dung và cấu trúc của bài viết dựa vào những gợi ý trong bảng sau:

Bảng kiểm bài viết tả lại một cảnh sinh hoạt

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở bài	Dùng ngôi xưng hô phù hợp trong khi quan sát, miêu tả.	
	Giới thiệu không gian, thời gian diễn ra cảnh sinh hoạt.	
Thân bài	Tả bao quát cảnh sinh hoạt.	
	Tái hiện được các sự vật, đường nét, màu sắc, âm thanh cụ thể.	
	Kết hợp các giác quan khi quan sát và miêu tả.	
	Tả cảnh sinh hoạt theo trình tự.	
	Thể hiện suy nghĩ, cảm xúc đối với con người, cuộc sống được miêu tả.	
Kết bài	Nêu được ấn tượng, tình cảm của người viết đối với cảnh sinh hoạt.	

Tiếp theo, hãy đọc chậm bài viết của mình một lần nữa, bổ sung những nội dung còn thiếu và sửa các lỗi chính tả, dùng từ ngữ, viết câu.

Rút kinh nghiệm

Hãy sử dụng những câu hỏi sau để tự đánh giá lại những gì mình đã học được sau khi thực hiện bài viết này:

- Việc viết bài văn này giúp em có thêm kinh nghiệm gì trong cách quan sát, cảm nhận cuộc sống con người và cảnh vật?
 - Nếu được thực hiện lại bài viết này, em sẽ điều chỉnh thế nào để bài viết tốt hơn?
- Sau khi hoàn thành bài văn, em có thể chia sẻ với bạn bè, người thân.



NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY VỀ MỘT CẢNH SINH HOẠT

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Em có thể sử dụng những đề tài đã được gợi ý ở phần Viết.

Cùng với việc xác định đề tài, em cần xác định rõ đối tượng người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Sử dụng các ý đã tìm trong bài viết tả lại một cảnh sinh hoạt.

Sử dụng dàn ý đã lập cho bài viết tả lại một cảnh sinh hoạt.

Bước 3: Luyện tập, trình bày

Khi luyện tập và trình bày, em nên:

- Chuẩn bị phần mở đầu và phần kết sao cho hấp dẫn. (Chẳng hạn: đưa ra một tấm ảnh, một bức tranh, một câu thơ, lời hát,... liên quan đến cảnh sinh hoạt để mở đầu bài nói),

- Lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với văn nói,
- Lựa chọn cách nói tự nhiên, phù hợp,
- Phân bố thời gian nói hợp lí.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

- Trong vai trò người nói: cần tập trung ghi nhận những câu hỏi, nhận xét của người nghe và có những phản hồi thoả đáng, thể hiện sự tôn trọng ý kiến của người nghe.

- Trong vai trò người nghe: có thể nêu một số nhận xét hoặc câu hỏi gợi nhắc để người trình bày bổ sung những chi tiết về cảnh sinh hoạt mà người nói chưa gợi tả rõ.

Trước khi nói, em cần trả lời các câu hỏi:

Bài nói này nhằm **mục đích** gì?

Người nghe có thể là ai?

Việc trả lời hai câu hỏi trên sẽ giúp em định hướng được nội dung bài nói, cách nói, tăng hiệu quả giao tiếp.

Bảng kiểm bài nói về một cảnh sinh hoạt

Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Người nói trình bày đủ các phần mở đầu, nội dung chính và kết thúc.	
Cảnh được tả bao quát.	
Cảnh được tả cụ thể.	
Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu phù hợp.	
Chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói.	

ÔN TẬP

1. Văn bản nào trong các văn bản *Lao xao ngày hè*, *Thương nhớ bầy ong*, *Đánh thức trâu*, *Một năm ở Tiểu học* thuộc thể loại hồi kí? Dựa vào đâu để em khẳng định như vậy?
2. Trong các văn bản hồi kí đã học, em thích văn bản nào nhất? Vì sao? Hãy tóm tắt nội dung văn bản ấy.
3. Khi viết một bài văn tả cảnh sinh hoạt, em cần lưu ý đến những điều gì?
4. Em rút ra được bài học gì khi chuẩn bị và trình bày bài nói về cảnh sinh hoạt mà mình quan sát?
5. Hãy chia sẻ với bạn học cùng nhóm cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên của một mùa trong năm. Trong khi nói, em hãy sử dụng biện pháp tu từ phù hợp.
6. Theo em, thiên nhiên muốn trò chuyện cùng ta điều gì?

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

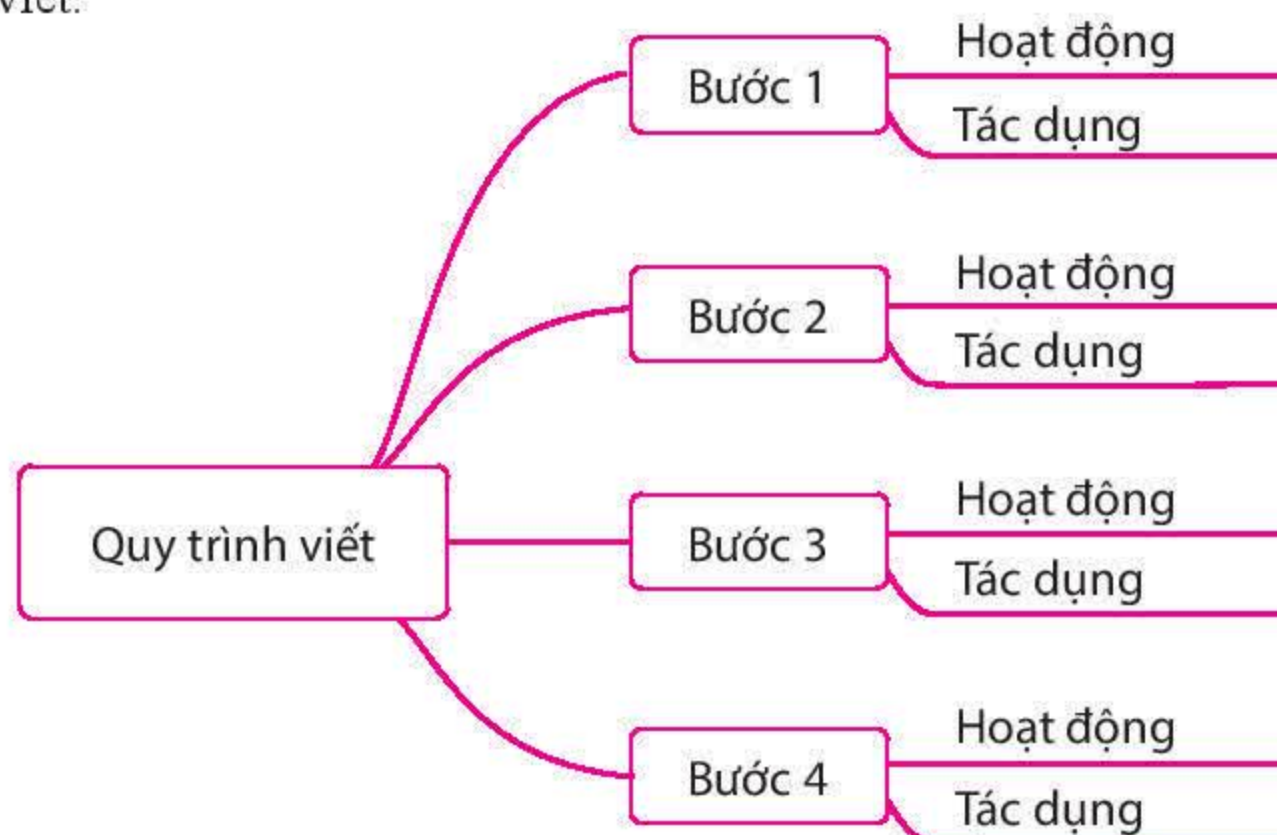
1. Nêu những điểm giống và khác nhau giữa truyền thuyết và truyện cổ tích theo gợi ý dưới đây (làm vào vở):

Thể loại	Truyền thuyết	Cổ tích
Đặc điểm		
Điểm giống nhau		
Điểm khác nhau		

2. Dựa vào đặc điểm của thể thơ lục bát (thanh điệu, cách hiệp vần), hãy sắp xếp các tiếng *trong, không, về* vào chỗ trống trong câu ca dao:

Cần Thơ gạo trắng nước ...
Ai đi đến đó lòng ... muốn ...
(Ca dao)

3. Truyện đồng thoại có những đặc điểm gì?
4. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của thể loại hồi kí?
- Kể lại những sự việc mà người viết tham dự hoặc chứng kiến trong quá khứ.
 - Sự việc thường được kể theo trình tự thời gian.
 - Cốt truyện thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.
 - Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong văn bản thường là hình ảnh của tác giả.
5. Hoàn thành sơ đồ theo mẫu sau để tóm tắt nội dung và ý nghĩa của từng bước trong quy trình viết:



6. Ghép những thông tin về yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt (cột A) với tác dụng của nó (cột B):

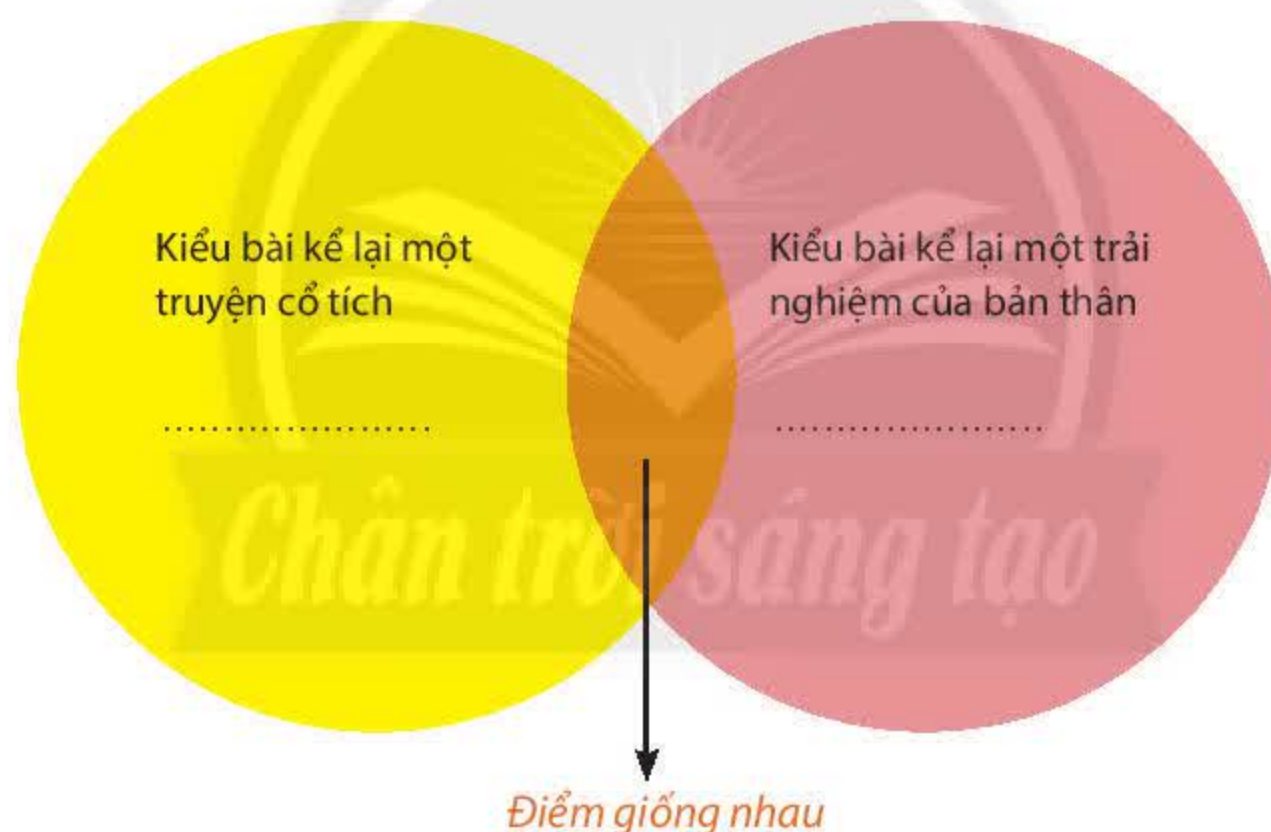
A Yêu cầu đối với kiểu bài	B Tác dụng
1. Giới thiệu thời gian và địa điểm diễn ra cảnh sinh hoạt.	a. Giúp cho cảnh sinh hoạt trở nên xác định hơn.
2. Tả lại cảnh sinh hoạt theo trình tự hợp lí (từ xa đến gần, từ bao quát đến cụ thể).	b. Giúp bài viết gợi được sự đồng cảm ở người đọc.
3. Thể hiện hoạt động của con người trong không gian, thời gian cụ thể.	c. Giúp người đọc hình dung rõ ràng, cụ thể hơn về hoạt động.
4. Gợi tả quang cảnh, không khí chung và những chi tiết tiêu biểu của bức tranh sinh hoạt.	d. Giúp người đọc dễ dàng theo dõi hoạt động được miêu tả.
5. Sử dụng phù hợp các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động.	đ. Giúp người đọc hình dung được quang cảnh chung và điểm nổi bật của cảnh.
6. Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của người viết.	e. Giúp người đọc có cái nhìn vừa bao quát vừa cụ thể về cảnh được tả.

7. Trong bảng sau những đặc điểm nào thuộc về nội dung, đặc điểm nào thuộc về hình thức của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát (làm vào vở):

Đặc điểm	Nội dung	Hình thức
Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.		
Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.		

Có một câu chủ đề (ở đầu hoặc cuối đoạn) nêu nội dung khái quát toàn đoạn.		
Mở đoạn: giới thiệu chung về bài thơ (nhân đề, tác giả, chủ đề, cảm xúc chung).		
Thân đoạn: trình bày trọn vẹn cảm xúc của người viết về nội dung, nghệ thuật bài thơ và nêu dẫn chứng cụ thể.		
Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.		

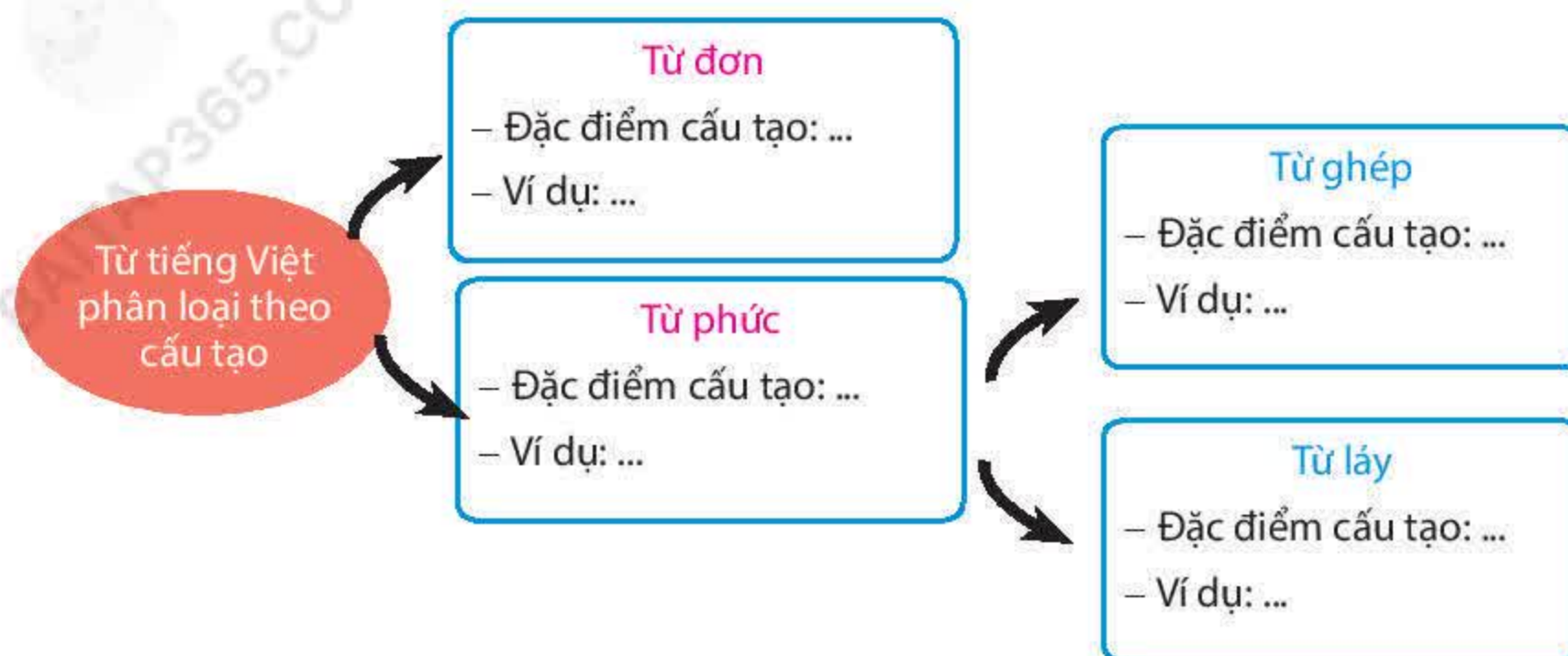
8. Dùng mẫu sơ đồ sau để chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa kiểu bài kể lại một truyện cổ tích với kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân:



9. Vì sao trước khi nói hoặc trình bày một vấn đề, ta cần trả lời những câu hỏi sau:

- Người nghe là ai?
- Mục đích nói là gì?
- Nội dung nói là gì?
- Thời gian nói bao lâu?
- Vấn đề sẽ được trình bày ở đâu?

10. Em hãy hoàn thành sơ đồ sau (làm vào vở):



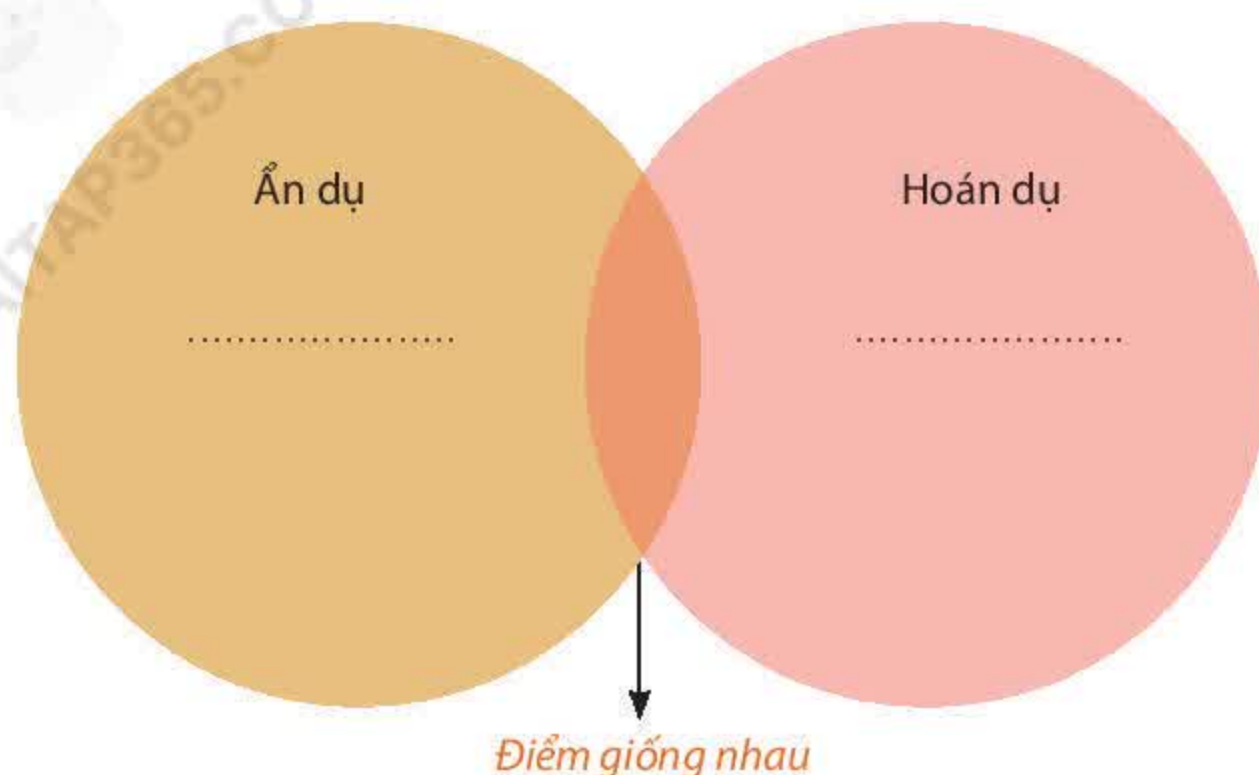
11. Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu:

Cái chàng Đẻ Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu, mà mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ.

(Tô Hoài, *Bài học đường đời đầu tiên*)

- Tìm các từ đơn có trong câu “Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê”.
 - Tìm các từ ghép và các từ láy có trong đoạn văn. Phân tích tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn văn trên.
 - Những từ như “râu ria”, “mặt mũi” có phải là từ láy không? Vì sao?
12. Các thành phần chính trong câu thường được mở rộng bằng cách nào? Hiệu quả của việc mở rộng ấy là gì? Mở rộng các câu sau và cho biết cách thức mở rộng:
- Trời mưa.
 - Gió thổi.
 - Nó đang đọc sách.
 - Xuân về.
13. Để lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản, người viết (nói) cần thực hiện những thao tác gì? Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong những câu sau và giải thích lí do lựa chọn:
- Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ... (*nồng nhiệt/ nhiệt tình*) của người xem.
 - Nhút nhát là... (*nhược điểm/ khuyết điểm*) vốn có của cậu ấy.
 - Ông ấy đang miệt mài... (*nặn/ tạc/ khắc*) một pho tượng bằng đá.

14. Dùng mẫu sơ đồ sau để chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa ẩn dụ và hoán dụ:



15. Xác định ẩn dụ và hoán dụ trong những ví dụ sau:

a. *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.

(Nguyễn Khoa Điềm, *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*, in trong *Thơ Nguyễn Khoa Điềm, tuyển thơ 40 năm do tác giả tuyển chọn*, NXB Văn học, 2012)

b. *Dưới trăng quỳên đã gọi hè*

Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1983)

c. *Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn*

Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn.

(Tố Hữu, *Bác ơi!* theo *Ngữ văn 12*, tập một, Trần Đình Sử (TCB) NXB Giáo dục Việt Nam, 2012)

16. Tìm trạng ngữ trong đoạn văn sau và chỉ ra chức năng của chúng:

Thuở ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược khiến cho thiên hạ căm giận chúng đến tận xương tủy. Bây giờ, ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần nghĩa quân bị thua. Thấy vậy, đấng Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn thanh gươm thần để họ giết giặc.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Sự tích Hồ Gươm*)

BẢNG HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG ĐỌC

Đọc là cách thu nhận thông tin, khám phá ý tưởng của người khác, đồng thời học cách tư duy, cách giao tiếp hiệu quả, qua đó, làm giàu tâm hồn mình. Những kĩ năng mà người đọc thường xuyên sử dụng trong khi đọc là:

Kĩ năng đọc	Chỉ dẫn	Tác dụng
Xác định mục đích đọc	Trước khi đọc, tự trả lời các câu hỏi: – Đọc văn bản này để thưởng thức gì? – Đọc văn bản này để có thêm thông tin gì? – Đọc văn bản này để biết cách thực hiện một công việc gì?	Đọc văn bản hiệu quả hơn.
Xem trước	Trước khi đọc kĩ từng dòng, đọc lướt qua tựa đề, mục lục, một số hình ảnh trong văn bản.	Hình dung bước đầu về nội dung văn bản.
Đọc lướt	Đọc nhanh qua một số trang.	Bước đầu nắm bắt thông tin chính của văn bản.
Đọc quét	Đọc kĩ một vài chỗ để tìm lại những từ, cụm từ, thông tin quan trọng, cụ thể trong văn bản.	Nhanh chóng tìm được thông tin.
Dự đoán	Đoán trước điều có thể xảy ra trong văn bản.	Chủ động trong quá trình đọc và làm cho việc đọc trở nên thú vị, hấp dẫn.
Đặt câu hỏi	Nêu ra những câu hỏi trong đầu khi đọc. Ví dụ: <i>Tại sao tác giả viết như vậy? Điều này có ý nghĩa gì? Vì sao nhân vật lại hành xử như vậy?,...</i>	Tìm kiếm câu trả lời trong quá trình đọc để hiểu văn bản hơn, đồng thời tự kiểm soát quá trình đọc hiểu của bản thân.
Liên hệ	Kết nối những gì đang đọc với những gì đã biết. Có ba loại liên hệ: (1) <i>Liên hệ với bản thân</i> : kết nối những gì tác giả trình bày trong văn bản với cuộc sống, suy nghĩ, tính cách,... của chính người đọc; (2) <i>Liên hệ với văn bản khác</i> : kết nối văn bản đang đọc với những văn bản khác đã đọc, có nội dung tương tự; (3) <i>Liên hệ với thế giới xung quanh</i> : kết nối những vấn đề mà văn bản nêu lên với những gì đã và đang xảy ra trong cuộc sống.	Hiểu văn bản, hiểu chính mình cũng như cuộc sống sâu sắc hơn.
Tưởng tượng	Hình dung trong đầu về những gì đang đọc (nhân vật, sự kiện, bối cảnh,...).	Hiểu, nhớ và cảm nhận rõ hơn về thế giới hình ảnh trong văn bản, giúp văn bản trở nên sống động, hấp dẫn và thú vị hơn.

So sánh	Tìm sự tương đồng hoặc/và sự khác biệt giữa các nhân vật, sự kiện, thông tin,... trong cùng một văn bản hoặc giữa các văn bản.	Hiểu rõ những điểm giống và khác nhau giữa các nhân vật, sự kiện, thông tin trong một văn bản hoặc giữa văn bản này với văn bản khác.
Suy luận	Rút ra những kết luận hợp lí dựa trên việc kết hợp những từ ngữ, hình ảnh, chi tiết,... được trình bày trực tiếp trong văn bản với hiểu biết của bản thân.	Hiểu thông điệp mà tác giả không thể hiện trực tiếp ở văn bản; hiểu sâu hơn về cuộc sống của bản thân; phát triển tư duy logic.
Theo dõi	Đọc lại những đoạn đã đọc để đánh giá lại cách hiểu văn bản của bản thân (chỗ nào đã hiểu, chưa hiểu hoặc hiểu chưa đúng).	Điều chỉnh, kiểm soát sự hợp lí của những ý nghĩa mà em đã tạo ra cho văn bản.
Diễn giải lại thông tin	Diễn giải lại ý chính của văn bản theo cách hiểu của mình. Kể lại những diễn biến của một câu chuyện.	Rút gọn những thông tin đã đọc.
Rút ra kết luận	Kết nối các thông tin và chi tiết trong văn bản với kiến thức nền của người đọc, từ đó rút ra một kết luận có tính khái quát. Hoạt động này giống như ghép các mảnh thành một bức tranh hoàn chỉnh.	Hiểu tác giả muốn nói gì.
Đánh giá	Nhận xét về những gì đã đọc: nhân vật, câu chuyện, ý tưởng, chi tiết, cách tác giả thể hiện nội dung và hình thức của văn bản, dựa trên những bằng chứng cụ thể (chi tiết, sự kiện,...).	Nhìn nhận mặt đúng, sai, hay, dở, tốt, xấu của những gì đã đọc, từ đó rút ra các bài học hữu ích từ văn bản.
Tóm tắt	Lược bỏ những ý phụ, giữ lại những thông tin cốt lõi của văn bản và diễn đạt lại bằng ngôn ngữ của người tóm tắt một cách ngắn gọn (có thể bằng sơ đồ).	Nhận ra mạch triển khai ý của tác giả, nhớ văn bản tốt hơn.
Xác định ý chính và những chi tiết bổ trợ	Tìm thông điệp quan trọng nhất mà tác giả muốn nói với chúng ta thông qua một đoạn văn hoặc văn bản. Tìm những từ ngữ hoặc câu văn, bằng chứng được dùng để diễn giải, làm rõ ý chính.	Hiểu thông điệp mà tác giả muốn nói; nhận ra mạch tư duy, cách lập luận của người viết; nhận ra mối quan hệ giữa thông điệp và các chi tiết.
Đọc hiểu phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	Quan sát những hình ảnh, tranh vẽ, bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu,... trong văn bản.	Hình dung rõ những thông tin được trình bày trong văn bản qua các hình ảnh; hiểu ý nghĩa, tác dụng của các sơ đồ, biểu bảng trong việc thể hiện thông tin.

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Trang
A	Ẩn dụ	111
C	Chủ đề	38
	Cốt truyện	18
	Cụm từ	82
Đ	Đề tài	38
	Đoạn văn	75
H	Hồi kí	111
	Hình ảnh	60
	Hoán dụ	111
K	Kí	111
L	Lời của người kể chuyện	38
	Lục bát	60
N	Nhân vật	18
	Người kể chuyện	38
T	Trạng ngữ	38
	Truyện cổ tích	37
	Truyền thuyết	17
	Truyện đồng thoại	81
	Từ đơn	18
	Từ ghép	18
	Từ láy	18
	Từ phức	18
Y	Yếu tố kì ảo trong truyền thuyết	18

BẢNG TRA CỨU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
H	Heung Bu	Heng-bu	49
L	Luang Phrabang	Luông-phơ-ra-băng	65
M	Maxim Gorki	Mắc-xim Go-rơ-ki	12
N	Nol Bu	Non-bu	49
P	Poster	Pốt-xơ-tơ	12
R	Robert Frost	Rô-bốt Phơ-ro-xơ-tơ	70

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập lần đầu: NGUYỄN THỊ THANH HẢI – HÀ THỊ THANH NGÀ

Biên tập tái bản: PHAN THỊ BÍCH VÂN – NGUYỄN THỊ LÝ

Biên tập mỹ thuật: THÁI HỮU DƯƠNG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh họa: DIỄM QUỲNH – MINH NHỰT – HONG NHÂN – THANH BÌNH

Sửa bản in: PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2021) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VĂN 6 – TẬP MỘT (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2HH6V001m22

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 1-2022/CXBIPH/631-1820/GD

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-28836-3

Tập 2: 978-604-0-28837-0



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|-----------------------------|----------------------------|
| 1. NGỮ VĂN 6, TẬP MỘT | 8. KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 |
| 2. NGỮ VĂN 6, TẬP HAI | 9. CÔNG NGHỆ 6 |
| 3. TOÁN 6, TẬP MỘT | 10. TIN HỌC 6 |
| 4. TOÁN 6, TẬP HAI | 11. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 6 |
| 5. TIẾNG ANH 6 | 12. ÂM NHẠC 6 |
| Friends Plus - Student Book | 13. MĨ THUẬT 6 |
| 6. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6 | 14. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, |
| 7. LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6 | HƯỚNG NGHIỆP 6 |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- **Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử Cáo lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-28836-3



9 786040 288363

Giá: 23.000đ